

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ-BIỆM VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 60 — 1 - 7 - 1961

1.— Sinh ngữ trong các kỳ thi	Tù-tài Việt . . Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Con ngựa gỗ (truyện ngoại quốc) . . .	N.T. Cúc	10 — 14
3.— Lê đại Hành hữu công hay đắc tội?	Phong Cầm	15 — 20
4.— Một mình (thơ)	Thanh Nhung	21
5.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	22 — 28
6.— Tìm dĩ vãng (truyện ngắn)	Hoàng Thăng	29 — 33
7.— Giang san nước Việt: Biên Hòa	Bùi văn Cang	34 — 38
8.— Hermann Goering, người đầu tiên, sáng lập ngành gián điệp Đức	Lâm tùng Sinh	39 — 47
9.— Buồn chúa nhật (thơ)	My Sơn	48
10.— Ký giả thuở trước	Tế Xuyên	49 — 54
11.— Những người đàn bà lừng danh	Tân Phong	55 — 61

12.— Thái nhân tạo	Bs. Hoàng Hoa	62 — 68
13.— Một thế giới bí ẩn: Đại Dương	Anh Vũ	69 — 75
14.— Những áng thơ hay	Bàng Bá Lân	76 — 79
15.— Nhân vật xuân thu	Thiếu Sơn	80 — 86
16.— Tâm sự một người cầm (thơ)	Phương Tấn	87
Gặp gỡ (thơ)	Phượng quốc Anh	88
17.— Minh ơi! Em thấy Minh nhưc rằng em thương quá	Diệu Huyền	89 — 97
18.— Hai cái chuông	Phong Võ	98 — 100
19.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	101 — 106
20.— Ma không chồng (truyện rút ngắn)	Trần Chu	107 — 113
21.— Thơ lên ruột	Diệu Huyền	114 — 115
23.— Mồ hôi nước mắt	Nguyễn Vỹ	116 — 121
22.— Sách báo mới	Phổ Thông	— 122
24.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	123 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong. Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm, về các bài la cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



XÃ-LUẬN

SINH - NGỮ

trong các kỳ thi
Tú - tài Việt



TÔI xin đưa lên Bộ Giáo-dục và các bậc Giáo sư, các nhà Trí-thức, xem một bài luận Pháp văn của một thí sinh Tú Tài Việt phần I vừa rồi, để các ngài thấy đại khái trình-độ hiểu biết sinh ngữ của phần đông các bạn học-sinh ta hiện nay :

... Je vais aller pour France afin faire un longue étude dans l'université de Sarbon.

Hier soir, pendant je préparais les voyagenses j'ai retrouvé par hasard une photographie de ma famille au complet datant de dix ans.

*Oh ! Si joie ! Sans fatigué je vois cet photographie tout le soir
Le temps est passé. La photographie est vieux, mais elle est encor éclairé pour voir toutes ses caractères.*

Grand-maman asseil dans une fauteille, mes parants, mes frères mes sœurs et moi. Nous sommes gadebout autour de lui.

Grand-maman est mortel ala pas photo.»

Original du devoir d'un candidat au Baccalauréat Vietnamien.
Session de Mai 1961.

(Chép đúng nguyên văn bài thi của một học-sinh Trung-học dự thi môn Pháp văn Tú tài I, ngày 24-5-1961).



PHẢI nói ngay rằng không phải thí-sinh Tú-tài I nào cũng làm bài sinh-ngữ tương tự như kiểu-mẫu trên kia, nhưng 80 phần 100 các bài đều chứng tỏ một trình-độ quá kém cỏi như thế. Đứng trước kết-quả vô-cùng kinh-ngạc ấy, các Giáo sư sinh-ngữ là những người đầu tiên tỏ vẻ thất vọng. Đó là kết-quả rõ rệt của chương-trình sinh-ngữ trong các lớp Trung-học Việt-Nam từ mấy năm nay.

Vậy, chỉ có một kết-luận hợp-lý : nếu thấy không cần dạy sinh-ngữ cho thanh-niên Việt-Nam, thì thà bỏ hẳn nó đi. Đoạn tuyệt hẳn. Còn nếu thấy cần, thì phải sửa đổi lại chương-trình sinh-ngữ, mở rộng ra, dạy thêm giờ, và giao phó trách-nhiệm rèn-luyện sinh-ngữ cho các giáo-sư có đầy-dủ khả-năng, và có kinh-nghiệm.

Không dạy thì thôi, dạy thì phải cho chu-đáo, theo một chương-trình và một phương-pháp đã được áp-dụng tại các nước Đông-Á hiện nay, như ở Ấn, ở Nhật, ở Trung-Hoa, Cao-Miên, v.v...

Ai cũng biết MAROC và TUNISIE là hai thuộc-địa cũ của Pháp, bây giờ là hai quốc-gia độc-lập hùng cường, có uy-tín nhất ở Phi-Châu, cũng như Việt-Nam ở Đông Nam-Á. Vừa rồi, Bộ-trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục Maroc, ông NACER EL FASSI, không ngần ngại tuyên-bố như sau đây : «Hiện năm 1961, chúng tôi có 20 trường Sư-phạm và 1.200 giáo-sư có kinh-nghiệm và đầy đủ khả-năng để dạy sinh-ngữ cho các trường Trung-học. Chúng tôi đã cải-tổ chương-trình Trung-học để có thể đào-tạo trong một thời gian tí nhất là 3 năm những cán-bộ trung-cấp trong các ngành hoạt-dộng.

«Cũng như ở xứ Tunisie, chúng tôi dùng Pháp-văn làm chuyên-ngữ. Các em từ 6 đến 8 tuổi thì học toàn tiếng A-rập (tiếng mẹ đẻ) trong hai niên-khoá đầu-tiên của tiểu học (lớp Năm và lớp Tư), nhưng từ 9 tuổi đến 11 tuổi (lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất) thì mỗi tuần chúng tôi dạy 15 giờ tiếng A-rập và 15 giờ tiếng Pháp. Địa-lý, Sử-ký, Khoa-học, đều dạy chuyên bằng Pháp-ngữ.

«Chúng tôi không có ý-định A-ráp-hóa chương-trình giáo-dục, ít nhất trong vài ba thế-hệ nữa, vì theo tình-trạng tiến-triển của nhân-loại hiện nay, chúng tôi nhận thấy Pháp-ngữ là một sinh-ngữ của Tiến-bộ. Tổng-Hội Sinh-Viên Maroc, và Tổng-Liên-Đoàn Lao-Động Maroc đều đồng-thanh tán-thành chính-sách giáo-dục của chính-phủ.»

Ông Bộ-trưởng Maroc còn cho biết theo kế-hoạch của chính-phủ hiện đang xúc-tiến, thì sang năm 1963 phải có 69% học-sinh Trung-học Maroc thật thông-thạo về ngoại-ngữ, để đeo-đuôi các trường Đại-học Quốc-tế.

Hiện giờ quốc-gia độc lập Tunisie đang quật-cường của Tổng Thống Bourguiba, và các nước Phi-Châu vừa được độc-lập, kể cả Egypte (Ai-Cập) cũng đang mở rộng chương-trình sinh-ngữ, nhất là Anh và Pháp ngữ — để theo kịp với các cường quốc tiến bộ.

Ngu-y của chúng tôi là nên gát vấn-đề ái-quốc hẹp-hòi và lối thời ra một bên, để lo xây-dựng một Quốc gia hùng mạnh trên trường quốc-tế, có miệng lưỡi để ăn nói với người ta, có đủ tài năng để tranh đấu với người.

Xem những bài thi sinh-ngữ (tiếng Pháp cũng như tiếng Anh) trong các kỳ thi Tú-tài Việt niên-khoá vừa rồi, chúng tôi xin trình-bày thẳng-thắn cảm-tưởng rất bi-quan của chúng tôi.

N. V.



★ Danh-ngôn

— *There is nothing either good or bad, but thinking makes it so.*

(Không có việc gì là tốt hay xấu trên đời, chỉ có sự suy nghĩ để cho những việc đó là tốt hay xấu mà thôi.)

SHAKESPEARE (Đại kịch-sĩ Anh)

CON NGỰA GỖ

Đây là một chuyện thật về cuộc sắp đặt vượt ngục của tù binh Anh tại một trại giam của quân Đức trong trận Thế giới đại chiến lần thứ hai vừa rồi.

SAU một trận xáp chiến kinh-khủng, quân-đội Đức bắt sống được một số tù binh Anh. Những tù binh này sống vô cùng chật vật trong những gian chòi cắt thành một khóm cheo - leo ở giữa một vùng đồi cao và rộng. Một hàng rào, dây kẽm gai dày có đến ba tấc bao bọc cả vùng đất ấy. Ngày đêm lính Đức canh gác từng chặn

ngoài vòng rào, và tối đến họ vẫn đèn chói sáng khắp vùng trại giam. Vì thế mỗi hành-động nhỏ nhất của tù binh ra vào cửa chòi giam họ đều trông thấy cả.

Hàng rào dây kẽm gai bao bọc cách trung - tâm chòi giam một khoảng rất xa để tránh việc tù binh đào đường hầm ra phía ngoài hàng rào. Việc vượt ngục dường như không thể thi-hành được bất cứ bằng cách nào, với

★ N. T. CÚC

sự canh gác cẩn - mật như thế. Thật vậy, từ khi tù-binh bị giam nơi đây, không có cuộc vượt ngục nào xảy ra cả.

Từ giữa trại giam mà đào đường hầm ra đến rặng rào thì quá xa, cần có một thời gian lâu mới xong và rất có thể bị bại-lộ. Vấn đề khó nghĩ là phải tìm cách nào để đào cửa hầm — tức là nơi khởi sự — được gần hàng rào nhưt. Công việc nguy-hiểm và khó - khăn như vậy, phải làm sao đừng để lộ ra một tí gì khiến cho quân Đức nghi ngờ mới được. Họ có thể đào hầm từ dưới sàn của chòi giam vào ban đêm rồi đập nắp hầm bằng tấm ván để hôm sau đào tiếp được. Chớ đào ở giữa sân trống trải thì làm sao cho quân canh khỏi nghi ngờ ?

Sau cùng, một anh tù binh đưa ra ý-kiến. Anh nhớ tới một vật dùng chơi trò « nhảy trừu », (saute-mouton) và để tập các môn thể thao khác ở trường học mà lúc nhỏ anh thường chơi. Vật đó tức là « con ngựa », làm bằng giấy bồi thật cứng, hay bằng gỗ, hình dáng giống thân mình con ngựa. Bây giờ đây, anh nghĩ ra cách làm một « con ngựa » khá

lớn và đóng bằng gỗ, để bọng ruột. Xong, đám tù binh cố nài xin và thuyết - phục quân Đức cho phép họ dùng « con ngựa gỗ » ấy để chơi « nhảy trừu » và tập thể thao mỗi sáng. Họ lại xin phép cho được đặt xa xa trại giam, lối gần hàng rào dây kẽm gai.

Sau khi khám xét con ngựa gỗ và cách thức cuộc chơi, quân Đức thấy trò chơi ấy cũng thông thường và cũng không có chi đáng nghi ngờ. Họ chấp thuận ngay.

Qua hôm sau, tù binh bắt đầu chơi « nhảy trừu », và thi hành ý-định. Hai người chun vào bụng rỗng của con ngựa xong, được bốn bạn đồng lao khiêng ra đặt gần hàng rào. Hai người núp trong bụng ngựa bắt đầu đào đất, trong lúc những anh tù binh khác ở ngoài chơi nhảy trừu và tập nhẩy thể thao.

Cứ mỗi lần khiêng ra sân chơi, con ngựa phải đặt đúng vào chỗ cũ hôm trước và lần nào cũng có hai người đào đất ngồi trốn trong ấy. Lại còn một vấn-đề phiền - phức là làm cách nào phân-tán những đồng đất và cát đã đào lên ở đường hầm ?

Rốt cuộc rồi họ cũng giải-quyết được nỗi khó-khăn ấy. Tất cả mọi người tù trong trại đều rán góp công trong việc nguy-hiểm. Họ lấy quần áo, mền cũ may thành những cái bao để giấu đất. Cứ mỗi lần hết giờ chơi, con ngựa được khiêng vào thì họ hốt đất bỏ vào bao giấu thật kín đáo.

Một số tù-binh hăng-hái tham dự vào cuộc chơi nhảy trưu mỗi ngày trong khi ở trong bụng con ngựa gỗ, hai người khác đang tiếp-tục đào. Muốn cho lần sau đặt con ngựa cho đúng chỗ thì họ noi theo những dấu chân nhảy ngày trước. Người đào ở trong bụng ngựa dùng một tấm ván vừa đủ đầy lỗ cửa hầm rồi đắp cát lên tấm ván đó mỗi khi ngưng đào lúc gần hết giờ chơi. Vì thế sau khi khiêng ngựa vào thì mặt đất nơi ấy vẫn thấy trơn-tru và bằng phẳng như thường.

Có lần lính canh Đức hơi nghi ngờ con ngựa gỗ. Họ quan-sát kỹ-lưỡng con ngựa nhưng không thấy có gì trong đó cả. Ban đêm chúng thường đến trại giam rình xem, nhưng không có điều gì tỏ ra con ngựa

bằng cây bọng ruột ấy có thể dùng làm việc gì khác hơn là ban ngày tù-binh dùng nhảy-trưu và tập thể thao.

Sau vài lần để-ý, chúng mới nhứt định tin là vật ấy không có gì đáng lo cả.

Ngày này qua ngày khác.. Hơn hai tuần trôi qua, con ngựa bằng cây vẫn cứ được khiêng ra sân, đặt y chỗ cũ như những ngày hôm trước. Tù binh chơi trong một vài giờ đồng hồ và trong bụng con ngựa, hai người đào hầm mở tấm nắp hầm để nhẹ-nhàng chun xuống tiếp tục đào thêm. Đất và cát được đem vào trại theo hai người ngồi trong ấy. Lâu hồi, vào ban đêm, tù binh lên ném đất ấy rải-rác khắp nơi ở sân để quân Đức khỏi để ý.

Dù quyết-chí vượt mọi trở-ngại, hiểm-nguy để đạt tới sự tự-do cho bản thân, nhưng công việc khó khăn lâu dài này đôi khi cũng làm họ chán nản và mệt trí.

Có một lần nọ, thỉnh linh nắp hầm sụp xuống suýt chôn sống một người. Lại một lần khác, trong khi đang nhảy và tập thể thao một người chợt để ý thấy mặt đất bắt đầu sụp đổ ở khoảng đường

hầm đang đào ! Hấn xanh mặt, hoảng hốt vì sợ bại lộ cơ mưu.. Nhưng liền đó, hấn nảy ra một ý : hấn giả vờ bị trật chân rồi ngã nằm dọc theo nơi đường đất sụp để quân canh không trông thấy sự thay đổi trên mặt đất nơi họ chơi nhảy ngựa. Đoạn những tù binh bạn đang chơi, liền tụ lại chung quanh hấn, la to lên bằng tiếng Anh hầu cho quân Đức không hiểu được. Vừa la hét họ vừa gọi người dưới hầm báo tin việc xảy ra ở mặt đất. Rất may người dưới hầm nghe được và lập tức nâng nóc hầm lên.

Mặt đất trở lại bằng phẳng như cũ.

Cuộc chơi nhảy ngựa cứ được tiếp tục mỗi ngày và công việc đào hầm vẫn được giữ bí mật.. Trong khi ấy, tất cả mọi sự sắp đặt được mọi người trong trại giam giúp đỡ lo liệu.

Thoát ra trại giam và ra khỏi vòng rào là một thử thách nguy hiểm duy nhứt. Từ trung tâm nhà giam phải còn phân nửa nước Đức mới đến bờ biển. Biết bao là trở lực phải qua. Từ vượt ngục phải có tiền, quần

áo, thức ăn và giấy tờ giả mạo. Cũng cần phải biết giờ mỗi chuyến xe lửa và lại phải hiểu biết vài sự việc của thành phố mà họ sẽ phải đi ngang qua.

Vài tháng sau, mọi việc sẵn sàng.

Sau cùng, ngày thử thách đã đến.. Đường hầm đã đào xong. Cửa ra đã đào khỏi vòng rào dây kẽm khá xa, nhắm hướng vào những đám cây rậm rạp và cách một khoảng xa các quân canh. Tất cả mọi dự định, mưu tính, đều sẵn sàng. Ba người sẽ đi đầu tiên. Họ chun vào bụng con ngựa gỗ và được khiêng ra sân đặt chỗ thường ngày. Họ mở nắp để xuống đường hầm nơi ấy đã để sẵn đồ đạc, và các thức ăn từ hôm qua. Trên mặt đất, các bạn họ vẫn giả vờ chơi nhảy ngựa. Một lúc lâu họ khiêng con ngựa vào trại để lần lượt đem những người khác xuống hầm từ sáng tới chiều. Họ đã được chơi 3 buổi trong ngày. Tất cả ở dưới hầm họ phải chờ đến chiều tối mới chun lên cửa ra và chiều tối cũng là giờ điếm tù.

Sau đây chỉ nói riêng về ba

người vượt ngục đầu tiên :

Trời vừa sụp tối như đã dự tính trước — thành linh trong trại giam có một tiếng la hét hỗn-hợp. Những tù binh dường như đang làm chuyện gì bất thường. Họ la hét, chạy vô, chạy ra ở trại giam rồi chạy ra khỏi trại. Họ đập đổ, bẽ cây rồi la cười như đang nô đùa giỡn cợt nhau. Tất cả các quân canh Đức đều dồn mắt vào trại để ý, trông chừng những hành động ấy. Tất cả đều nhìn chăm chập vào đám tù binh ở trại, không còn biết việc gì xảy ra phía sau. Chính là lúc ấy, ba người vượt ngục bỏ nhẹ nhàng, lảng lạng ra khỏi cửa hầm phía bên kia hàng rào, rồi lên ra xa để khuất dạng giữa đám cây rậm bóng tối,

Một trong những người vượt ngục băng qua nước Đức một

minh. Còn hai người kia đi chung nhau. Họ ăn mặc cố soạn cho giống người Pháp và bạo dạn đạp xe lửa đi. Họ cũng dừng lại để nghỉ ở khách sạn nhưng rất thận trọng, không để lộ một chút gì khiến ai để ý cả. Có một lần họ bị nguy hiểm và chạy trốn chết. Sau cùng họ đến một thành phố ở miền bờ biển phía Bắc và đáp tàu đi Đan-Mạch. Từ xứ này, dân Đan-Mạch giúp đỡ họ qua Thụy-Điển — một nước không có chiến tranh với Đức — ở đây họ lại gặp được hai người kia. Cả ba đều bình yên rồi cùng nhau đáp máy bay trở về Anh-quốc.

Còn số phận những người vượt ngục sau không biết ra sao...

(Viết theo một tài liệu Anh)



★ Trong rạp ci-nê

Cặp vợ chồng già ngồi coi chớp bóng, phim cao-bồi. Ông chồng ngồi ngồi một lúc, bỗng có âm-nhạc ồn-ào nổi lên, ông giật mình thức dậy cần-nhần bảo vợ :

— Bà làm ơn tắt radio, ồn quá!

Lê Đại-Hành

hữu công hay đắc tội ?

TỪ THANH - LIÊM ĐẾN ĐƯƠNG-LÂM

★ PHONG-CẦM

LÊ-ĐẠI-HÀNH tên tộc là Lê - Hoàn sinh năm 940 tại làng Bảo - thái, huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-nam con của một vị thổ-hào. Lúc nhỏ, bần-chất thông-minh, thích tập luyện võ-ngệ hơn văn - chương, thi, phú.

Thời Hậu Ngô-vương (950 - 965) trong nước loạn-lạc, thổ-hào các nơi không ai chịu thần-phục Nam-tấn vương (Ngô Xương - Vãn), mỗi người chiếm một cõi xưng là « Sứ-quân », kẻ chung thì có cả thấy 12 sứ-quân như thế.

Lúc bấy giờ Lê-Hoàn mới 15

tuổi, gặp lúc tang cha, nên bỏ huyện Tham-liêm cùng mẹ đến nương nhờ Ngô Nhật-Khánh ở huyện Đường-lâm (tỉnh Sơn-tây).

Ngô Nhật-Khánh cũng là 1 Sứ-quân trong số 12 Sứ-quân xưng lên độc-lập, nghĩa là không tùy thuộc vào vương quyền của Ngô-Xương-Vãn. Ngô Nhật-Khánh xưng hiệu là Ngô Lâm - Công, chiếm giữ huyện Đường-lâm, nhiều dự kế hiền-tài để củng cố địa-vi mình. Nhờ hoàn-cảnh thuận tiện ấy Lê-Hoàn có cơ-hội luyện-tập võ-ngệ, không đầy bảy năm Lê-Hoàn trở nên một thanh-niên giỏi võ, lại có sức mạnh hơn người, nên được Ngô Nhật-Khánh tin dùng cho làm tướng tiên phong

trong những trận chiến với các Sứ quân khác như Kiều Công-Hân ở Bạch - hạc, Đỗ Cảnh Thạc ở Thanh - oai, Phạm Bạch - Hồ ở Đằng-châu, v.v...

Những trận chiến để tiêu diệt lẫn nhau giữa 12 Sứ - quân tiếp diễn từ năm này đến năm khác, nhà Hậu Ngô - Vương do Ngô Xương - Vãn làm đại diện luôn luôn tỏ ra bất lực, không đánh dẹp được các sứ-quân, đất nước bị chia cắt suốt 22 năm (945-967).

Riêng Lê-Hoàn từ một tướng tiên phong, nhờ theo phò Sứ-quân Ngô Nhật-Khánh lập được nhiều chiến-công được gọi là Hạ-quan (chức Đại-tư-mã của một triều-đình), uy danh bắt đầu vang dậy từ đó.

Từ Thanh - liêm đến Đường lâm Lê-Hoàn đã tạo được uy-thế của bước đầu đề lần hồi trên lên tốt đỉnh vinh-quang.

THEO VỀ VAN - THẮNG - VƯƠNG

Trải qua 22 năm bị chia xẻ từng mảnh mung, nước ta bị đặt trong tình-trạng đen tối, dân-chúng khổ sở không sao tả xiết. Mãi đến năm

967, dựa vào thế lực sẵn có của Sứ-quân Trần Minh-Công ở Bồ hải-Khâu (tỉnh Thái-Binh), Đinh Bộ-Lĩnh liền đem quân đánh dẹp các Sứ-quân Phạm phòng Át, Đỗ Cảnh-Thạc, Phạm Bạch-Hồ, Lữ Đường, Kiều-Thuận. Dân chúng mừng rỡ tôn Đinh Bộ-Lĩnh làm Vạn-thắng-Vương.

Thấy uy-thế của Vạn - thắng - vương quá lớn, ngầm lại mình đang bị lẻ-loi cô-lập nên Lê-Hoàn khuyên Ngô Nhật - Khánh thăm phục Vạn-thắng-vương.

Năm 968, Vạn-thắng-Vương, Đinh-Bộ-Lĩnh dẹp xong 12 Sứ quân, thống nhất đất nước, tự xưng là Đinh Tiên-hoàng-Đế, đóng đô ở Hoa-lư đổi quốc hiệu là Đại Cồ Việt và phong Lê-Hoàn làm Thập-đạo tướng quân.

Từ chức Hạ-quan của một Sứ quân, Lê-Hoàn đàng - hoàng bước vào triều đình Đinh với chức Thập-đạo tướng-quân, Lê-Hoàn quả đáng hãnh diện với cái vinh-dự đó.

Nhưng Lê-Hoàn là một tướng tài nhiều ước vọng, khi bước lên chỗ cao-sang của danh-vọng rồi, tất nhiên Hoàn không thể dừng lại ở nhiệm-vụ cai quản ba

quân tướng-sĩ, Hoàn vẫn muốn nâng địa vị mình cao hơn nữa. Dịp may đưa đến: Dương hậu (vợ Đinh-Tiên-Hoàng) có lòng ái-mộ Hoàn. Hoàn nghiêm nhiên ra vào cung cấm dưới sự che chở dung túng của người yêu là Dương-hậu.

CỜ ĐẾN TAY

Một dịp may khác nữa giúp cho Lê-Hoàn tạo nên sự-nghiệp. Trong một đêm Đinh-Tiên-hoàng và Việt nam Vương-Liễn đều bị tên Đỗ-Thích ám-sát. Đỗ-Thích chỉ năm chiêm bao thấy sao rơi vào mõm nên tưởng mình có số làm vua nên giết vua để thực hiện điều mộng mị.

Chẳng ngờ lúc giết xong Đinh Tiên-hoàng và Việt nam Vương Liễn, Đỗ-Thích liền bị đình thần vây bắt đem ra hành quyết. Đinh triều bắt đầu rơi vào cuộc khủng-hoàng trầm-trọng. Đình thần phải tôn Đinh-Tuệ lên làm vua.

Vua chỉ mới 6 tuổi, việc trong triều lại do Thập-đạo tướng-quân Lê-Hoàn trọn quyền quyết định.

Như vậy là cờ đã đến tay, Lê-Hoàn chẳng ngại-ngùng chi nữa. Nhà Tống đã dò biết nội tình

nước ta đang rơi vào sự rối rắm. định nương cơ hội đặt lại ách đô hộ lên đầu dân Nam, nên sai các tướng Hầu Nhân-Bảo, Tôn Toàn Hưng và Lưu-Trung mang quân thủy, bộ tiến sang nước ta.

Trung tuần tháng 3 năm 981 quân Tống tràn vào Lạng Sơn, Khả lưu, và Bạch-dăng giang..

Triều-đình ta đã rúng động. Lê Hoàn nhận thời-cơ đã đến, nên ngầm vận-dộng với quân-sĩ lật đổ triều Đinh với lý lẽ: « Bây giờ quân nghịch sắp vào cõi, mà vua thì còn bé lầy ai thường phạt cho chúng mình. Dẫu mình có hết sức lập được chút công nào vị tất ai rõ biết cho? Chi bằng nay ta tôn Thập-đạo tướng-quân lên làm vua rồi ra đánh thì hơn ».

Nói xong, quân sĩ công kênh Lê-Hoàn lên vai rồi tung hô vạn tuế. Dương-hậu cũng đem áo long còn khoác lên mình Lê-Hoàn.

Lấy đó làm ưu thế, Lê-Hoàn tự xưng là Đại-Hành hoàng-đế giáng Đinh-Tuệ làm Vệ vương (tức là Phế Đế).

PHÁ TAN QUÂN TỐNG

Lật đổ triều Đinh rồi, Lê Đại Hành liền phân binh chống giữ Lạng-Sơn và Bạch-dăng giang.

Tại mặt trận Lạng-son, Lê Đại Hành cho người sang hành doanh Tống giả xin cầu hòa để dụ tướng Hầu Nhân-Bảo đến chỗ hiểm yếu rồi cho phục binh chờ ra giết chết. Quân Tống vỡ chạy tứ tán.

Tại mặt trận Bạch-dăng giang tướng Lưu-Trừng nghe tin Hầu Nhân-Bảo bị giết, binh bộ tan rã thì cả kinh, vội vàng rút lui ra biển.

Tuy đã phá tan quân Tống, nhưng Lê-Đại-Hành sợ nhà Tống báo thù nên sai sứ sang Tàu xin việc cầu phong. Vua Tống ưng thuận sách phong Đại-Hành làm Giao-chỉ quận-vương, năm 997 lại phong làm Nam - bình - Vương.

Uy thế đã có, lòng người đã thuận, Lê-Đại-Hành tiến quân thân chinh đi đánh Chiêm-Thành chiếm được thành Đồ-Bàn, vua Chiêm phải đầu hàng xin được triều cống hằng năm. Đồng thời, Đại-Hành còn bình được 49 động Mường, Mán ở Hà-Man (Thanh-Hóa) uy danh lừng lẫy khắp nơi.

Lê-Đại-Hành làm vua 24 năm thì mất, thọ 65 tuổi.

HỮU CÔNG HAY ĐẮC TỘI ?

Phần đông các nhà chép sử Việt-Nam, mỗi khi nói tới Lê-Đại-Hành thường qui cho ông ba tội :

Thứ nhất, làm tướng cho Sứ-quân Ngô-Nhật-Khánh lại xui Nhật-Khánh đầu hàng Vạn-thắng vương Đinh-Bộ-Lĩnh.

Thứ nhì, là bày tội của Đinh-Tiên-Hoàng lại đi thông-dâm với Dương-Hậu là vợ vua, gây cảnh ô-uế trong cung cấm.

Thứ ba, lợi-dụng ấu quân trẻ dại âm-mưu cùng quân sĩ lật đổ Đinh triều để đoạt lấy chiếc ngai vàng, bước lên ngôi Hoàng-đế.

Như vậy Lê-Đại-Hành trước sau tuyệt nhiên không lòng trung với chúa, lại mưu việc soán đoạt như kẻ loạn thần.

Thế theo quan-niệm của các nhà chép sử thì Lê-Đại-Hành quả đắc tội với lịch-sử. Nhưng theo thiên-ý của chúng tôi, lấy óc khách-quan mà phê-phán thì Lê-Đại-Hành hữu công chứ không đắc tội.

Trước hết ta nên nhận-nhận Lê-Đại-Hành thông-minh và thức thời. Nhận thấy dân chúng quá lầm-than điêu-đứng vì nạn qua phân đất nước, mỗi người chiếm

riêng một cõi xưng hùng xưng bá mà không nghĩ tới quyền-lợi chung của Tô-quốc, của đồng-bào, khuyên Sứ-quân Ngô nhật-Khánh thân-phục Vạn-thắng-Vương ấy là Lê-Đại-Hành muốn xóa bỏ tham-vọng chia-xẻ đất nước của một hai cá nhân để thực-hiện việc thống-nhất. Còn như theo về với Vạn-thắng-Vương không phải Đại-Hành nhằm vào chức tước Thập-dạo tướng-quân mà vì Đại-Hành muốn theo về với chính-nghĩa, vì lúc bấy giờ Vạn-thắng-Vương tượng trưng cho chính-nghĩa quốc-gia, cho sự đoàn-kết dân-tộc.

Việc thứ nhì, thông-dâm cùng Dương-Hậu quả là việc bại lý thương luân đáng trách, nhưng không phải vì một cái lỗi cá-nhân mà nghiêm-khắc kết-án Đại-Hành là kẻ đắc tội với Lịch-sử.

Việc thứ ba, trong việc mưu bá đồ vương của các anh hùng kẻ sĩ ngày xưa không cho phép chúng ta khe khắc với việc thay cũ đổi mới một triều đại, mà ta nên xét kỹ vì đâu Lê-Đại-Hành có cái hành-động ấy.

Với chính-nghĩa Đinh - Bộ-Lĩnh thắng được 12 Sứ-quân hành-lập được Đinh-quyền. Đàng

lê Đinh-Tiên-Hoàng tiếp tục con đường chính nghĩa, trau dồi đạo-đức mang sự no ấm sung-túc cho lê dân để cho dân-chúng được hưởng sự sung-sướng sau chuỗi ngày đen tối vì nạn xâu xé của các Sứ-quân, Đinh-Tiên-Hoàng lại dùng các hình-phạt cực kỳ nghiêm khắc để trị dân : đặt vạc dầu ở trước điện, nuôi hổ báo ở trong vườn. Đã vậy, Đinh-Tiên-Hoàng còn tự tiện bỏ trường lập thứ : đem con út là Đinh-Hạng-Lang lên làm Đông cung thái-tử, phế con trưởng là Đinh-Liên xuống làm Việt-nam-Vương, gây sự bất hòa hiểm khích giữa các con. Ngoài ra, Tiên-Hoàng còn mê sa trà rượu đến nỗi kẻ thù lại là Đỗ-Thích lên vào cung hạ sát trong lúc đang say rượu.

Bao nhiêu điều thất chính là mầm móng sụp đổ của Đinh-quyền đã hiện ra rõ-rệt, nếu Lê-Đại-Hành không kịp thời làm cái việc thay cũ đổi mới thì loạn lạc sẽ nổi bùng, đất nước lại rơi vào cảnh xâu xé như trước ngày Đinh triều xuất hiện.

Hưởng chỉ lúc bấy giờ hình bóng của muôn vạn quân xâm-lãng Tống đang ngập ghé ngoài biên giới. Dân chúng hoang mang,

quần sĩ hoang mang, cả đến triều thần cũng hoang-mang vì sự lãnh đạo một quốc gia không thể đặt vào tay một ấu-quân 6 tuổi. Lê-Đại-Hành đứng ra làm việc phết, lập là kịp thời chận đứng sự hoang-mang, lấy lại sự tin-tưởng, gây niềm phấn khởi để cho quân Việt vùng lên đánh đuổi 10 vạn quân xâm-lãng đã tràn vào nội địa.

Vì thử lúc bấy giờ không có Lê-Đại-Hành đứng ra lãnh-đạo cuộc kháng Tống, nước ta có thể rơi vào cuộc Bắc thuộc của thời Hán, Đường... Đem việc thống nhất được lực-lượng quốc-gia, đuổi được quân xâm-lãng hung-bạo ta thấy chiến công của Lê-Đại-Hành* rất lớn xóa nhòa cả mọi việc làm mà các nhà chép sử qui thành ba tội.



★ Phát minh khoa học

Cậu học-sinh đọc to : « Archimède đang tắm dưới sông, bỗng mình quẩn nhảy lên bờ, la lớn : « Eureka ! Eureka ! »

Thầy giáo hỏi học-trò : — « Eureka » nghĩa là gì ?

— Thưa, Eureka nghĩa là « Ta đã tìm được rồi. »

— Đúng. Archimède tìm được gì ?

Học sinh nghĩ một lát, rồi đáp :

— Thưa..., tìm được cục xà-bông ạ.

Phương chi việc Lê-Đại-Hành dựng lên một nhà Tiền-Lê vẫn hợp với lòng dân, vì sau ngày Đinh-triều thất chính, lòng người hết còn hợp-nhứt thì việc đổi thay đối với họ là nguồn hy-vọng.

Cho nên vừa đuổi xong quân Tống, Lê-Đại-Hành quay ra lo sửa sang việc nước, đặt lại luật lệ, bỏ vạc đầu và hồ báo, sửa sang mọi việc cho hợp với lòng dân. Lê-Đại-Hành lại thân đi đánh Chiêm-thành, mở rộng uy thế nước Nam, bình 49 động Mường đem an ninh cho dân-chúng. Tất cả nhằm đưa nước Việt ta đến chỗ hùng mạnh phú-cường tự-chủ. Vậy Lê-Đại-Hành hữu công chớ không đắc tội.

Một mình



Chợt nghe tiếng gió thổi dài
Giật mình thức dậy u hoài năm xưa.
Bao nhiêu sương khói ngán ngơ
Bao nhiêu rung cảm bấy giờ còn đâu !
Không hoàng hôn ngát ý sâu
Không hoàng hôn để nao nao tâm tình.
Nghe hồn nhạc gió mong manh
Khóc không gian rộng mà mình đơn côi.
Thôi bao nhiêu mộng tàn rồi
Chỉ còn đây một mảnh đời dở dang.
Xa xôi tuổi mộng huy hoàng
Ôm tròn đau khổ mà mang vào đời.
Một mình mất vọng nghìn khơi
Một mình trong chốn Sóng Đồi diễm kiều.
Người đi là dứt tình yêu,
Người đi để lại rất nhiều đau thương.
Ngán ngơ khép kín linh hồn
Tình yêu tôi chỉ đơn phương độc hành.

THANH-NHUNG
(Huế)

TUẤN

chàng
traí
nước
Việt



(Xem từ P. T. số 55)

★ NGUYỄN VỸ

N G O À I sần, có tiếng
ông Bá Hộ gọi to :

— Con Ba dậu, ra đi, con !
Một bà thím chạy vào buồng,
thúc giục cô :

— Ra đi, con ! Người ta chờ
ngoài ấy !

Bà điều-dắt cô đi giữa đám
đông đàn-bà con-gái đứng chật-
ních trong nhà, ngoài cửa, nói
cười vui-vẻ trầm trồ khen cô đẹp.

Cô vẫn mặc b a lớp áo hàng dài,
quần «trăng-dằm» đen, đi chân
không, ngập-ngừng mỗi bước...
Ra sần, cô tiến đến trước mặt ông
Bá-hộ. Cô vòng tay cúi đầu, nói
lâm-mảm :

—Thưa Cha... con đi...

Bỗng cô òa ra khóc. Tất cả
mọi người nhà trai lẫn nhà gái
đứng xúm-xít chung quanh, đều
cười rồ lên.

Cô bèn-lên
nung vạt áo
dài lên chùi
nước mắt.
Đôi ngón lệ
vui buồn lẫn
lộn càng tỏ
điềm thêm

gương mặt yêu -kiêu diễm-
lệ của giai -nhân. Thành
thật mà nói, cô Nguyễn-
thị-Hội hôm nay có duyên làm
sao ! Mỹ-miền làm sao ! Cô Bốn
Hiếu, con bà Hương-Bộ Mẫn,
nói với mấy bạn gái đứng gần :

— Chị Ba xinh đẹp như vậy,
lấy chồng làm Thầy Ký,mới xứng!
Bà Hương-Chánh Bùi nói lời :
— Chớ sao ! «Lấy chồng cho

đáng tấm chồng, bô công trang-
điềm má hồng răng đen (1)».
Tui bay làm sao cũng lấy chồng
được như nó, thì có phước.

Chị Hai Lợi, vợ anh Lợi
thợ rèn, xen vô :

— Thầy Ký Thanh nhờ đi
hoc trường Nhà-nước từ năm
kia năm kia rồi thi đỗ Ri-me
mới làm được thầy Ký.
Chớ bốn năm về trước, hồi
còn học « chữ ta » (2), còn để
búi tóc, thầy đeo-đuôi cô Ba
hoài, cô có thềm đầu.

Cô Bốn Hiếu nói rất khê :

— Ông Bá-Hộ còn xít chó
cắn thầy nữa đó !

Cả đám phụ-nữ cười rồ lên.
Nhưng cô Ba Hội đã ra đến
cồng, không nghe câu chuyện
bông đùa lén lút sau lưng cô.

Đám rước dâu đi về nhà trai
đáng lẽ phải đi theo thứ-tự họ
hàng, và cô dâu phải đi bộ cùng
với các người khác, vì phải
nhường 5 chiếc xe-kéo cho các
bậc lớn tuổi của hai họ. Nhưng
nhà trai đã có lời xin bên nhà
gái cho phép để cô dâu đi một
chiếc xe kéo.

Toàn-thề họ nhà gái cũng đã
bằng lòng. Vì vậy, cả hai họ đều

thỏa thuận sắp đặt trong số 5
chiếc xe kéo, 2 chiếc chở hai
ông kỳ-lão họ nhà trai, 2 chiếc
chở hai ông kỳ-lão họ nhà
gái, 1 chiếc chở cô dâu.
Còn hết thảy đều đi bộ. Chàng
rề một mình một ngựa, thong dong
đi sau cùng. Về nhà chồng, cô
dâu và chú rề cũng phải lạy trước
bàn thờ Ông Bà, xong rồi lạy các
ông bác bà bác, ông chú bà thím,
và vái chào tất cả các người khác
trong họ nhà chồng. Có một lễ
riêng biệt để trình diện với Làng.

Trên một chiếc bàn, họ nhà trai
đã đặt một mâm trầu độ 200 lá
trầu tươi, sắp từng xấp để quav
tròn mặt mâm, và giữa mâm để
một buồng cau. Bên cạnh, là một
bình vôi, và một khay đựng bốn
chai rượu, một khay đựng bốn
gói trà. Toàn thề hương chức kỳ
cựu trong làng đều có mặt. Ông
Hương Cả đứng trước, sau lưng
ông là cô dâu và chàng rề. Ông

(1) Nói « má hồng » là đôi
má hồng-hào tự-nhiên, chứ bạn
gái Việt-Nam thuở 1900-1920
không biết thoa son đánh phấn
như ngày nay. Son phấn lúc bấy
giờ chưa được thông dụng.

(2) Chữ Tàu (chữ Hán).

Hương thừa cho Làng biết chính thức là ngày hôm nay ông cưới vợ cho con trai. Ông nói dứt lời, ông Xá đứng dậy đáp :

— Anh em hương chức xin mừng cho hai họ, với lại chúc Thầy Ký cô Ký được bách niên giai lão.

Ông Hương Cả đứng né ra một bên để Thầy Ký và cô Ký vòng tay cúi đầu vái ba vái tạ ơn Làng. Lễ hôn-thú như thế là xong xuôi mỹ mãn.

Bây giờ các hương-chức trong Làng và hai cha con Thầy Ký Thanh vội vàng sửa soạn việc đón tiếp «Cụ Sứ». Đối với tất cả mọi người, chính lễ rước dâu không quan-trọng bằng lễ tiếp rước «cụ Sứ». Tại vì Lê-văn-Thanh đã mời «quan Công-Sứ» đến dự tiệc, và «quan lớn» cùng với «bà lớn» đã nhận lời, cho nên không những gia đình Lê-văn-Thanh hành-diện được đón vị thượng-khách chủ tịnh, mà cả làng-xã cũng phải có bồn-phận tiếp rước trọng-thể «Quan Cai-Trị Đại Pháp» dời gót ngọc đến làng. Nào ai dám phàn-nàn việc ấy? Trái lại, các ông hương-chức trên dưới đều lo-lắng tổ-chức cuộc tiếp-rước thể nào cho khỏi

bị «Quan lớn» khiển-trách. Nếu lỡ sơ sót điều gì, sợ «Quan Lớn Đại-Pháp» la mắng, hoặc bỏ tù thì chết cha ! Lại nghe thầy Ký cho biết rằng tối nay «Quan-lớn Công-Sứ» sẽ đến với «Bà lớn Sứ» và «Quan-lớn Phó-Sứ, Bà lớn Phó Sứ, Quan Tuần-Vũ và Bà lớn Tuần-Vũ». Quả là một biến-cổ thật to lớn trong làng, từ xưa đến nay chưa bao giờ có, và cũng chưa làng nào có được hân hạnh to lớn ấy !

Ởi thôi, làng xã ai nấy đều lăng-xăng lít-xít, trên từ ông Hương, ông Xá, qua chú Trùm, chú Thập, dưới đến mấy «thằng dân ngụ khu đen» (1) rộn-rịp lo xanh mặt xanh mày !

Riêng Lê-văn-Thanh rất là hãnh diện. Mảnh bằng «Bờ Ri Me» và chức vị «Thông ngôn, ký lục» của chàng kể đã vinh quang lắm rồi, còn oai hơn các ông Đồ Nho thi đỗ Cử nhơn Tiến sĩ, lúc bấy giờ đã không còn được trọng dụng nữa. Nhưng, đối với Thanh, sự chàng mời

(1) Danh-từ thông-dụng trong giới Quan-lại Việt-Nam chỉ người Dân, dưới thời Quân-chủ.



Một cặp vợ chồng thanh-niên vào khoảng năm 1910 — 1920

được «Quan công sứ Đại Pháp» mà chàng gọi bằng tiếng Tây là «*Mor-xir Lor-Rê-di-dâng đờ Phờ Râng-xê*» đến dự tiệc cưới của chàng, tại nhà chàng, đó mới là một vinh dự quý báu tuyệt trần. Ai mà dám mời «Quan công sứ»? Ông Tiến sĩ, ông Phó bảng, dù có được ăn yến-tiệc của nhà vua

chăng nữa, cũng đâu có dám mời «Quan công sứ» ở tỉnh. Chỉ có chàng ! Phải, cả tỉnh này chỉ có chàng, là Lê-văn-Thanh, Thông ngôn của «Cụ sứ», là dám mời «Cụ sứ» đến tận nhà chàng để ăn-tiệc cưới của chàng mà thôi ! Và «*Mor-xir Lor-Rê-di-dâng*» đã hoan hỉ nhận lời. Cả Bà-Đầm nữa ! Cả Quan Phó-sứ và Bà-đầm Phó-sứ nữa ! Hãnh diện xiết bao ! Vẻ vang xiết bao !..

Cho nên chàng thông-ngôn trẻ tuổi Lê-văn-Thanh đã gọi dân làng đến từ năm hôm trước, dựng lên một nhà khách, ngay trước mái hiên nhà chàng, để làm nơi tiếp đón «Quan Công Sứ Đại Pháp», và «Quan Phó sứ, quan Tuần» với quý bà Đầm, quý phu nhơn, quý Cụ, quý Quan, quý Thầy...

Chàng mua chiếu hoa trải kín mặt đất nhà khách, và mua vải xanh, vải trắng, vải đỏ, về mượn người may hai chục lá cờ tam-tài của nước «Đại-Pháp» để cắm ở ngoài cổng vào đến khắp nhà. Vì lúc bấy giờ không có máy may (cả tỉnh không có một bàn máy may nào) cho nên chàng phải mượn năm người đàn-bà trong xóm may bằng tay trong ba ngày mới xong.



Một viên công-sứ Pháp, đội
Mũ thuộc-địa — casque colonial
1900—1915

Làng, thì sai dân đào lỗ đóng
cờ đuôi phượng lờ-loẹt đủ màu,
hai bên lề đường từ ngoài phố
vào đến cổng nhà thầy Ký Thanh.
Theo lời thầy Ký Thanh cho
biết thì « Quan Sứ » có nói với
thầy là « Quan » sẽ đến hồi
20 giờ.

Các ông làng hỏi thầy đề cho
tổ :

— 20 giờ là mấy giờ, thầy
Ký ?

Chính Lê-văn-Thanh cũng
không biết 20 giờ là mấy giờ !
Từ lúc đi học đến khi đi làm
việc ở Tòa-sứ, chàng chỉ biết
theo kiến-thức thông-thường là
mặt trời mọc vào khoảng 6 giờ
sáng, đứng Ngọ là 12 giờ trưa,
mặt trời lặn là khoảng 6 giờ
chiều. Lần đầu tiên, chàng nghe
« Quan công sứ » bảo « quan »
sẽ đến dự tiệc lúc 20 giờ, chàng
cũng « ừ, ừ, mơ-xừ » mà chàng
mù-tịt, chẳng hiểu 20 giờ là mấy
giờ !

Nhưng không lẽ chàng tỏ cho
các ông làng thấy rằng chàng
không hiểu « giờ Tây », nên
chàng cứ trả lời ầu, ra vẻ thông
 thạo :

— 20 giờ là vanh-to-rờ.

— Vanh-to-rờ là mấy giờ
An-nam ? Giờ Dậu, hay giờ
Tuất, giờ Hợi ? Thầy làm ơn
cho làng chúng tôi biết đề đón
rước « Quan công sứ ».

Lê-văn-Thanh nài quạu :

— Vanh-to-rờ là giờ... Dậu.
Khờ nổi, không ai có đồng
hồ đề coi « giờ Tây ».

Thầy ký Thanh làm việc Nhà

nước mà còn không có đồng-hồ
nửa là ! Đồng-hồ là một vật quý
chỉ các « Quan » Tây có mà thôi.
Mấy phố lớn của khách-trú ở tỉnh
cũng không có bán. Thầy Ký
Thanh nói ầu 20 giờ là giờ
Dậu, rồi ông Tú Phong, nhà
Nho thông-thái nhất trong làng,
thì tính ra giờ Dậu là lúc mặt
trời vừa lặn. Cho nên từ giờ Thân
vào khoảng 4 giờ chiều, toàn thể
các ông Hương chức trong làng,
độ 10 ông, khăn đen áo dài (riêng
ông xã mặc áo rộng xanh,) đã
đứng chực từ ngoài đường phố.
Dân đình thì kẻ khiêng trống,
khiêng chuông, người cầm hèo,
cầm lộng. Có 2 cây hèo và 6
cây lộng cả thầy.

Nhưng mặt trời lặn đã lâu,
trời đã tối, mà các Quan chưa
đến. Ông Xã hết sức lo lắng, lật
đạt sai dân phải lập tức đi kiểm
xác mía, hoặc rơm, bó làm hai
chục cây đuốc, đề thấp lên cho
sáng. Hôm ấy là ngày 18 âm lịch.
Các ông hương chức tính theo
câu phong dao Việt-nam, đề biết
chừng nào có trăng :

17, nầy lửa

18, nám đồng trấu,

19, nín một canh,

20, tuất rồi,

21, nửa đêm.

(đêm 17, vừa nầy lửa, nghĩa là
vừa đốt đèn thì có trăng ; đêm
18, đốt đồng trấu vừa nám thì
có trăng ; đêm 19 nín một canh,
qua canh hai có trăng, đêm 20
thì cuối giờ Tuất có trăng ; 21
đến nửa đêm có trăng)

Đêm nay là 18, « nám đồng
trấu ». Mấy ông làng căn cứ theo
câu phong-dao rất thông-dụng ấy
mà đoán chừng rằng đốt đồng
trấu vừa cháy nám thì sẽ có
trăng. Có lẽ « Quan Công sứ » đợi
có trăng lên thì « quan » sẽ tới
chẳng ? Nhưng « Quan Công sứ »
bảo với thầy ký rằng quan sẽ đến
lúc 20 giờ. Thầy Ký Thanh nói
lại với làng rằng 20 giờ là giờ
Dậu, ông Tú Phong cho biết giờ
Dậu là lúc mặt trời lặn. Thế mà
bây giờ trời đã tối đen tối thui,
ông Xã lật-đạt chạy đi hỏi ông
Tú Phong, ông bảo giờ này là giờ
Tuất. Hay là « Quan sứ »
không đến ? Lê-văn-Thanh cũng
bồn-chồn, lo ngại. Chàng cứ sợ
rằng « Mơ-xừ Lơ-Rề-di-đăng »
không đến thì... chàng sẽ mắc-
cở với làng xóm xiết bao ! Nhưng
sự thật thì 20 giờ là mấy giờ ?

Chàng bán-khoản suy-nghĩ mãi.. Trong nhà khách, đèn bánh ú phát bằng giấy ngũ sắc, và các ngọn đèn « tọa đặng », đèn « huyền đặng » cái thì thấp bằng đầu phụng, cái thì thấp bằng đầu dứa, có đến hai chục ngọn, tỏa ra một ánh sáng vàng hoe, lúc tỏ lúc mờ. Người ta kể ra người vào, đông-nghep. ai nấy đều nóng ruột đợi chờ, bàn tán thì thầm, — không ai dám cười to nói lớn. Bỗng từ ngoài ngõ, có tiếng xôn xao :

« Cự lớn tới ! Cự lớn tới ! » Rồi tiếng trống, tiếng chiêng nổi dậy : « Thùng !.. Thùng !.. Thùng !.. Boong !.. Boong !.. Boong !.. » Trên hai chục bó đuốc thấp lên sáng rực cả một góc trời.

Những đám người đứng đông nghet trong hè, ngoài sân, ngoài hàng rào, đều thấy hai ông Tây, hai bà Đầm và một ông « Quan-An-nam » đeo thẻ ngà tòn ten trước ngực. Ông Xã và các hương-chức đều sụp xuống đất lạy « Quý Quan ». Chàng thanh-niên Lê-văn-Thanh với

ông Hương-Cả đã chạy ra đến nơi, cúi đầu cung-kính vái chào. Ông Sứ gạt đầu... Bà đầm cũng gạt đầu... Lê-văn-Thanh mời quý vị quan khách vào nhà. Tuy trời tối và gió mát, nhưng đàn làng cũng phải theo nghi-lễ, cầm sáu cây lọng che sáu vị thượng quan : « Quan Sứ và bà Đầm » đi trước, kế đến « Quan Phó-Sứ và bà-đầm Phó Sứ », rồi mới đến « Quan Tuấn và Bà-lớn ». Tất cả các quan - khách khác đi theo sau, không có lọng. Tiếng ướng tiếng chuông : « Thùng ! Thùng ! Thùng ! ... » Boong ! Boong ! Boong ! ... » còn vang-rền, cho đến khi « Quý Quan » đã an-tọa trong nhà khách. Phía sau nhà, mặt Trăng sáng rực từ từ trôi lên trên mấy ngọn tre xao-xác gió, dội ánh sáng mát-dịu tràn ngập trên vườn cau. Mọi người đều nô-nức hân-hoan, nhưng vì sợ « quý quan » nên ai nấy đều im lặng... đi nhón gót, và nói thì-thầm... Chỉ nghe tiếng nói tiếng cười-xí-lô xí-la của « quý Quan Tây » và « quý Bà Đầm »... Lê-văn-Thanh đứng hầu, thỉnh-thoảng trả lời câu tiếng Tây : « *Uy, mo-xư Lo-Rê-di-đang...* »

(Còn nữa)

Tim đi vắng

Khi những cây phượng-vĩ bắt đầu trở hoa đỏ ối dưới bầu trời chang chói của mùa hạ, chắc các bạn sẽ nghĩ tới một mùa hè nào đó của đi-vãng, bạn đang lo sợ chờ đợi một khoa thi sắp đến. Riêng Huyền, nàng chỉ nghĩ tới người yêu độc nhất của nàng, đã bỏ nàng để đi trước một mình tới xứ huyền bí xa xôi mà nàng không thể cùng đi một chuyến được.

★ HOÀNG-THẮNG



Vành khăn tang cuộn tròn trên mái tóc còn xanh mướt, mới hai mươi năm lần nhuộm nắng, mưa

Từ khi Hoạt chết, Huyền buồn nản không thiết gì nữa, ngay cả đến đời sống củ a chính mình.

thời gian đã phủ phàng cắt đứt mối duyên tình hương lửa năm năm của nàng.

Bị thương nặng vì một tai nạn xe cộ, sau vài ngày lăn lộn trên giường bệnh vì vết thương hành, Hoạt đã thở hơi cuối cùng trong tay người vợ trẻ. Trước khi chết anh đã nắm chặt tay Huyền nhận nhủ đôi lời hệ trọng. Đôi mắt của người sắp chết đã mờ lệ khi thấy người vợ của mình còn trẻ quá. Đời nàng còn đang đẹp, đang

thơm như một đóa hoa còn đầy hương sắc dưới ánh nắng vàng buổi ban mai.

Hoạt đã khuyên người vợ trẻ đừng buồn vì sự chia ly chết chóc. Người chết là hết dù chưa làm được một việc gì cho đời nhưng người còn sống cũng nên cố gắng đè nén mọi nỗi ưu tư sầu khổ. Nghĩ đến sự cô đơn của người đàn bà còn trẻ sắp thành góa phụ, anh đã khuyên Huyền nên làm lại cuộc đời để tìm một chỗ nương tựa.

Huyền đã khóc, đến cạn nước mắt trước cảnh đau đớn, người thân của mình đang đi dần vào cõi chết.

Giờ đây đã mấy tháng trời dài đằng đẵng chậm chạp trôi qua vẫn chưa làm nàng người bớt cơn sầu thảm.

Nhìn ra ngoài trời qua khung cửa sổ nhỏ, đôi mắt buồn buồn của Huyền bắt gặp những đóa hoa phượng vĩ đang rung rinh trên ngọn cây, dưới lùm mây trắng như khối bông gòn lặng lẽ bay.

Huyền vụt nhớ tới một màu đỏ xa vắng.

À phải rồi, cũng chính màu đỏ phượng này, Huyền và Hoạt đã

cùng nhau say sưa ngắm nghía mỗi độ hè về. Huyền nhớ khi nàng còn đi học mỗi lần mùa phượng vĩ trở về đã làm cho nàng phải lo sợ vì nó báo tin trước một mùa thi sắp đến, mùa của sự hy vọng mà cũng là của bế bàng.

Nhưng từ khi gặp Hoạt vào một mùa hoa phượng nở, Huyền đã xao xuyến mỗi khi mùa hè đến. Hai người đã yêu nhau, thề thốt cùng nhau dưới một hàng cây phượng vĩ lớn. Xác hoa rơi rụng chung quanh hai người như một tấm thảm đỏ, Hoạt đã chỉ tấm thảm đỏ rồi thì thào vào tai nàng :

— Tình yêu của chúng ta sẽ bùng cháy mãi mãi như lửa rơi rụng kia. Tình của chúng ta chỉ mất đi khi nào trên trái đất này không còn những cây phượng vĩ nữa.

..Huyền vụt đứng dậy. Nàng thấy mình cần phải đến nơi kỷ niệm cũ để tưởng lại những ngày vui xưa đã mất.

Đến nơi, Huyền tưởng mình mơ hoặc đã lạc lối. Nàng đã không tìm thấy được quang cảnh thân mật khi xưa.

Đã mất hết cả rồi. Cảnh vật cũ nay còn đâu. Cả một khu thơ

mộng đầy cỏ cây, hoa lá, chim kêu gió thổi, cả cây phượng vĩ cành lá sum xuê đã biến mất, đã mất hẳn như nàng đã mất Hoạt.

Một con đường rộng rãi, thoải mái nằm ngay trên con đường hẹp, ngoằn ngoèo xưa và nổi bật lên trên thửa vườn chen chúc cỏ, một dãy nhà năm tầng đang xây cất dở dang. Không còn tiếng chim kêu nữa, chỉ có tiếng ầm ầm của máy đúc bê-tông, tiếng ồn ào của các người thợ nề và phu hồ, tiếng rít của những chiếc cam nhông chở đầy cát.

Thôi rồi dĩ vãng, dĩ vãng đẹp để êm dịu của hương hoa cỏ cây đã chết hẳn rồi. Trước sự tàn phá những kỷ niệm, Huyền đã đứng lặng khờ sờ. Nàng thấy mình đã mất Hoạt thêm một lần thứ hai nữa.

Đờ đẫn Huyền ngược mắt nhìn những khung nhà đồ sộ, vườn cao lên như muốn thu hết khoảng trời xanh vào riêng lòng mình. Mắt mờ lệ, Huyền rời bỏ không luyến tiếc. Nàng tự nhắc mình sẽ không bao giờ đến đây nữa. Không còn một thứ gì có thể giúp nàng nhớ lại dĩ vãng êm đẹp nữa.

Chợt nàng nhìn thấy ở bên đường cạnh đồng gạch vừa nằm lẫn lóc những khúc cây cưa nhỏ. Bước lại gần, Huyền giật mình khi nhận ra những khúc cây đó là cây phượng vĩ. Chúng nằm chênh vênh khô héo, trơ trẽn dưới ánh nắng mặt trời. Huyền thấy đau nhói nơi tim. Mối tình của nàng cũng tan vỡ, khô héo như những khúc cây méo mó, khô héo kia.

Huyền lại gần hơn nữa và bắt ngờ nàng nhìn thấy trên một khúc cành còn nổi bật mấy đốm đỏ xăm như màu tiết về chiều, màu đỏ sẫm của mấy cánh hoa còn vương sót lại. Mấy cánh hoa mềm dũ, ròn rây như đang cố tranh dành lại sức sống.

Huyền run rẩy cúi xuống ngắm nghía mấy cánh hoa sắp tàn. Những kỷ niệm xa xưa hiện nhanh về trong ký ức. Chính nơi này, cạnh những khu vườn trồng hoa thơm nàng và Hoạt đã quen biết nhau.

Đó là một buổi sáng chủ nhật trời trong đẹp, Huyền và cô bạn thân đạp xe ra ngoại ô chơi. Tới đây thấy phong cảnh đẹp, hai người đã dừng lại để áp xe vào thân cây phượng vĩ rồi tung

tăng rào quanh vườn hoa. Những bông huệ trắng, những bông hồng đỏ đậm hoặc hồng đào rung rinh theo làn gió nhẹ thoảng như cúi chào những nàng trinh nữ yêu đời.

Chợt Huyền nhìn thấy trên tấm cỏ xanh rờn có một thanh niên đang chăm chú ngồi xem sách. Mãi chú ý đến những giòng chữ đen trên trang sách, anh ta đã không biết sau lưng mình có hai người con gái đang đi tới. Một đàn bướm nhón như bay quanh các khóm hoa, một con xà xuống quyền sách rồi lại uốn éo bay đi. Người thanh niên giật mình ngừng đầu lên và bắt chợt gặp cái nhìn của người con gái. Bốn luồng nhón tuyền giao nhau. Huyền rùng mình nhắm mắt lại. Cái nhìn của chàng trai quyền rũ lạ. Huyền thấy lòng mình băng khuâng xao xuyến.

Tiếng cô bạn gái reo lên bên tai Huyền « Anh Hoạt ». Huyền vội mở mắt. Hoạt; tên người trai lạ cũng kêu lên, tiếng trong làm sao: « A, cô Luyến ».

Một sự tình cờ lạ lùng. Do sự giới thiệu của Luyến, Huyền và Hoạt đã quen nhau. Rồi giữa

khung cảnh nên thơ này, tình yêu đã đến với họ không bao lâu. Chính bên gốc cây phượng vĩ, dưới ánh trăng rằm dang tỏa nhẹ những ánh sáng mát dịu xuống tấm thảm cỏ, hai người đã trao nhau chiếc hôn đầu tiên để kỷ niệm ngày mối tình được bộc lộ khỏi hai trái tim yêu đương. Bóng hai người dính làm một trao chéch xuống đám cỏ xanh như không muốn tách rời ra.

Từ đó hai người thường dắt nhau đến khu vườn này để bàn tính những chuyện tương lai. Hằng ngày họ thường gặp ông già bắt sâu trên những cành hoa. Ông lão thường nhìn họ bằng cặp mắt nhí nhảnh, tươi vui. Có lẽ ông cũng đã nghĩ tới những ngày son trẻ của mình.

Ít lâu sau, Hoạt và Huyền lấy nhau. Họ nguyện cùng nhau cứ đến mùa hè lại dắt nhau đến khu vườn đó để nhớ lại những ngày đầu tiên họ quen biết nhau rồi yêu nhau.

Một lần, họ đã không gặp ông già làm vườn ở đó nữa. Cỏ hoang đã mọc lan khắp lối đi. Cảnh vật có vẻ tang thương điêu tàn, nhưng cây phượng vĩ vẫn hiên ngang

đứng sừng, trở đầy hoa mới.

Năm năm qua rồi, cả hai vẫn nhớ ngày vui cũ để đến thăm khu vườn này như những tin đồ Hồi giáo hằng năm đi dự lễ Thánh ở La Mecque. Hôm nay chỉ còn một mình Huyền ngồi nơi đây, bên đồng cây chặt nhỏ. Khu vườn đã biến mất nhường chỗ cho những chiếc nhà kiến trúc kiểu mới. Cả đến chông nàng nữa cũng biến khỏi trên thế gian này

rồi.

Tay run run Huyền bức mấy cánh hoa tàn héo ra ngoài cuộc sống. Nàng sẽ mang nó về nhà, ấp ủ nó để nó sẽ sống mãi với nàng, với những kỷ niệm êm đẹp cũ kỹ.

Những đóa hoa này đã là di tích cuối cùng của mối tình giữa nàng với người đã chết, với dĩ vãng.



★ BÍ MẬT

Ông Giám-đốc gọi thợ-ký kế-toán vào Văn-phòng, nói nhỏ :

— Trong số 12 nhân-viên của sở, tôi nhận thấy anh làm việc giỏi hơn cả. Vậy bắt đầu từ tháng này, tôi tăng thêm lương cho anh mỗi tháng 500\$. Nhưng anh giữ kín, đừng nói cho mấy người kia biết nhé.

Thầy thợ ký kế-toán mỉm cười :

— Dạ, xin cảm ơn ông, nhưng ông khỏi lo, tôi sẽ không nói cho ai biết là tôi được tăng lương. Nhất là đối với vợ tôi, tôi càng giấu kín.

BIÊN HÒA



(Tiếp theo P. T. số 59 và hết)

TIÊN đây cũng xin lược kể về Tiêu-sử cụ Thủ-Hoàng, tuy rằng câu chuyện có hơi hoang đường nhưng thật ra cũng đáng được làm gương.

VỐ - THỦ - HOÀNG tên tục là **THỦ - HUỒNG**, người huyện Phước-chính, thôn Bình-hoành, (nay thuộc xã Hiệp-hòa) không biết ông sinh vào năm nào, chỉ biết ông sống dưới triều Nguyễn.

Ông vốn làm nghề cho vay ăn lời rất nặng vì thế chẳng bao lâu ông trở thành Đại-phú-gia. Chẳng may vợ ông chết sớm, bà

★ BÙI-VĂN-CANG

là người độc ác, trước khi chết còn nhắc chồng đòi nợ.

Sau đó ông Thủ-Huồng vẫn tiếp tục hành nghề và tích-tu được nhiều tài sản của những người thiếu nợ chồng chất, khiến bao người phải khổ sở.

Một thời gian sau, tên Được là một tay giang-hồ, lại là con nợ của ông, chẳng may bị chìm ghe chết, khi chết xuống âm-phủ, được gặp bà vợ ông Thủ-Huồng. Bà dẫn về giới thiệu cùng người chồng Âm-phủ là Chuyển-luân-Vương. Một ngày

kia, Chuyển-luân-Vương dẫn Được đi xem các ngục hình, trong số các gông. Được nhận thấy có một cái gông lớn cháy đỏ, còn trống, ngài Chuyển-luân-Vương bảo với Được rằng: « Gông ấy để dành cho Thủ-Huồng », tên Được sợ hãi, vội hỏi làm cách nào cho tiêu được chẳng. Chuyển-luân-Vương bèn giải thích: « Muốn gỡ tội và uêu trừ được chiếc gông, kẻ phạm tội phải ăn năn hối lỗi, từ bỏ nghề xưa, tu nhơn tích đức thì may ra thoát khỏi.

Sau đó Chuyển-luân-Vương cho Được trở lên trần để báo cho Thủ-Huồng biết và thuật lại cuộc gặp gỡ vừa qua. Từ đó Thủ-Huồng từ bỏ nghề xưa, ra công bố thí để chuộc tội. Ông mới cất nhà ở ngã ba sông Tân-Bình để bố thí lúa gạo.

Khi chúa **NGUYỄN-PHÚC-ÁNH** chạy giặc **TÂY-SƠN** đến ngụ tại **ĐỒNG-TRÀM** (Long-thành), có nhờ ông giúp đỡ lúa gạo cho binh lính nên khi chúa Nguyễn toàn thắng Tây-Sơn bèn phong cho ông chức **Thiên-Hộ**.

Hiện nay còn đền thờ ông ở ấp Bình-Kính, xã Hiệp-Hòa, Biên-Hòa.

Lên xa hơn nữa, ta đến **CÙ-LAO-PHỔ** để viếng thăm miếu cụ **Lê-tài-Hầu NGUYỄN-HỮU CẢNH**, nơi mà một khách vô danh khi đến viếng đền cụ đã ghi lại một bài thơ bất hủ:

*Bạch thảo the-thê cõ tái trần,
Hoàng thành di kiến dã hoa tân.
Thiên tương sự-nghiệp qui tiền
đại,
Địa vĩ sơn hà chúc hậu nhơn.
Phong vũ vị khôì chinh chiến cốt,
Tử tôn trường thác loạn ly thân.
Bình-sinh nhất trích tầm thường
lụy,
Bấp khắp trung thần khắp loạt
thần.*

DỊCH:

*Bụi giặc niêm phong cõ bạc màu,
Thành hoang hoa nở cảnh buồn
đau
Trời đem sự nghiệp hoàn đời
trước.*

*Đất giữ non sơn gán kẻ sau.
Mưa gió chưa tiêu xương chiến-
sĩ,
Cháu con đã vướng nạn binh đao.
Bình-sinh chẳng khóc tột trung
nghĩa
Chỉ khóc loạn thần quấy rối
nhau.*

(Bản dịch của Tu Trai Nguyễn-văn-Tạo)

Tục truyền tại vũng đá hàng trước đền thờ ngài «Lê tài Hậu», xưa có con cá gáy, đêm đêm nổi lên đùa giỡn trên giòng nước chảy siết, nhảy múa như chào mừng ngài. Vũng đá hàng này ngày nay vẫn còn, nhưng con cá chắc đã chết rồi!

Đứng tại miếu «Lê Tài Hậu» nhìn xuôi theo bờ bên kia qua xã Tân Vạn, nơi đây theo sự hiểu biết mà thuật lại của các cụ già xưa thì chợ Đồng-nai xưa cất trên một khoảnh đất gần bờ sông Đồng-nai bên chợ Tân-vạn bây giờ, nhưng hiện nay chỉ còn lại mảnh đất bỏ hoang, cỏ tích xưa, nay đã lùi vào dĩ vãng chỉ còn phảng phất trong câu hò:

— *Chi Hươn đi chợ Đồng nai,
Bước qua Bến Nghé ngồi nhai
thịt bò.*

— *Bao giờ cạn lạch Đồng-nai,
Nát chùa Thiên mục mới sai lời
nguyên.*

Lên khỏi miếu «Lê tài Hậu» là cầu Ô (cầu sơn đen) nay gọi là cầu BÀNH, được xây từ năm 1901. Cầu Ô còn có nghĩa là cầu Ô-thước nhưng không thiết thực ở nơi đây. Danh từ cầu Ô đã được dùng trong câu ca dao:

*Đố anh con rít mấy chơn,
Cầu Ô mấy nhịp chợ Dinh mấy
người.
Chợ Dinh bấu áo con trai,
Chợ trong bán chỉ chợ ngoài bán
kim.*

Về danh từ chợ Dinh trong câu ca dao trên, còn thấy trong vài câu ca dao khác mà có người chú thích cho là từ Huế đưa vào (Sàigòn năm xưa. V.H.S. 199) :
*Mẹ đi chợ Quán chợ Cầu,
Mua cau chợ Vải, mua trầu chợ
Dinh*

Theo tôi chắc có lẽ ngoài Huế có một cái chợ mang tên là chợ Dinh.

Còn chợ Dinh ở đây được thành lập sau khi chợ Đồng-nai bị Tây-Sơn tàn phá, tại chợ Phước-Chính, gần Thị-trấn nay là ấp Phước-Lư, khoảng đường Hàm-Nghi ở Biên-Hòa bây giờ.

Thị-trấn hồi xưa lập ở ấp Phước-Lư, vốn là một khu phố nhỏ hẹp, buồn bã gần như là một thành phố chết.

Chợ Dinh chỉ là một nhà nhỏ, ngắn, lợp thiếc đơn sơ, u-tối. Phía đầu trên có giếng quây và kể là bãi đất trống làm

bến xe ngựa. Trên nữa là nhà lồng kiến màu, kiêu xưa, để làm công sở cho làng Bình-Trước. Một vòng phố nhỏ bao bọc phía cuối cùng. (Theo Lương - văn-Lưu).

Thị trấn xưa quả thật là một chốn tiêu điều hoang dã. Đường xá trong Thị-trấn và chợ Dinh đều trải đá xanh lấy ở núi Long-ân; có những «cột lồng đèn» là những trụ đèn thấp, trên đầu có đặt lồng kiến, trong có một ngọn đèn «con cóc», muốn đốt đèn, người phu phải vác thang đi chằm đầu và đốt từ ngọn.

Hiện trạng này vẫn thường thấy và đã sống lại bằng ngòi bút điền tả của JHON WHIRE, Thủy sư đô đốc một chiếc tàu Mỹ đã đến Việt-nam vào năm 1819 khi viếng thăm thiện chí chúa Nguyễn.

Nói đến tỉnh Biên Hòa, sau khi nói qua sông Đồng-nai phải nói đến trái Bưởi, một nguồn lợi phong phú của tỉnh nhà.

Xuôi dòng Đồng-nai lơ lững một con đò trên giòng nước từ Nhà Bè lên đến ranh tỉnh Biên Hòa ở hướng Bắc, đầu đầu cũng thấy toàn là Bưởi. Đến mùa

hoa nở, màu trắng tinh anh biểu hiệu cho tấm lòng trinh trắng của cô gái đất Biên Hùng:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm
xuân.*

*Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay
— Ba đồng một mớ trầu cau.*

*Sao anh chẳng hỏi những ngày
còn không*

*Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn
câu.*

*Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra-
người con gái của xứ Bưởi chung
tình là thế nên nàng rất sợ những
người bội bạc làm khổ một đời
nàng:*

*Thủy đê ngư, thiên biên nhạn-
Cao khả xu hề, đê khả điếu,
Chi kích nhân tâm bất khả phòng.
E sau lòng lại đổi lòng,
Nhiều tay chẻ Bưởi tham Bông
lắm anh.*

Trai xứ Bưởi lại là một tay hò rất giỏi đã từng giang hồ khắp nơi nhưng không thua ai về tiếng hò bao giờ:

Tiếng anh ăn học Biên Hòa,
Lại đây em hỏi thư núi Điện Bà
 ai xây?
— Núi Điện Bà thật vốn trời
 xây.
Lại đây anh hỏi thư bên Tây máý
 thăng,

★

Giờ đây, đọc lại những vần thi
ca lịch sử, ngời diễm lại những
đi tích xưa lòng nao-nao niềm
hoài cớ. Đề chấm dứt và cũng đề
nhắc lại công ơn người khai khẩn
đất nước Biên Hòa đầu tiên,
xin mượn đôi vần của ông Thái-



★ Anh-Hùng thịt chó.

Chú Bưng ở chợ Cúi-Tác ăn thịt chó đã khét tiếng.

Một đừa bé trong làng nói:

— Chú ăn thịt chó, nũa chú xuống « âm-phủ » không sợ nó trả
chù chú sao?

Chú Bưng đáp:

— Xuống dưới tao kiếm nó một lần nữa.

HÀ-KHẮC-QUỐC — (Bình - Đông)

văn-Kiểm đề gọi là dốt nên
hương hoài niệm:

Ngọc vạn, Ngọc khoa vũng một
 niềm,

Vì ai tô điểm nước non Tiên?

Chị lo giữ vẹn tình miền Việt,

Em nhớ làm tròn nghĩa Việt-Chiến

Bà Rịa, Biên-Hòa thêm vạn dặm,

Phan-Lang, Phan-Lý mở hai miền,

Non sông gấp mấy châu Ô Lý,

Nam tiến công người chẳng dám
 quên.

BÙI-VĂN-CANG

(Biên Hòa)

HERMANN
GOERING

người
đầu tiên
sáng lập ra

ngành
gián điệp

Gestapo

(BỨC)



★ LÂM-TÙNG-SINH

HERMANN Goering, cánh tay mặt của tên trùm đảng Áo Nâu, vốn sinh trưởng trong một gia đình quyền quý. Cha y là bác sĩ Hein Rich Goering, thẩm phán quan, bạn thân của tướng Bismark.

Sinh năm 1893 tại Bavière, Hermann được vào học trường "các em út" (L'école des Cadets). Năm 1914, khởi đầu trận chiến Pháp-Đức, Goering gia nhập vào quân đội với cấp bậc thiếu úy trong đệ Bách thập nhị sư đoàn (sư đoàn 112) bộ binh.

Qua tháng 10 năm đó, Hermann xin chuyển sang ngành không quân, lúc ấy mới phôi thai, và trở nên một trong những phi công ưu tú nhất của nước Đức. Từ chức chỉ huy phi đội săn giặc 27, y được thăng chức sang điều khiển phi đội Richthofen (Geschwader Richthofen) là phi đội lừng lẫy nhất trong suốt thời kỳ đệ nhất thế chiến.

Năm 1918, khi trận thế chiến chấm dứt, Goering được tưởng thưởng vinh dự cao nhất trong quân đội Đức: huy chương «Danh-dự và Giá trị».

Giải ngũ năm 1919, với cấp

bậc đại úy, Goering cũng bị làm vào cái cảnh của những «anh hùng thất nghiệp». Mặc dầu y đã cố tình phô trương tài ba của y bằng cách đeo trên ngực «Danh-dự và Giá trị» cùng các huy-chương khác của vua Charles Frédéric và tướng Hohenzollern ban cho y, con hùm Zachring (một biệt danh của Goering) cũng không thay đổi được hoàn cảnh của y một chút nào. Kể ra thời đó, (năm 1920), một người như Goering cũng nhiều vinh dự lắm, nhưng vì Đức quốc, sau chiến tranh, bị lâm vào nạn kinh tế khủng hoảng nên cuộc mưu sinh rất khó khăn chật vật.

Goering đành phải dựa vào những cuộc biểu diễn không quân trong những ngày lễ, và lái phi cơ mưuán làm sinh kế.

Chính cảnh ba đào này đã đưa đẩy Goering vào tay của Adolf Hitler, viên trùm đảng Áo Nâu: đảng thợ thuyền Đức Quốc-Xã.

Đảng thợ thuyền Đức Quốc Xã, sau này gọi là Đức Quốc Xã, ra đời năm 1919, với xu hướng đã kích chính quyền về những điều ký kết trong hiệp ước đình chiến Versailles, trong đó có mục

tải giảm binh bị đã xô đẩy các binh sĩ Đức bị giải ngũ lâm vào cảnh thiếu cơm ăn việc làm.

Thoạt đầu, Hitler với số đảng viên vài trăm người, y chưa thể tin vào sự «cướp chánh quyền» của y sau này có thể thực hiện. Nhưng khi vợ được Goering, Hitler càng phấn khởi trước giấc mộng lớn lao, y bèn đem cái mối tham vọng ra rủ con hùm Zachring, để thu phục lòng trung thành mù quáng của viên đại úy trẻ tuổi.

Khi nên trời cũng chiều người, một viên sĩ quan «thất nghiệp» khác tìm đến Hitler vừa đúng lúc y toan tính thực hiện chương trình vĩ - đại. Người này là Roehm, 36 tuổi, hơn Goering 8 tuổi, đã được thăng chức đại úy trong thời kỳ thế chiến.

Với thành tích can đảm, ba lần bị trọng thương trong một cuộc tấn công vô vọng năm 1918, Roehm được đại tướng Ludendorf khen ngợi và yêu quý như một người bạn thân.

Khi cùng với Hitler, Goering mật bàn về chương trình phục hưng nước Đức dặng trả thù cái nhục trong hiệp ước Versailles,

Roehm cũng đồng ý với Hitler là phải bí mật huấn luyện một đạo quân tinh nhuệ đông gấp 5, 10 lần số quân tại ngũ (trong hiệp ước này, nước Đức chỉ giữ được một số quân tại ngũ 100 ngàn người thôi).

Dưới hình thức nguy trang, Roehm tổ chức những hội thanh niên thể thao và thể dục tập trung từ hàng trăm rồi lên đến hàng nghìn, hạng chục vạn thanh niên Đức-quốc vào một lớp huấn luyện quân sự đầy đủ.

Trước hết, dưới danh nghĩa đào tạo những chiến sĩ tự vệ để dự phòng những cuộc giao tranh nhỏ dọc miền đông biên thùy nước Đức, hoặc ngăn ngừa sự xung đột nhỏ nhoi với Cộng-sản, y huấn luyện cho lớp thanh niên này những nguyên tắc căn bản của một người bộ binh.

Dần dà, hạt giống ngày một nảy tốt, y mở rộng chương trình học tập, dạy cho các quân nhân trá hình này trở thành những đạo quân tinh nhuệ về tất cả mọi ngành, mọi môn.

Trong cuộc đào tạo quân nhân trừ bị đại quy mô, Roehm còn nhồi sọ cho những thanh niên

này nhiệt thành yêu nước Đức. Ghét những kẻ thù chung là Cộng-sản và Do-Thái.

Cuộc bí mật võ trang dân tộc này đã được hầu hết thanh niên Đức hưởng ứng sẵn sàng lái cuốn nước Đức vào một cuộc chiến đầy xương, máu.

Nhưng Roehm và Hitler dần dần trở nên nghịch ý, vì mục đích của Roehm là dùng lớp thanh niên S. A. (Sturmabteilungen) này làm đạo quân chủ lực của Đức quốc trong chương trình khởi hấn phục hận các quốc gia Đồng Minh, còn mục đích của Hitler là chỉ dùng họ vào những công tác bạo động và làm hậu thuẫn cho những cuộc vận động chính trị như biểu tình, võ tay hưởng ứng khi y lên diễn đàn v.v...

Sự bất đồng ý kiến cũng như sự căng thẳng giữa Hitler và Roehm càng làm cho Hitler lo ngại nhiều hơn khi nhìn thấy con số S.A. ngày một gia tăng gấp bội. Y bắt đầu sợ thế lực của Roehm bành trướng, và hẳn có thể hạ bệ y sau này.

Nên tháng 3 - 1923, Hitler

quyết định cử Goering làm chỉ quy tối cao của S.A., còn Roehm chỉ là một tham mưu trưởng xoàng thôi để ngăn ngừa sự phản bội của người này.

Quyết định trước quyền này đã làm tăng thêm sự đối nghịch giữa Roehm và Goering vốn sẵn có từ lâu vì bất đồng tư tưởng.

Một lần thất bại.

Cũng trong năm 1923 này, hiện tình nước Đức rất lộn xộn, các đảng phái chính trị mọc lên như nấm, bởi sự bất lực của chính quyền tỏ ra rõ rệt. Nền kinh tế càng khủng hoảng hơn bao giờ, dân chúng thất nghiệp gia tăng, nạn đói kém khắp nơi.

Vô số nhóm chính trị ái quốc (politico-patriotiques) ra đời, hôm nay còn là bạn, ngày mai đã là thù, ngày một lại đoàn kết thật là hết sức rối ren.

Ở cái hoàn cảnh này mà Hitler tính cuộc bạo động. (Thực ra y chưa nghĩ tới, nhưng vì bọn thủ hạ thúc đẩy).

Ngày 24-9-1923, Hitler đã cùng Sckeubner-Richter thảo ra «Định Hướng về đường lối chính trị quốc gia» dựa theo những điều kiện «hợp pháp» để

làm hưng thịnh xứ sở. Nhờ bản kêu gọi này mà một số các đảng phái nhu nhược khác tìm đến sát nhập với thợ thuyền Đức Quốc Xã.

Ngày 30-9, trong khi Hitler đang triệu tập đại hội nghị tại Bayreuth thì viên đội trưởng Buschdrucker phát khởi cuộc vùng dậy của lớp S.A. trừ bị, nhưng cuộc bạo động bất thành, bị bóp chết ngay trong ngày đó.

Kinh nghiệm này đã đem lại cho Hitler sự hiểu biết rằng nổi loạn trong lúc này chỉ có thể đi đến thất bại hoàn toàn trước một đối thủ hùng mạnh hơn. Y bèn nghĩ cách khác để đạt tới ước vọng.

Ngày 23-10, y liền bắt tay với Ludendorf, vì y tự hiểu không đủ lực để làm một mình. Y hy vọng những thành tích và chiến công của vị cựu tướng lãnh này sẽ lôi cuốn được một số quân nhân về phe-y. Sự hợp tác giữa hai người được ủng hộ ngay từ lúc đầu, ngoài số đảng viên gia nhập, còn có kỹ nghệ gia Thyssen cũng cho Ludendorf 100 ngàn đồng Mark vàng để tỏ lòng hâm mộ.

Mấy ngày sau, Hitler dăm nghi ngờ lòng trung thành của mấy kẻ hợp tác, sợ bị phản bội hoặc qua mặt, nên vội vàng hành động. Ngày 8-11, y lợi dụng một cuộc hội nghị ở Burgerbrankeller (Munich) để khởi phát cuộc bạo động, đặt những bạn đồng minh của y vào tình thế bắt buộc.

Nhưng vì tổ chức thiếu sót, quá hấp tấp nên công cuộc này bị thất bại ngay. Hitler và Roehm cùng nhiều đảng viên cao cấp Quốc-xã khác bị bắt giữ, còn Goering thì chạy trốn được sang Áo đại lợi. Trong vụ này Goering bị trọng thương phải nằm dưỡng bệnh mắt mấy tháng.

Hitler bị giam giữ ở Landsberg mãi tới ngày 20 tháng 12-1924 mới được phóng thích.

Tự do, Hitler tiếp tục công việc cũ. Việc làm trước nhất của y là bắt buộc Roehm phải từ chức trong bộ tham mưu S. A. vì Roehm luôn luôn tỏ ra quá khích, chỉ chủ trương hoàn toàn quân sự. Chán nản, Roehm sang Bolivic làm huấn luyện viên với cấp bậc trung-tá.

Trong thời gian này, Goering

hãy còn bị bôn đảo ở nước ngoài, vì luôn luôn bị tróc nã, không dám hồi hương.

Hitler phải tự lực đào tạo một đạo S. A. mới, tuyệt đối và mù quáng trung thành với y, với chủ nghĩa Đức-quốc xã. Nhưng mỗi bắt hòa trầm trọng luôn luôn xảy ra giữa các đảng viên cao cấp của y. Các đảng viên kỳ cựu nhất luôn luôn chống đối nhau, có khi họ còn chống đối cả thủ lãnh của họ nữa.

Tuy vậy, những cuộc rối ren nội bộ cũng không thể làm ngăn cản sức bành trướng của đảng, lúc ấy đang được phong trào thanh niên nhiệt liệt hưởng ứng.

Từ năm 1925, lực lượng thợ thuyền Đức-quốc xã là một lực lượng đáng kể nhất nước Đức.

Trong buổi đại hội nghị tại Weimar ngày 3 và 4-7-26, Hitler cho một số S.A. công khai ra mắt nhân dân dưới hình thức thanh niên thể dục và thể thao: 6 nghìn thanh niên mặc sơ mi nâu đi diễn hành qua các đường phố rất trang nghiêm kỷ luật. Dưới sự điều khiển của Pfeffer, lực lượng S. A. mới đã hoàn

toàn là « một đạo quân chính-trị được đào tạo với mục đích đấu tranh chính-trị ».

Trong cuộc đại hội nghị lần thứ hai tại Nuremberg tháng 8-1927, Hitler lại cho 20 ngàn S.A. nura diễn hành trong thành phố.

(Nhưng không phải đến bây giờ lực lượng S.A. mới hùng mạnh như thế, mà từ năm 1925, Hitler đã cho tổ chức một đạo quân mới gọi là S.S. (Schutzstaffel), tuyển trong những nhân viên ưu tú nhất của S.A., dùng để bảo vệ cho riêng cá nhân y. Sau này đạo S.S. một ngày một đông, y mới giao thêm cho nhiệm vụ « bí mật kiểm soát nội bộ » của đảng. Mãi tới tháng 1 - 1929, nhóm S.S. này mới chính thức có một người chỉ huy là tên trum gián điệp Heinrich Himmler sau này. Khi mới bắt đầu điều khiển đạo S.S., Himmler chỉ có dưới quyền y vốn vẹn 280 nhân viên).

Pfeffer, kẻ nhiều công lao đào tạo nên lớp S.A. mới ngày nay đã trở thành vô dụng một khi sự cải tạo đã hoàn bị. Hitler bèn loại trừ Pfeffer. Để thay thế, y nghĩ tới sự gọi lại Röehm trở

về, bởi y tin chắc rằng Röehm không còn là đối tượng nguy hiểm cho y nữa trước lớp S. A. mới hoàn toàn trung thành mù quáng. Gọi Röehm trở về, Hitler còn được cái lợi là sẽ thu phục được một số đồng bạn cũ của Röehm trong bộ tham mưu của chính quyền.

Nghĩ là làm, Hitler bắt buộc Pfeffer giải ngũ vào tháng 8-1930 và triệu Röehm lúc ấy đang ở Bolivia về. Nhìn thấy sự bành trướng của S. A., Röehm không còn dự, liền về với Hitler và được giữ chức tham mưu trưởng S. A. như cũ.

Trong thời gian này, Goering được trở về nước Đức năm 1927, sau một cuộc đại xá của chính phủ. Năm sau tức là 1928 Goering được đặc cử vào quốc-hội.

Tổ chức Gestapo

Lúc đó, đảng quốc xã Đức chỉ chiếm được có 12 ghế trong quốc hội, nhưng sức hoạt động của đảng đủ sức lấn lướt các phe đối lập khác.

Thời đó, ngành cảnh sát Đức không được tổ chức theo hệ-thống toàn quốc, mà chỉ có tính

cách địa phương. Cơ quan giữ gìn trật tự an ninh của tỉnh nào, vùng nào trực thuộc vào nền hành chính của tỉnh ấy, vùng ấy.

Tại Berlin, sở cảnh sát được điều khiển dưới quyền chỉ huy của Rudolf Diehls, một công chức cao cấp bậc nhì, kiêm giám đốc bộ Nội-vụ. Chức vụ và quyền hạn của Diehls đủ cho hắn ta theo dõi được sức nảy nở của đảng Quốc-xã. Hắn bèn tìm hiểu Goering nhiều hơn.

Ngược lại, Goering cũng tìm cách bắt tay với Diehls, mong lôi cuốn y vào đảng mình.

Thoạt đầu Diehls, khôn ngoan đi nước đôi. Y báo cáo cho thượng cấp những cuộc điều tra về đảng Quốc xã, đồng thời lại cho Goering ít chi tiết quan trọng.

Về sau, nhìn thấy sự thành công sắp tới của Hitler, Diehls ngã hẳn về đảng Quốc-xã. Chính nhờ y cung cấp tài liệu mà Goering có được một hồ sơ đầy đủ về thân thế và khuynh hướng của tất cả các phe đối lập.

Goering bèn nghĩ tới sự sáng lập một ngành cảnh sát đặt biệt gọi là « cảnh sát chính trị », để

có thể kiểm soát hoàn toàn từ hành động đến tư tưởng của tất cả nhân viên S.A.

Đem ý kiến này bàn tính với Hitler và được tên trùm quốc xã tán thành, Goering bàn cùng Diehls bắt tay thực hành ngay.

Với sự hợp tác của một Diehls dày kinh nghiệm về ngành tổ chức cảnh sát, và một Goering giàu hiểu biết về chính trị, ngành cảnh sát đặc biệt của Đức Quốc Xã ra đời, ghê gớm và mạnh mẽ vô cùng vì sự hoạt động trong bóng tối của nó. Chính nhờ ở tổ chức này mà Goering có thể nắm được tinh thần của cả 600 ngàn nhân viên S.A. của Roehm.

Nhưng mãi đến ngày 30-1-1933, khi Hitler lên ngôi Quốc Trưởng, Goering mới hoàn toàn thực hiện được tổ chức của y. Ngày 26-3-1933, y công khai tuyên bố một ngành cảnh sát mới thành lập lấy tên là "Geheime Staats Polizei", cảnh sát mật vụ, mà người ta gọi tắt ngay là Gestapo, được thành lập.

Sự chọn lựa cái danh hiệu cho cơ quan này cũng đã là cả

một công trình, bởi chữ Geheime vừa có nghĩa là bí mật vừa có nghĩa là riêng biệt. Còn hai chữ Staats là quốc gia và Polizei là cảnh sát.

Công việc chính của Gestapo, lúc khởi thủy, là lập một hồ sơ đầy đủ các hành động và khuynh hướng của các nhân viên cảnh sát cũ. Dĩ nhiên tất cả những kẻ đối lập bị theo dõi và loại trừ dần dần đặng thay thế vào những đảng viên trung tín (con số này lên đến hàng trăm thanh tra, giám đốc trong toàn quốc, nghĩa là thay đổi hẳn).

Hành động này đã đem lại cho Goering nhất cử lưỡng tiện, vừa triệt hạ được vây cánh của Roehm, vừa tạo cho đảng một sức mạnh vô hình.

Loại trừ ROEHM

Trong khi Goering đang tổ chức Gestapo và đã kiểm soát hoàn toàn được cơ quan Cảnh sát của nước Phổ (thuộc Đức) thì các nhân viên cảnh sát các vùng đối lập khác đã mau chân chạy trốn khỏi mạng lưới của y. Có một nhân vật khác, cũng biết sự quan trọng của ngành

cảnh sát chính trị là Heinrich Himmler, trưởng ban S.S., bèn cố tìm cách để nắm giữ.

Cuối tháng ba 1933, khi Goering được đặc cử chức thủ tướng nước Phổ, y giao cho Himmler giữ chức tổng giám đốc cảnh sát tại Munich, và qua tháng sau, tổng giám đốc cả Gestapo tại khắp vùng Bavière.

Ngay từ khi có cuộc cải tổ các quốc gia trong khối đại Đức, Himmler cũng có ý nghĩ sẽ nắm giữ cơ quan cảnh sát chính trị toàn khối, ngoại trừ nước Phổ vì Himmler không muốn tranh giành quyền lực với Goering. Mà ngược lại Himmler còn muốn bắt tay chặt chẽ với Goering để chống lại kẻ thù chung là Roehm.

Chính nhờ mang chung một kẻ thù Roehm này mà Goering và Himmler trở thành hai kẻ trung thành nhất của Hitler.

Tới tháng 8-1933, khi Himmler nắm được sự kiểm soát ngành cảnh sát ở Hambourg, rồi Mecklembourg, Lubeck, Thuringe, Wurtemberg, Anhalt... và qua đầu năm 1934 thì Brême, Oldenbourg, Saxe nghĩa là 9 phần 10 trong khối Đức, rồi y

bèn cùng Goering loại trừ Roehm bằng cách báo cáo từng cử chỉ, từng lời nói có tính cách bất phục của Roehm với Hitler.

Tuy không ưa gì Roehm, nhưng Hitler cũng chưa muốn hy sinh ngay Roehm, vì y hiểu rằng Roehm còn dưới quyền bán 2 triệu người trong hàng ngũ S.A. Có thể hẳn sẽ trở giáo và lời cuốn bộn này chống lại y, nhưng sau cùng y cũng quyết định loại trừ Roehm vì sự bất bình của các tay chân thân tín khác nữa.

Loại trừ xong Roehm, Goering quyết định giao nốt cơ quan Gestapo ở Phổ cho bạn đồng minh là Himmler, ngày 20-4-1934, đặng có rảnh tay thực hiện các chuyện khác như tổ chức ngành không quân.

Từ đó trở đi, Gestapo dưới quyền chỉ huy tối cao của Himmler và viên phụ tá Diehls, ngày một trở nên ghê gớm, đã gieo rắc biết bao tang tóc đau thương trên toàn lãnh thổ Đức, cũng như khắp lục địa Âu-châu, khi Gestapo được tổ chức thêm một ngành gián điệp, tung sang các nước tự-do để thực hiện mộng xâm lăng bá chủ hoàn cầu của Hitler.

BUỒN CHÚA NHỰT



Phải chi em đừng nhán, chia, trừ, cộng
 Phải chi em đừng tình chuyện sang giàu
 Hai đứa mình còn tha-thiết yêu nhau
 Thì chiều chúa-nhựt tôi đau buồn như thế
 Đâu cô-đơn trên gác này làm thơ kể lẽ
 Nhìn ghé nhìn bàn rồi tiếc nhớ em
 Căn gác hẹp với bao nhiêu hoài-niệm
 Có phải nơi này em thường đến cùng tôi
 Tôi dạy em bước slow thứ nhứt trong đời
 Những trưa nắng em lười không đi học
 Phải chi chuyện chúng mình chưa buồn kết-thúc
 Buổi sáng nào tôi cũng xuống nhà em
 Buổi trưa nào em cũng nhớ lên thăm
 Buổi tối nào tôi cũng chọn đường dài qua trước ngõ
 Phải chi chuyện chúng mình đừng tan-vỡ
 Noel này tôi lại đến đón em
 Chung một lời nguyện dự lễ nửa đêm
 Dù hai đứa chỉ mình tôi theo đạo
 Phải chi chuyện chúng mình đừng dưng-dở
 Thì Xuân này em lại bỏ về quê
 Để tôi trông như học-trò đợi hè về
 Chiều Mừng Sáu mình bắt đầu ăn Tết
 Phải chi em đừng cao xa mơ-trước
 Thì chiều nay em đã đến thăm tôi
 Kể chuyện đầu đầu rồi cùng nắc-nẻ cười
 Mình đã sống những ngày vui trẻ dại
 Chuỗi ngày qua biết bao giờ trở lại!
 Phải chi em đừng tình chuyện giàu sang
 Mình yêu nhau như chỉ mình ở thế gian
 Thì chiều Chúa-nhựt tôi đau buồn như thế
 Đâu cô-đơn trên gác này làm thơ kể lẽ
 Nhớ chuyện chúng mình mà khóc cho tôi.

MY-SƠN (Dalat)



(Tiếp theo P.T. số 59)

HAI BÀI BÁO CỦA HAI NẠN NHƠN

SAU vụ ám sát Đinh-Xuân-Tiểu và Nam Quốc Cang, tôi dờ lại tờ báo *Lạc-Việt* « nguyên tử » xuất bản ngày 9-7-1949, vì tờ báo này đã đăng 2 bài này lửa, công kích chế độ hồi đó.

Một bài ký tên Thiết-Luận (bút hiệu của Đinh-xuân-Tiểu) tố cáo tất cả những hoạt động hại nước hại dân của Thủ tướng

Trần-văn-Hữu, và một bài nữa ký tên Nam-quốc-Cang mang cái tựa dài : « *Hiệu triệu tất cả đồng nghiệp Sài-gòn, Hà-nội, Huế : Phải tiến và quyết tiến* ».

Cần nói rõ thêm rằng *Lạc-Việt* là tờ báo của tướng Nguyễn-hòa-Hiệp, giao cho nhóm « Thời Cuộc » xuất bản, tạm thay thế tờ báo của Đinh-xuân-Tiểu bị ngưng bản không biết đến bao giờ. Báo *Lạc-Việt* đề tên ông Võ-Oanh làm Tổng lý, còn ban Giám đốc và tòa soạn đều là nhơn viên cũ của *Thời-Cuộc*.

Báo Lạc-Việt số ra ngày 9-7-1949 đã được in ra một cách rất kín đáo ; ấn công và thợ máy làm xong công việc phải ăn ngủ ngay tại nhà in Sông-Gianh, để không tiết lộ điều gì ra ngoài, trước khi phát hành vào 6 giờ sáng.

Công-an không hay biết gì nên công chúng mua hết báo ngày hôm ấy trong có 2 tiếng đồng hồ ; muốn tịch thu cũng không kịp nữa.

Độc giả đọc thích thú, mê say và còn cho bà con, bạn bè mượn đọc nữa. Trương nhứt, đang một bài với cái tựa kéo dài 4 cột có hình của Thủ-tướng Trần-văn-Hữu nữa ; trong bài ấy Thiết-Luận lên án họ Trần làm tay sai của hãng Crédit Foncier, — « bán quyền lợi của dân tộc » — chủ trương phân ly xứ sở thì hành một chánh sách kinh tế tai hại cho quốc-gia và « hạ sát báo chí ».

Tác giả bài báo kết luận ;

« Đề lưu tồn, ông đã học cách làm Tần-thủy-Hoàng. Nhưng ông Trần-văn-Hữu ơi, có ai khen Tần-thủy-Hoàng, người ta chỉ kêu là bạo chúa !

Bài báo này lửa thứ nhì của

tờ Lạc-Việt ký Nam-quốc-Cang, là một bản án về chế độ báo chí thời bấy giờ. Đây là một tài liệu sau này giúp cho cuốn lịch sử báo chí, nên trích đăng hết ra đây :

Tôi chỉ có một tham vọng : làm báo.

Tôi quyết làm báo tới ngày cuối cùng của đời tôi.

Mà đã làm báo, — theo thiên kiến của tôi — thì mục tiêu đầu tiên là phải đoạt được Tự-Do Báo-Chí. Vì « không có Tự-Do Báo-Chí thì không có tự-do gì hết » như một chánh khách cấp xã Pháp, ông E. Herriot, đã nói.

Vì báo chí phải « làm đả » cho sự phát triển của tất cả các tự do dân chủ khác.

Tôi tin chắc rằng tất cả các bạn đồng nghiệp chân chánh biết yêu nghề và trọng nhiệm-vụ thiêng-liêng của mình, đều tán thành thiên kiến của tôi. Nhưng từ ba năm nay, tại Sài-gòn các bạn đã thấy những gì ?

Các bạn đã thấy vài người mà thời cuộc đưa đẩy lên đề « ngồi cao » đề hồng-hách với báo chí (với chúng ta) và mưu tính buộc chúng ta phải đi theo « một chiều một » : ủng-hộ họ.

Nhờ thế, tôi đã có đủ tài-liệu để viết một quyển sách nhỏ nhan đề là : « Hắc-thơ về báo chí Sài-gòn từ 1946 đến 1949 ». Việc ấy không còn là một việc bí-mật nữa : quyển sách nhỏ của tôi, tôi đã gởi cho một đồng nghiệp ngoại quốc có cảm tình với báo chí Việt-Nam đem in ở ngoại quốc và xuất bản ở ngoại quốc.

Đề cho ngoại quốc biết rõ một điều không vinh-hạnh cho những người tự xưng là « dân chủ »... : là trong 3 năm vừa qua số báo bị ngưng bản và đình bản ở Sài-gòn, nhiều gấp 5 số báo bị đình bản và ngưng bản ở Nam-Dương (thuộc Hòa-lan), ở Trung-Hoa (thuộc Quốc dân đảng), ở Hy-lạp (thuộc chánh phủ quân-chủ) cộng lại.

Nhưng đó lại là một vinh-hạnh lớn cho đa số những ký-giả ở Sài-gòn. Vì chúng tỏ rằng mặc dầu vài người kia thay thế nhau đề phụng-sự một chánh sách bất nhất, chúng ta — những ký-giả tự-trọng — cũng giữ một tâm hồn và phụng sự một lý-tưởng chung : lý-tưởng của toàn dân Việt Nam.

Dẫu sao chúng ta có thể tin

chắc một điều : Vài người kia nhỏ bé quá, không thể nào thay đổi được thời cuộc và sức tiến triển của cả một dân-tộc.

Vì sự tin chắc ấy mà chúng ta cần phải tiến và quyết tiến để phụng sự được phần nào hay phần ấy, lý tưởng của dân tộc Việt-Nam.

Nam Quốc Cang

Mồng 9 tháng 7 năm 1949 tờ Lạc Việt đăng 2 bài báo trên đây : một bài tố cáo Trần văn Hữu là Tần thủy Hoàng, một bài dọa sẽ phát hành ở ngoại quốc một cuốn sách nêu rõ chế độ báo chí ở Việt-Nam.

Rồi mồng 6 tháng 5-1950 tức 10 tháng sau, hai tác giả hai bài báo trên đây : Thiết Luận và Nam quốc Cang bỏ mạng trong một vụ ám sát bí mật mà đến nay cũng không biết hung thủ là ai hay do ai sai khiến.

Nam quốc Cang, một chiến sĩ của hàng ngũ Báo Chí Thống Nhất đã đạt được ước nguyện của anh hồi 1949 phát biểu trên tờ Lạc Việt : « Tôi quyết làm tới ngày cuối cùng của đời tôi ». —

Nam-Quốc Cang đã chết sau khi vừa làm xong công việc ở tòa soạn.

II — Viết báo dưới thời Nhật thuộc và Việt-minh

Trong những bài trước, chúng tôi đã thuật lại một giai đoạn của nghề viết báo hồi năm 1946-1947 được mệnh danh là « Báo chí Thống nhất ». Bây giờ xin đi trở lại một năm trước, tức năm 1945, từ hồi Nhật thuộc tới hồi Việt - Minh mới lên cầm quyền.

Không biết được tình hình làng báo Bắc-Hà hồi ấy ra sao, kẻ viết thiên hồi ký này hành nghề ở trong Nam, nên chỉ có thể kể những việc đã xảy ra ở Saigon.

Một vụ hành hung báo hiệu đêm 9-3

Hồi đầu năm 1945, quân đội Nhật đã chiếm đóng khắp Đông-dương và đã thường gây ra những vụ xung đột với người Pháp.

Nhật báo ở Saigon vận-vẹn chỉ có ba tờ : *Điện Tín* của ông huyện LÊ - TRUNG - CANG, *Dân Báo* của ông TRẦN-VĂN-HANH và *Sài-gòn* của ông BÚT - TRÀ. Hồi đó, đường giao thông khó khăn vì đang có chiến tranh, sự nhập cảng giấy

gần như ngưng hẳn ; báo chí chỉ trông ở các kho giấy còn lại của các nhà nhập cảng. Ba tờ nhật báo xuất bản với khuôn khổ nhỏ bằng nửa tờ báo bây giờ, cũng đã là cả một vấn đề lúng túng cho sự cung cấp giấy.

Còn các ký giả gặp đủ mọi khó khăn, chẳng khác nào làm dâu hai mẹ chồng : bà mẹ chồng cũ là Pháp và bà mẹ chồng mới là Nhật. Bên nào cũng có uy-quyền với mình. Pháp có quyền hành chính thức, còn Nhật thì có võ-lực, có thể đầu hôm sớm mai đem xe nhà binh rước một ký giả đi rồi không trả về nữa.

Hồi đó anh H.Đ. ở báo *Sài-gòn* viết một cái tin đụng chạm đến người Nhật, liền bị Hiến-binh Nhật đến tòa soạn kiểm. Anh đã lẩn tránh kịp và trốn luôn, không xuất đầu lộ diện nữa.

Các ký giả phải dè dặt hết sức nhút nhát lại nghe rói ở Hà-nội nhà văn NGUYỄN VỸ đã bị Nhật bắt giam vì đã viết năm 1938 một cuốn sách chống Nhật. Lại nghe tin đồn rằng anh Nguyễn-Vỹ đã bị Nhật bắn chết trên bờ hồ Bảy Mẫu !.

Một hôm vào tháng 2-1945 hiến binh Nhật mời các ký giả

Việt-nam và Hoa kiều đến dự một cuộc họp báo ở nhà hàng *Majestic* mà không nói rõ là của ai. Chúng tôi đến đây, chờ ở phòng khách cả giờ rồi người ta bỗng mời chúng tôi lên xe nhà binh chạy một vòng tới đậu trước một biệt thự đường Lê - Quý - Đôn (Barbé, tên cũ).

Chúng tôi được mời lên lầu..

Lúc sau, có một người Nhật, tai to mắt sáng, bận thường phục kiểu Âu châu, áo cổ đứng, bước vào phòng và được một tùy viên báo-chí giới thiệu :

— Đây là Đại-tướng TÙNG-TỈNH.

Chúng tôi vì theo dõi tình hình Hoa Nhật chiến tranh mấy năm trước, đã nghe danh tướng Tùng-Tỉnh là người hạ thành Nam - Kinh, thủ đô nước Trung-Hoa, và sau đó được dư-luận coi như một vị đại anh-hùng của Nhật.

Tướng Tùng-Tỉnh thuật cho các ký giả nghe các chiến công của Nhật cùng những phong trào quốc gia đã nổi lên ở vài nước bị trị tại vùng «Đại Đông Á» — danh từ chánh-thức thông dụng hồi ấy.

Trong lúc cao-hứng, ông hỏi các ký-giả :

— Các anh nghĩ sao về vận-mạng Đông-Dương ?

Vài ký-giả Hoa và Nhật viết ở mấy tờ báo của Nhật xuất-bản bằng chữ Hán hay chữ Nhật ở Sài-gòn, Chợ-lớn, lúu-lo hồi bằng tiếng của họ và được trả lời vui vẻ. Thấy ký-giả Việt-Nam lặng thinh, tướng Tùng-Tỉnh hỏi :

— Các ông nghĩ sao về nước Việt-Nam ?

Không ai đáp hết, hồi lâu thấy lặng thinh mãi bất tiện, anh J.B. Đồng mới đứng lên nói :

— Chúng tôi còn chờ và xem thời cuộc biến-chuyển ra sao ?

Tướng Tùng-Tỉnh mỉm cười về câu trả lời lung-chừng ấy.

Sau cuộc họp báo, chúng tôi được biết thêm, do một ký-giả Huê-Kiều tiết-lộ, rằng tướng Tùng-Tỉnh nắm một vai trò quan trọng trong sở gián-diệp của Nhật.

Hôm sau, báo Hoa-văn của Nhật thuật lại buổi họp báo, chắc phải làmwich lòng người Pháp lắm. Còn báo chí Việt và báo Hoa-văn của Huê-Kiều thì làm thinh, chờ thông cáo chánh-thức.

Chánh-phủ Pháp ở Đông-

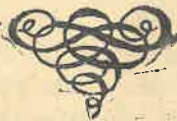
Dương, bèn cho phòng Thông-Tin tuyên truyền Báo chí (J.F.F.) ở Sài-gòn phát hành một thông-cáo đại ý như sau này : «Chánh-phủ Pháp rất ngạc nhiên về những lời tuyên bố của Đại-tướng Tùng Tinh trong một cuộc hội báo hôm rồi. Những lời tuyên-bố vô căn cứ ấy đã làm thương tổn cho tình hữu-nghị Pháp-Nhật mà còn có thể gây rối loạn ở một vùng đang sống yên-ôn dưới quyền cai trị của Pháp. Chánh phủ Pháp mong rằng sự kiện đáng tiếc ấy từ nay về sau sẽ không còn xảy ra nữa. »

Thông cáo có ký tên ông giám-đốc phòng Thông tin Tuyên truyền Báo chí, và được đăng lên một tờ báo Pháp.

Người Nhật bèn nổi giận đùng đùng. Ký giả Nhật Kimura cộng sự với thông tấn xã Domei, lãnh việc đi chất vấn người Pháp.

Lên phủ toàn quyền không để gì vào mà lên Dinh Thống Đốc cũng chưa chắc gặp được một yếu như Pháp nào, anh Kimura đành đến phòng Thông tin Tuyên truyền và Báo chí, vào tận phòng ông giám-đốc... để hành hung. Anh ta phá phách giấy tờ trên bàn ông, liệng các hồ sơ xuống đất, một lúc rồi ra về.

Vụ này làm náo động dư-luận làng báo, nhưng dân chúng không hề biết tới. Các ký giả Việt-Nam cảm thấy địa vị người Pháp ở Đông Dương không còn bền nữa và các cuộc khiêu-khích của người Nhật đã báo hiệu một cuộc « đụng - độ » có thể xảy ra một ngày gần đây. Hồi đó, dư-luận không ngờ rằng người Pháp nhượng bộ người Nhật một cách dễ dàng mau lẹ, như chúng ta đã biết sau cuộc đảo chánh đêm mùng 9 tháng 3. (Còn nữa)



★ **NÓI ĐỐI**

Một câu học-sinh tự-phụ nói với bạn :

- Không bao giờ cái miệng tao nói dối cả.
- Thế thì cái mũi mày nói dối phải không ?

13.- Những người yêu của **NAPOLÉON I**



III - Nữ Bá-Tước **WALEWSKA**
«NGƯỜI VỢ BA-LAN CỦA NAPOLÉON»

Bán mình chuộc Nước

N GÀY 1-1 - 1807, toàn thể dân-chúng xứ Pologne đều nô-nức đợi chờ... Vâng, họ chỉ còn biết đợi-chờ thôi, vì họ đã hoàn-toàn chiến-bại, và đau-khò xót-xa nhìn thấy Tổ-quốc thân yêu của họ đã bị

xâm-lăng và chia-xẻ lần thứ ba trong Lịch-sử. Ba địch-thủ ghê-gớm nhất ở Trung-Âu, ba hoàng-đế tàn-bạo của Nga, Đức, và Autriche, đã thông-đồng với nhau dùng võ-lực để cướp đất Pologne và chia mỗi người một khu-vực : Russie lãnh phần Lithuanie và

Ukraine ; Autriche lấy Cracovie, Varsovie, Lublin ; Prusse (Đức) lấy hết một vùng từ sông Oder đến sông Niemen. Quốc-gia Pologne bị tiêu-diệt hẳn không còn gì nữa cả. Vua Stanislas đã phải thoái-vị, rồi chết năm 1797. Còn vị anh-hùng kháng-chiến của nhân-dân, là Kosciuszko cũng đã bị quân Nga bắt bỏ tù ở Saint-Pétersbourg, sau mấy năm chiến đấu tuyệt vọng.

Dân tộc Pologne, anh-hùng khí khái, bây giờ đành phải nước nước mắt, cam phận vong-nô, chịu kiếp tôi-đời, còn phương-tiện nào nổi dậy được nữa để khôi-phục Giang-son ?

Một tiếng oán-hận ngậm-ngùi cay-dắng đã nức lên dưới ngòi bút của một thi-nhân, như tiếng khóc của Non-Sông : *Finis Poloniae* ! (Pologne đã tận số rồi !)

Bỗng ngày 1-1-1807, cả xứ Pologne ngồi nhòm dậy, vui-mừng, nghe-ngóng, đợi-chờ... Ngày sắp đến đây chẳng ? Phải, chính là Ngày đến đây ! Tiếng vó ngựa của Ngày bước đi, hùng-dũng, nhịp-nhàng với tiếng giày

của Đại-Đội đang dẫm trên cương thỏ Pologne, vang động cả vòm trời Âu-Châu, làm cho các Ngai vàng rung-rinh chuyển-động... Ngày đến để đánh Hoàng-đế Alexandre của Nga, đánh Hoàng-đế François của Autriche, đánh vua Frédéric của Đức, để sửa đổi lại cục-diện Âu-châu. Phải, chỉ có Ngày, Hoàng-đế Napoléon Đệ-nhất, Anh-hùng của nước Pháp Cách-mạng, là nhân-dân Pologne có hy-vọng kêu xin giải-phóng cho Tò-Quốc của họ mà thôi. Cho nên sáng hôm 1-1-1807, nghe tin Napoléon đang kéo Đại-Đội binh mã sang Pologne, vừa đến thành-phố Bronie, trên đường tiến đến Thủ-Đô Varsovie, thì dân chúng vui mừng ào-ạt kéo đến đây để hoan hô Napoléon. Đàn ông, đàn bà, con nít, ông già, bà lão, cả một dân-tộc vong-quốc, bị Russie, Autriche, Prusse, cướp mất cả đất-dai, đứng đông nghẹt hai bên đường, vừa trông thấy Napoléon cỡi con bạch-mã oai-nghiêm tiến vào kinh-đô, muôn nghìn cái miệng đều hô to lên một câu : «Hoàng-đế muôn năm !... Hoàng-đế muôn năm !...» Một thiếu-phụ

rất trẻ và rất đẹp, từ trong đám đông dân-chúng, nhảy ra, vội-vàng quỳ bên chũn ngựa của Napoléon, ngược mặt nhìn lên ông với hai giòng nước mắt chảy tràn-rụa trên má. Nàng kêu gào :

— Bệ-Hạ đến đây, nhân-dân Pologne vui-mừng đón tiếp, tôn Ngài như một vị Chúa, xin Ngài thương xót truyền lệnh cho những kẻ xâm-lãng hãy trả lại Tò-Quốc của chúng tôi cho chúng tôi !

Napoléon cảm-động quá, liền sai quân thị-vệ tức tốc đi kiếm một bó hoa. Ông trao bó hoa tặng giai-nhân, với một nụ cười, và bảo :

— Trẫm muốn gặp bà tại kinh-đô Varsovie.

Mỹ-nhân cung-kính cúi đầu cảm tạ.

Người thiếu-phụ kiều-diễm ấy, được vinh-dự nhận bó hoa của Napoléon trao tặng, chính là NỮ BÁ TƯỚC DE WALEW-SKA.

✱

Màu tóc vàng rực-rỡ như ánh thái-dương, đôi mắt xanh như màu da trời, hình-vóc thướt-tha duyên-dáng, nhưng Nữ Bá-Tướng de Walewska luôn luôn đội nón

màu đen với một tấm voan đen phủ hai bên, từ ngày Tò-Quốc Pologne của bà bị diệt-vong.

Nhũ-danh là Marie LACZIN-SKA, bà là con gái một gia-đình nghèo, nhưng đã lừng danh vì nhan sắc sấu-mơ diễm-ảo. Bà mới 16 tuổi, cha mẹ đã gả bà cho một ông Bá-tướng già 74 tuổi, tên là Colonna de Walewice - Walewski, nhưng là triệu-phú. Bà sống cạnh người chồng này, chẳng biết yêu đương, hạnh-phúc là gì. Tuy còn trẻ tuổi, bà vẫn được đồng bào của bà rất mến phục vì lòng nhiệt tâm ái-quốc của bà. Bà đã khóc ròng-rá từ khi nước Pologne bị hai Hoàng-đế nước Russie, nước Autriche và Vua xứ Prusse dùng vũ-lực đến cướp lấy và chia xẻ thành ba mảnh để mỗi nước chiếm lấy một khu vực sáp-nhập vào đất đai của họ.

Hôm gặp Napoléon, Nữ Bá-tướng de Walewska đã 19 tuổi. Napoléon 36 tuổi.

Napoléon đến Varsovie, ba hôm sau có buổi đại-dạ-hội. Nữ Bá-tướng de Walewska được mời đến dự. Hoàng-đế Pháp mê sắc-đẹp của bà đến nỗi giữa lúc các quan-khách đang khiêu-vũ, nhịp-

nhàng theo nhạc điệu ru-dương, thì Napoléon viết trên một mảnh giấy mấy giòng tán-tình vụng-về sau đây, đưa quan thị-vệ đến trao tận tay Nữ Bá-tước :

« Giữa phòng tiệc đông-đảo, ta chỉ nhìn thấy bà, ta chỉ để ý đến bà, ta chỉ ngắm nghĩa bà. Bà trả lời gắp cho N. biết cảm tình thế nào, ta nóng lòng đợi thư hồi-âm ».

Nữ Bá-tước Walewska xem giấy, chỉ mỉm cười nhả-nhặt mà không trả lời. Tuy rằng bà rất tôn sùng Hoàng-đế Napoléon, rất khâm-phục bậc anh hùng tài-hoa siêu-việt, nhưng dù sao bà vẫn là một phụ nữ có đôi chút lòng tự-ái, lẽ nào nhất kiến vi kiến Hoàng-đế buông lời chọc ghẹo mà bà đã ưng-thuận ngay ư ? Ba lần, Napoléon sai người đến thuyết phục gian-nhân, ba lần nàng mỉm cười, từ-chối.

Napoléon không giận. Nhưng hôm sau, hôm sau nữa, hôm sau nữa, liên tiếp ba hôm như rứa, Hoàng-đế cứ viết thư gởi đến Nữ-bá-tước, tán tỉnh bà, khen ngợi bà, tỏ tình tha-thiết yêu-đương. Giai-nhân cương-quyết chối từ, viện lẽ nàng đã có chồng. Nàng không thể dâng

trái tim của nàng và hiến tằm thân của nàng cho Hoàng-đế được.

Napoléon buồn rầu, bực tức, có khi nổi giận, hăm he dọa nạt, có khi lại xuống nước, làm lành, năn nỉ... ỉ-ôi !..

Thái độ trung trực và cương quyết của bà càng tăng phẩm-giá của Nữ Bá-tước de Walewska. Nhưng Chính-phủ lâm thời của Vong-quốc Pologne, biết rõ cuộc tình duyên trắc trở của Napoléon, liền viết bức thư sau đây gởi Nữ Bá-tước Walewska :

« Hồi xưa, nàng Esther ưng thuận làm vợ vua Assuérus của nước Perse, dân phải vì tình yêu mà chỉ vì lòng ái quốc nhiệt thành của nàng muốn cứu dân tộc Juifs khỏi bị diệt-vong. Và Esther đã tìm được hạnh phúc và hãnh-diện vì đã cứu được Quốc gia của nàng.

Thưa bà, chúng tôi cũng mong ước thấy bà được hạnh phúc ấy và hãnh diện ấy.

Chúng tôi xin phép nhắc bà một câu nói bất-hủ của Fénelon, một nhà triết-học lừng danh, một văn-hào Pháp, một tu-sĩ có đức-độ cao-siêu. Ông đã nói : « Les hommes

qui ont toute autorité en public ne peuvent, par leurs délibérations, établir aucun lien effectif si les femmes ne les aident à l'exécuter » (Những người đàn ông dù có đủ cả uy-quyền đối với công-chúng, cũng không thể, với những cuộc đàm-thoại xây dựng được một liên-hệ cụ-thể nào, nếu không có những người đàn bà giúp họ thực-hành công-tác ấy).

Nữ Bá-tước de Walewska suy-nghĩ rất nhiều về bức thư đó của những nhà ái-quốc Pologne. Đã vậy, hầu hết những bạn-hữu thân-tín của nàng, cả dư-luận của dân chúng, cho đến cả nhà Đại Thi-sĩ danh-tiếng nhất của Pologne thời bấy giờ là MICKIEWICZ cũng-khuyên bảo nàng : « Hoàng-đế Napoléon là một bậc vĩ-nhân của Lịch-sử. Chỉ có Ngài là giải-phong được Tò-quốc chúng ta, nếu Ngài muốn. Vậy Nữ Bá-tước nên vì Nước mà quên mình. Phụ-nhân hy-sinh tằm thân nghìn vàng cho Napoléon, chính là hy-sinh cho Tò-Quốc vậy ! ».

Hy-sinh như nàng Esther đã hy-sinh cho Hoàng-đế Assuérus chẳng ? Nghe theo tiếng gọi của

Tình-yêu Hoàng-đế, tức là nghe theo lời khuyên bảo của nhà Tu-sĩ Fénelon và nhà Thi-hào Mickiewicz chẳng ?

Gần một tuần-lễ, Nữ bá-tước de Walewska băn-khoăn, thắc-mắc vì vấn đề tâm sự, tiến thối lưỡng nan... Yêu Napoléon ?.. Không yêu Napoléon ?.. Hy-sinh vì ái tình ? Hy sinh vì Tò-quốc ?..

Sáu đêm trường, nàng trăn-trọc không ngủ...

Napoléon cũng thế... ! Ban ngày, Hoàng-đế lo sửa soạn việc chiến tranh, một mình ngài điều binh khiển tướng đề phải đương đầu với một nước Russie to lớn hùng cường, một nước Autriche cố-cự, anh dũng, một nước Prusse đang hăng-hái quyết chiến để giữ gìn lãnh thổ. Nhưng ban đêm, ngài nằm thao thức, buồn rầu, vì người đẹp của Pologne không hề nhượng bộ...

Ngài ngồi dậy, viết bức thư cuối cùng sau đây đề sáng hôm sau, — sáng ngày thứ bảy — sai quan thị-vệ trao đến mỹ-nhân :

« Phụ-nhân không sao làm thỏa mãn nhu cầu tha thiết của

một trái tim say mê chỉ muốn chạy đến ôm lấy chân ai mà tỏ tình yêu dấu? Ta chỉ tiếc, vì lòng ước muốn của ta vô bờ bến, nhưng nhiệm vụ của ta cũng quá nặng nề, nên ta không làm sao đến cạnh phu nhân để tỏ hết nỗi lòng! Đến đây! Ai ơi, đến đây với ta! Ta sẽ càng mến thương Tổ quốc của em nhiều hơn nếu em thương hại trái tim đang đau khổ của ta!»

Nữ Bá-tước đã trần-trọc sáu đêm, với hình ảnh chói-lọi của Napoléon mà nàng tôn-kính, mà nàng vẫn do dự không dám ôm ấp vào lòng.

Bỗng sáng ngày thứ bảy, vừa ngủ dậy nàng nhận được bức thư tha thiết chân thành của ai kia...

Nàng xúc-dộng quá ngời lạng-lẽ xuống ghế, nhắm mắt mơ-màng... Nàng mới có 19 tuổi. Bỗng Nữ-bá-tước tài-hoa son-trẻ bừng mắt đứng dậy, tươi cười nói với quan thị-vệ:

— Nhờ ông về tâu lên Hoàng-đế, chốc nữa tôi sẽ xin đến hầu chuyện với Ngài về số-phận của Quê-hương tôi.

Một lát sau, Napoléon đang

chăm-chú nghiên-cứu các địa-diểm chiến-trường trên một bản đồ lớn trải trên mặt bàn, Nữ công-tước Walewska bước vào. Nàng mặc áo đen, đội nón đen phủ tấm voan đen để tang cho Tổ-Quốc. Nàng quỳ bên chân Napoléon, tha-thiết van lơn:

— Tâu Hoàng - thượng, đây không phải là Nữ-bá-tước de Walewska, mà đây là xứ Pologne đến quỳ bên chân Ngài. Xin Ngài hứa cho một lời châu-ngọc: Xứ Pologne chỉ ngưỡng vọng lên Ngài, nhờ Ngài giải-phóng cho Quê hương chúng tôi khỏi bị làm nô-lệ! Chúng tôi mong được vinh-dự tôn Hoàng-thượng làm bậc ân-nhân cứu dân-tộc Pologne!

Napoléon mỉm cười, nâng đỡ Nữ-bá-tước dậy, mời nàng ngồi:

— Tôi hứa với phu-nhân, tôi sẽ giải-phóng cho Pologne.

Nữ-bá-Tước liền đứng dậy:

— Tâu Hoàng-đế, Hoàng-đế có cho phép tôi đêm nay trở lại dâng Hoàng-đế tấm lòng tri-ân không bờ-bến của tôi?

— Đêm nay ta chờ phu-nhân.

Nữ Bá-tước kính cẩn chào, đi ra.

8 giờ tối, Napoléon vẫn còn

đứng trước bản đồ, sắp đặt chiến thuật dàn trận trên sông Danube. Nữ Bá-tước bước vào, lần này bà mặc áo hồng rực rỡ. Napoléon cười hỏi:

— Bây giờ là Nữ Bá-tước đến, hay là xứ Pologne đến?

Walewska mỉm cười duyên dáng:

— Tâu Hoàng-đế, đây là người yêu của Ngài đến.

— Thế thì bây giờ đến lượt anh quỳ bên chân em!

Nói xong, Napoléon, quỳ bên chân nàng, hôn lấy chân nàng,

và làm-bầm ba tiếng thông thường mà tất cả những người yêu đều nói, bất cứ là vị Hoàng-đế hay chú thuyền chài:

— “Anh yêu em!”

Walewska âu-yếm cúi xuống đỡ Napoléon dậy, không ngờ Hoàng-đế kéo tay bà xuống, để bà nằm luôn trên đất, không kịp đưa nhau lên giường nệm hoa!..

★ TÂN-PHONG

KY SAU:

Walewska say mê Napoléon.



★ MỘT VỚI MỘT LÀ BỐN

Trò Xuân hỏi em, là trò Thu:

— Đố mày, một với một là mấy?

— Là hai chớ mấy.

— Đốt.

Thu tức giận:

— Cô giáo dạy em như vậy chớ bộ!

— Cô giáo mày cũng đốt luôn.

— Vậy chớ anh nói một với một là mấy?

— Là bốn.

— Xì!

— Này nhé, Ba với Má có phải là một cộng với một không? Má sinh ra tao, rồi sinh ra mày.

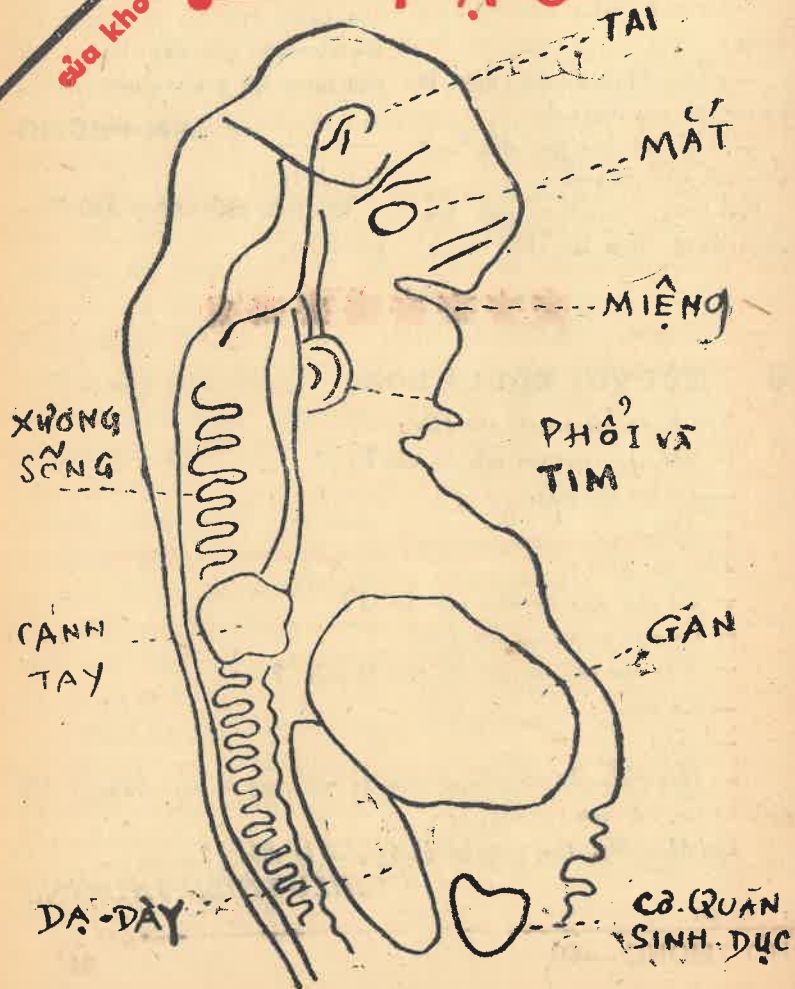
Ba, Má, mày, tao, cộng lại không phải là Bốn à?

CHIỀU THIÊN THƯƠNG

một thí nghiệm
về cùng tảo bào

của khoa học hiện đại

THAI NHÂN TẠO



• Các nhà Bác-học trên Thế-giới
hiện đang xôn-xao

về cuộc thí-nghiệm đã thành
công của Bác.sĩ Ý
DANIEL PETRUCCI

và nữ Bác-học
LAURA DE PAOLI

• Tờa thánh La - Mã phản - đối
nhiệt-liệt

• Nhưng các giới Khoa - học
Quốc.tế đang say mê theo
rõi sự nầy-nở
thành.hình của
HÀI - NHI NHÂN - TẠO

đã sống được 60 ngày
trong ống chai thí-nghiệm :
« BÉBÉ-ÉPROUVETTE »

★ Bác.sĩ HOÀNG-HOÀ
(Paris)

N G À Y 27 tháng 10 năm 1960, tại Hội-nghị Mổ-xẻ ở Florence (Ý), một Bác-sĩ người Ý mà từ trước đến giờ chưa ai biết tiếng, tên là Daniel Petrucci, trình bày một cuốn phim lâu 1 giờ 45 phút, khiến cho toàn-thể các nhà Bác-học thế - giới đều kinh - ngạc. Cuốn phim chỉ rõ các chi tiết cuộc thí nghiệm đầu tiên của ông về một cái «Thai nhân-tạo» do ông đã gây ra được.

Khởi điểm cuộc thí - nghiệm này, theo lời Bác sĩ Petrucci cho biết là do ông nghiên cứu về nguyên-nhân tại sao có những người đàn ông không có con. Muốn tìm nguyên - nhân đích-xác, Bác-sĩ định lấy một tinh-trùng của đàn ông cho phối-hợp với một tiểu - noãn của đàn-bà để xem có thể gây thành sự thụ-thai được không, nếu được thì cái thai nhân-tạo ấy có thể nẩy-nở được không, trong một ống chai thí - nghiệm (éprouvette) và nẩy nở như thế nào, có thành hình người được chăng ? v. v. . .

Bác-sĩ Daniel Petrucci đã sống những giờ phút hồi hộp trong phòng thí-nghiệm của ông,

luôn luôn với một ống quay phim chiếu vào cái thai nhân-tạo của ông dựng trong ống-chai, để chụp lấy những hình ảnh rõ - rệt, cần thiết cho sự nghiên-cứu.

Bác-sĩ Daniel Petrucci năm nay mới có 37 tuổi, nhưng nét mặt đã già hơn tuổi vì ông làm việc nhiều quá về các thí-nghiệm của ông. Quê quán ở Bergame, miền Bắc nước Italy, gần biên-giới nước Suisse (Thụy sĩ). Ông nói rất thạo Pháp-ngữ và Anh - ngữ. Học 10 năm trường Đại - học Y - khoa Bologne, ông được bổ dụng làm việc tại Bệnh-viện Nữ-Hoàng ở London. Sau ông trở về làm việc tại Ý, nơi đây ông mở một phòng thí - nghiệm để nghiên-cứu các vấn - đề thắc-mắc về y-khoa. Trong cuộc thí-nghiệm về « Thai nhân-tạo », ông có hai cộng-sự viên đặc lực rất tận-tụy giúp ông : 1) Nữ Bác sĩ LAURA DE PAOLI, 35 tuổi, đã có 3 con, chồng bà cũng là một Bác-sĩ, bị chết vì tai nạn xe hơi cách nay đã 5 năm. Bà còn trẻ, rất đẹp, có cặp mắt đen như than, rất hăng-hái trong công-tác thí-nghiệm này. 2) Bác-sĩ RA - PHAËL BERNABO, cũng

còn trẻ, có vợ và hai con. Bác-sĩ Petrucci cũng đã có 2 con.

Cái Thai nhân-tạo đầu - tiên sinh nở trong một ống chai thí nghiệm của bác-sĩ Petrucci đã sống hoàn toàn như một thai thường trong bụng mẹ, nhưng được 29 ngày thì ông hủy bỏ. Ông đã đem chiếu cuốn phim ấy trong hội-nghị Mổ-xẻ ở Florence ngày 27 - 10 - 1960, như chúng tôi đã nói ở trên, và tại Hàn-Lâm-Viện Y - Khoa Paris hồi đầu tháng Giêng 1961. Có một nhà báo hỏi ông :

— Tại sao cái thai đã sống được 29 ngày, rồi Bác - sĩ lại ngưng cuộc thí-nghiệm ?

Bác-sĩ trả lời :

— Tại vì chúng tôi thiết-trởng thời-gian ấy cũng đã đủ cho chúng tôi tìm hiểu về sự thụ-thai, và chúng tôi e ngại kéo dài thêm nữa sẽ gặp nhiều trở lực. Bác-sĩ nào cũng biết rằng cái thai phải sinh ra thì mới thành hình người, và đến tháng thứ tư mới biết được là trai hay gái.

Trở-lực mà Bác-sĩ Petrucci nói đó, chính là trở-lực về tôn-giáo. Vì chưa chi, Toà-thánh La-Mã đã kết án cuộc thí-nghiệm

của Bác-sĩ Petrucci. Tám ngày sau khi Thế-giới đã biết được cuộc thí-nghiệm khoa-học có kết quả mỹ-mãn, Toà-thánh Vatican tuyên-bổ :

« Không ai có quyền tự thay thế cho luật phép của Chúa. » - (Nul n'a le droit de se substituer à la loi de Dieu).

Đài phát-thanh của Toà thánh Vatican lại phê bình như sau đây :

« Chúng tôi không sợ những tiên-bộ của khoa-học. Trái lại, chúng tôi còn cầu chúc cho khoa-học được tiên-bộ để nâng-cao đời sống của loài người.

« Nhưng chúng tôi không thể công nhận rằng con người lấy danh-nghĩa khoa-học mà tự-động, theo ý-muốn riêng của mình, vượt qua những giới-hạn của nhân cách, như tín-ngưỡng về tôn giáo. »

Một ký-giả phỏng-vấn nhà Nữ-Bác-học Laura de Paoli, về ý-kiến của bà đối với thái độ phản - đối của Tòa Thánh Vatican. Bà đáp :

— « Lời tuyên bố của Tòa-thánh La-Mã rất là trầm-trọng. Nhưng ý-kiến của Vatican

không đủ để cho chúng tôi quyết định ngưng công cuộc nghiên-cứu và thí-nghiệm về khoa-học. Nếu việc làm của chúng tôi là sai lầm, là phản khoa-học, thì các nhà đư-ơng - cuộc tôn-giáo cứ việc bảo cho chúng tôi biết. Giáo sư Petrucci, Bác sĩ Barnabo và tôi, chúng tôi đều là những người theo đạo Gia-tô, chúng tôi xin sẵn-sàng nghe theo. Chỉ trong trường hợp duy nhất đó, chúng tôi sẽ thôi hẳn, và mãi mãi, tất cả những thí-nghiệm mà lâu nay chúng tôi vẫn tiếp tục chỉ vì mục đích khoa-học mà thôi. Còn công-kích chúng tôi trên đài phát-thanh và trên báo-chí của Tòa-Thánh Vatican, thì nhất định chúng tôi không phục. Tôi xin nhắc lại rõ ràng, chúng tôi là những người đã có lòng tin sâu xa về Đạo Gia-tô, những người có luân-ly, nhưng chúng tôi cũng tin chắc rằng khoa-học không có giới-hạn nào cả. Làm sao biết được những tiến-bộ của Y-học đến đâu là giới-hạn ?



Cuộc tranh luận giữa Khoa-học và Tôn-giáo đang sôi-nổi

chung quanh một cái Thai nhân tạo, «đưa hài-nhi sinh nở trong ống thí-nghiệm» — Bébé Eprouvette, — thì tháng giêng vừa rồi, 1961, các giới khoa-học quốc-tế bỗng được thấy một cái Thai-nhân-tạo thứ hai ra đời, cũng trong một ống thủy tinh, và lần này cái thai đã sống được 60 ngày !

Cái thai đã được chụp hình và được đăng trên nhiều tờ báo khoa-học trên thế-giới. Theo bản phác-họa tấm hình (xem trang đầu của bài này), thì đưa *hài nhi nhân tạo kia, sinh-nở trong ống thí-nghiệm bằng thủy-tinh trong 60 ngày*, đã bắt đầu thành-hình, có đầu, tai, mắt, miệng, nhau ở rốn, gan, xương sống, v. v. . gần như cái thai thiên-tạo trong bụng người đàn-bà có thai được 2 tháng.

Bản phác-họa chúng tôi đăng trên kia là phóng lớn ra theo kính hiển-vi, để các bạn độc-giả của *Phổ-Thông* được thấy tường-tận, của cái thai còn nhỏ (mới 2 tháng) dài 7 phân. Tất cả các cơ-quan đều mới bắt đầu thành hình, chưa hoàn-toàn. Nhưng trái tim đã hoạt-động. Tháng 1-1961 vừa rồi, một Ủy-ban Y-học, gồm

các Bác-sĩ danh-tiếng đã nhóm-hợp tại kinh-thành Rome (La-Mã) ở Học-Viện Eastman, để xem xét cái thai nhân-tạo và cuộn phim chớp trong 45 phút về cuộc tiến triển của thai trong thời-gian 60 ngày do 1 máy ảnh camera 16 ly chụp thường trực đêm ngày trong phòng Thí-nghiệm của Giáo-sư Petrucci. Nhà sinh-vật-học danh tiếng của Pháp, Bác-sĩ Jean Rostand, ở Hàn lâm viện Y-khoa Paris, hồi năm ngoái còn không tin cuộc thí-nghiệm của Petrucci, bây giờ cũng phải nhìn - nhận rằng giáo-sư Petrucci đã thành-công mỹ-mãn.

Các ký-giả có hỏi Nữ Bác-sĩ Laura de Paoli, người cộng-sự với giáo-sư Petrucci, « tác-giả » cái thai-nhân-tạo, bước đầu của sự thực hiện « *Cou người nhân-tạo tương lai* ».

— Bà có thể dưỡng cái thai này cho đến 9 tháng không ?

Nữ Bác-sĩ kiêu-diễm và duyên-dang, trả lời :

— Giáo-sư Petrucci cho rằng không cần dưỡng nó quá 60 ngày, vì thời-hạn này đã đủ cho cuộc thí-nghiệm của chúng tôi. Tuy vậy, tôi không thể trả lời

dứt khoát được. Chúng tôi chưa có bằng-chứng gì tỏ rằng cái thai 2 tháng có thể sống được ngoài cái bụng của một người mẹ. Chúng tôi chưa biết hết cái bí-mật của sự sinh nở thai nghén ngoài thời-hạn 60 ngày.

— Hiện giờ, cái thai nhân-tạo kia đã sống được 60 ngày, vậy bác-sĩ Petrucci và Bà sẽ tiếp tục nghiên-cứu về vấn-đề gì ?

— Còn nhiều điều cần phải khám-phá. Quan-trọng nhất là sự nhận-xét rằng, trong cái thai thiên-tạo của người mẹ, có cái nhau, trong nhau có chất huyết-xương (plasma) biến thành ra huyết và dưỡng-khí : đó có lẽ là nguồn sống. Chúng tôi chưa biết cái thai nhân-tạo có chất plasma ấy không ?

Nhiều giới khoa-học căn-cứ trên thí-nghiệm « cái thai 60 ngày » của Bác-sĩ Petrucci, có yêu-cầu Tòa-Thánh Vatican cho biết ý-kiến. Nhưng đến nay Tòa thánh chưa trả lời.

Người ta đang hồi-hợp chờ xem cuộc thí-nghiệm của Bác-sĩ Petrucci và Nữ Bác-học Laura de Paoli, sẽ đi đến đâu.

Có điều rõ-rệt, là thế-kỷ XX

đã mở rộng những cuộc mạo-
hiểm vô cùng táo-bạo của khoa-
học. Con người đã « sáng-tác »
được « mặt trăng nhân tạo », và
đã bắt đầu sáng tác cả « con
người nhân tạo » ! Rồi đây con
người sẽ dùng những Mặt-trăng
nhân tạo để đổ-bộ lên Mặt-Trăng
thật, lên Kim-Tinh, Hỏa-Tinh.

Chuyện đó không còn là chuyện
thần tiên nữa rồi. Nhưng « Con
người nhân-tạo » sẽ thành ra « con
người thật » được không ?
Hay sẽ thành ra một chàng
FRANKENSTEIN, sản-phẩm
của khoa-học, sẽ dùng khoa-học
mà tiêu diệt lại con người ???

Đó hãy còn là Bí-mật !

Bác-sĩ HOÀNG HOA



★ Bị cáo

Luật-sư hỏi người thân-chủ vừa bị bắt giam :

— Anh muốn tôi bào chữa cho anh, nhưng anh có tiền trả tôi
không ?

— Tiền thì tôi không có, nhưng tôi có chiếc xe hơi Mercedes
kiểu 1958. Nếu ông ra tòa bào chữa cho tôi được trắng án thì tôi sẽ
tặng ông chiếc xe hơi đó.

— Được, tôi đồng ý. Vậy anh cho tôi biết anh bị bắt về tội gì ?

— Về tội ăn-cắp chiếc xe hơi Mercedes kiểu 1958 đó.

★ Gà toán.

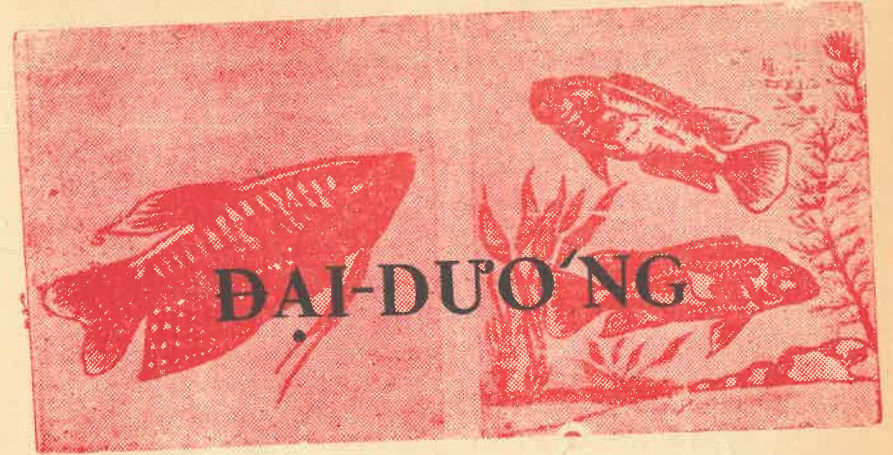
Thu đôt toán lắm, làm toán trật hoai. Thầy Giáo bảo :

— Em nên nhờ Ba của em chỉ cho em làm toán, để khỏi trật.

Trò Thu trả lời :

— Thưa thầy, mấy lần trước chính em nhờ Ba em làm đó, mà
bài nào cũng bị Thầy cho zê-rô, cho nên lần này Ba em không làm nữa.

MỘT THỂ - GIỚI BÍ - ẨN KỲ - DIỆU ;



I
TÌNH CÁ NƯỚC

★ ANH - VŨ

TRẦN-VIỆT-QUANG
(Hải-học-viện — Nhatrang)

ANH nắng ban mai êm
dịu, lọt vào căn phòng
ấm cúng: ngọn gió biển thổi nhẹ
nhẹ làm lay động mấy chiếc cửa
trắng tinh, đồng màu với những
cánh hoa hồng bạch trên chiếc
bàn phủ vải màu xanh.

Anh-Đào đã tự tay làm xong
món ăn sáng, chờ chòng dậ điềm
tâm. Nàng đưa mắt ngắm quanh
phòng.

Con cá vàng trong chiếc bình
thủy-tinh đang nhóna như bơi lội,
lúc xuống tận đáy bình, lúc lại nhô
lên mặt nước, khi quay sang trái
khi lại uốn mình vòng qua bên
phải, di-chuyển nhẹ nhàng không
lộ chút gì mệt mỏi. Cái bẻ cá vàng
đã quá quen thuộc đối với nàng :
Nàng xem nó như một món hàng
trang trí cho đẹp mắt cũng giống
như bó hoa tươi rực rỡ hay những
bức tranh màu của các nhà danh
họa.

Đôi khi Nàng đã có ý nghĩ : « Hay chỉ cá chấu chìm lòng mà chơi ! ». Nhưng vì chồng Nàng thích, nên Nàng cũng chiều chồng đi thay nước và kiếm ít thức ăn cho mấy con cá vàng nhỏ nhỏ xinh-xinh.

Sáng nay nhiều ý nghĩ vẩn-vơ và mơ hồ lại tới với nàng .

Tại sao con cá vàng lại có thể sống thành thoi trong chiếc «lồng» bằng thủy-tinh đựng ít khối nước mà thỉnh-thoảng nàng mới thay ?

Tại sao nó có vẻ bằng lòng với chút ít bánh thừa, hay mấy con cung-quăng và hình như không thèm để ý tới những sự ràng buộc chung quanh nó ?

Một vật hữu sinh nhỏ nhỏ có những màu sắc trắng lợt huy-hoàng nhợt nhạt bơi lội đã bao lần các bạn của chồng nàng và chính cả nàng nữa cũng chỉ nhìn phớt qua, hoặc đứng ngắm một lúc bộ mã đẹp đẽ của nó rồi đi vào câu chuyện khác, ít ai theo dõi để tìm những bí ẩn của mỗi tình CÁ NƯỚC.

Cánh cửa phòng ngủ hé từ từ. Vũ-Nguyên đi nhẹ nhàng tới sau lưng Anh-Đào mà nàng không hay biết. Nàng còn mãi mê ngắm bề cá vàng, nhưng chiếc bóng

lờ mờ in hình qua chiếc bình thủy - tinh đựng đầy nước đã làm cho Nàng giật mình quay lại :

— Kìa anh ! Anh đã dậy từ hồi nào ?

— À, từ lúc cô em đang say sưa với mỗi tình Cá Nước.

— Tình Cá Nước ! Nghe hay quá anh nhỉ ! Nó có giống mỗi tình của chúng ta chăng ?

— Tình cá nước thật là huyền-diệu, ly kỳ. Em có thấy con cá vàng từ ngày này qua ngày khác vẫn nhợt nhạt sống theo một nhịp điệu không ngừng trong khối nước cón con này không ? Nó có thể thờ ơ dễ dàng trong nước, diềm mà các con vật khác và chính chúng ta nữa không thể làm được. Tuy nó cũng có bộ xương sống như loài bò sát, loài vật có vú hay loài chim, nhưng nó có những đặc tính thụ sinh và phát triển riêng biệt của một thế-giới bí-ẩn không giống những định luật thiên-nhiên trên quả đất chúng ta đang ở.

Con cá vàng trong bình thủy-tinh này là điển hình cho một khung cảnh bao la của thiên-nhiên rộng lớn, chứa đựng bao nhiêu mỗi tình huyền-diệu nên thơ.

— Anh nói tới «TÌNH CÁ NƯỚC» làm em lại nhớ tới câu :

«Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng».

— Hay lắm ! «Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng», em vừa nói tới, và cái hồ nuôi cá vàng trước mặt chúng ta đây là một khung cảnh thu nhỏ lại, nhưng có thể cho ta thấy cả một sự thật của miền thủy-giới bao-la hàng 365 TRIỆU CÂY SỐ VUÔNG bao gồm gần ba phần tư Trái Đất của nhân-loại.

Nếu Trái Đất ta ở có mặt đất và một khoảng không trung bát-ngát, mà mặt đất vẫn chiếm phần ưu thế vì đã giúp cho cây cối có chỗ bám rễ, các động-vật và Con Người tha hồ đi lại chạy nhảy để

dàng ; không trung chỉ là phần phụ truyền cho vạn-vật nhiệt-lượng và ánh sáng mặt trời, phát sinh ra dưỡng khí và giúp cho loài chim trong sự bay liệng khắp nơi thì miền thủy-giới cũng có 2 phần : Nước và đất ở dưới đáy, nhưng Nước lại là phần chính. Nước truyền sức phóng xạ của ánh sáng và nhiệt lượng mặt trời phát sinh ra dưỡng-khí ở trạng thái hòa tan, giúp cho sự hô-hấp của loài cá và là một môi trường thích hợp cho biết bao nhiêu sinh động-vật khác sống trong lòng đại-dương kỳ diệu.

Nhiều giống cá đã bơi lội, di-chuyển dễ dàng, sống thành thoi ở lưng chừng mặt nước suốt đời mà vẫn không hề tiếp xúc với



khoảng đất dưới đáy. Nhờ trọng lượng riêng của Nước và loài cá có sự cách biệt không là bao, hơn nữa trái đất cũng giảm bớt sức hút đối với miền thủy-giới, nên mặt nước mênh mông trùng dương bát ngát đã trở thành chiếc nôi êm-êm đưa đẩy, ấp ủ biết bao nhiêu khối trứng bảo-đảm cho hải sinh động-vật khỏi bị tiêu-diệt.

Những ngọn sóng bạc đầu ầm ầm đánh vào ghềnh đá, cuộn cuộn nổi đuôi nhau vỗ vào bãi cát trắng phau phau chỉ là giả tượng. Nước nơi sông biển, ao hồ, suối lạch mới là sự thật. Dưới cái mặt phẳng rộng lớn đó biết bao nhiêu bí ẩn đang tiềm tàng, biết bao nhiêu cuộc sống đang tiếp diễn. Nước như người Mẹ hiền ôm ấp, nâng niu hàng **MẤY CHỤC NGÀN LOẠI CÁ**, và các sinh động-vật khác mới cho những dưỡng-khí cần-thiết, đem tới các thức ăn đầy đủ, đỡ cho khỏi rơi xuống đáy sâu, tạo những điều-kiện xê-dịch và sinh sống dễ-dàng từ đời này qua đời khác.

Một mối tình thăm-thiết thiêng-liêng, nhân-từ tương-trợ, một hình ảnh mà trong ca-dao Việt-

Nam đã nêu lên với tính cách nghịch trường :

« Con cá mày sống dưới ao,
Ta tát nước vào mày sống được
chăng ? »

Một hình ảnh mà hiện nay người ta còn dùng để tượng trưng cho mối tình Quân Dân nhất trí trong một nước thực sự Dân-chủ Tự-do.

— Và hôm nay, chúng ta lại dùng để chỉ chomối tình yêu của đôi ta, phải không anh ?

II BÊN BỜ ĐẠI DƯƠNG

Sáng hôm đó, một buổi sáng cuối thu, nơi miền quê-hương cát trắng, mặt trời nhô khỏi mặt biển, vượt lên trên đỉnh núi xa-xa, tỏa muôn ngàn tia sáng xuống mặt đại-dương bát-ngát.

Trên ghềnh đá mũi Nam, đã có 3 người đang sửa-soạn thả câu bên bờ biển cả.

Ánh nắng ban mai làm tan lớp sương mù bao phủ mặt nước mênh mông, xâm nhập vào vạn vật và tâm tư những con người sinh sống ở chốn thị thành, nhưng lại thích cái thú của Khương-tử-

Nha trên bờ sông Vị-thủy.

Những tia sáng mặt trời tràn xuống làn nước trong xanh lấp lánh, sườn ảm vũ-trụ bao la.

Giữa khoảng thiên-nhiên rộng lớn ấy, Anh Đào quay sang phía chông và Hùng-Linh người bạn thân nhất của gia-đình Nàng, đề khơi mào câu chuyện :

— Đại-dương cũng cần ánh sáng như Diogène nhà đại-hiền-triết của nền văn-minh Cổ Hy-Lạp, phải không các Anh ?

Hùng-Linh vừa móc xong mồi, vung mạnh sợi giây cước ra xa vội góp ngay ý kiến :

— Chà ! Bà Chị hôm nay nói có vẻ triết-lý quá ! Diogène ngày trước trong khi phơi nắng đã yêu-cầu Alexandre Đại-Đế lùi xa ra một bên, đừng che khuất mất ánh sáng mặt trời. Có lẽ đó là một sự cảm-thông của con Người và vũ-trụ. Còn ở đây, thì đại-dương có cần cầu khăn đấm sương mù xê đi chỗ khác đâu ! Ánh Triều - dương đã làm tan màn sương sớm, để hòa hợp với mặt nước mênh-mông, đem sinh khí tới cho biết bao loài vật sống trong lòng biển cả.

Vũ-Nguyên cũng định chêm

vào ít câu trong khi chờ đợi, nhưng chiếc phao đã bắt đầu nhảy rồi chìm lìm, chàng phải giật mạnh chiếc cần lên.

Phía sau chỗ chàng ngồi lại có một khoảng cỏ mọc xanh-xanh. Con cá chàng vừa câu được đã nằm gọn trên thảm cỏ. Cả 3 người cùng chạy lại xem. Hùng - Linh nhanh tay khê rút chiếc lưới câu trong miệng cá ra, thì Anh - Đào đã nói ngay :

— Con cá to quá, Anh nhỉ ! Mình nó thon thon như hình chiếc thoi dẹt củi. Tạo-hoá đã phú cho nó có một thân hình tuyệt-xảo để tha hồ bơi lội dễ-dàng.

Vũ-nguyên tiếp lời vợ :

— Em đừng tưởng là loại cá nào cũng có thân hình thon thon như cá *Hồng Lan* này đâu nhé ! Có nhiều loại đẹp lép như cá *Lờn-bon*, dài ngoẵng như con *Trình*, con *Lịch*, hay tròn giống cái đĩa như loại cá *Bùng bình*. Nhưng nói chung thì loài cá phần lớn đều có thân mình đặc-biệt thon thon ấy. Trong thời văn-minh cổ, khi loài người với cuộc sống thô-sơ, ở trong những hang đá thiên-nhiên, ngày ngày lên rừng đuổi thú hoặc lặn xuống sông hồ, khe

suối bắt cá để ăn, cũng đã có đôi ý-niệm về đường cong cong, đối nhau, tượng-trung cho hình con cá, những con vật ở ngay bên cạnh họ. Vì thế đã có những bộ-lạc đã dùng cá làm « vật tổ » và chạm hình cá với mấy nét thô-sơ trên vách đá, ngay trước cửa ra vào các động, mở đầu cho ngành hội-họa và điêu-khắc của nhân-loại hiện tại.

Nhờ thân hình thon thon ấy mà có loại cá Mập, cá Xà, cá Nhám, và thứ nhất là cá Thu, đã nổi tiếng bơi lội nhanh với tốc-độ hàng 7, 8 CHỤC CÂY SỐ MỘT GIỜ, và di-chuyển dễ dàng từ đại-dương này qua đại-dương khác:

À ! Bạn Hùng-Linh và Anh-Đào có thấy chiếc nêm thủy-dinh nguyên-tử Nautilus của Hoa-kỳ và các loại phản-lực cơ của khoa-học hiện đại không nhỉ ?

— Có, có, Em thấy rồi, trên màn ảnh đẹp lắm !

Anh-Đào vốn người hoạt bát, thường nhanh nhẩu trong câu chuyện. Hùng-Linh trầm tĩnh hơn, ra chiều suy-nghĩ chậm rãi tiếp theo lời bạn :

— Theo ý tôi thì sở-dĩ có chiếc tàu thủy nguyên-tử hay

máy bay phản lực tiện lợi và đẹp đẽ hiện nay là do loài Người đã bắt chước hình của loài cá để làm giảm bớt sức cản của nước và không khí.

— Như thế thì hình con cá thật là tuyệt xảo, tuyệt mỹ phải không các Anh ?

Câu hỏi chìm vào yên lặng, không một tiếng trả lời. Cả 3 người lại trở về chỗ ngồi với nhiều ý nghĩ về cái hình thon thon cong tuyệt đẹp của loài cá và sự tiến bộ của loài người trên bước đường khoa-học.



Ngồi trên một tảng đá bằng phẳng, tay cầm chiếc cần câu trúc mà Vũ-Nguyên đã vất vả lắm mới chặt được cho Nàng trong chuyến du-hành lên miền Cao-nguyên thán trước, Anh-Đào lo-dăng phóng tầm mắt nhìn xa những vẻ rực rỡ muôn màu của vạn-vật chung quanh.

Đó đây màu đỏ xảm của những cánh hoa rừng trên sườn đồi hoang dại nổi bật lên trên những cành lá xanh xanh. Một đôi bướm vàng đang nhẹ nhàng lượn vờn trên cánh hoa tươi, đôi cánh xập xòe phô sắc thắm.

Vài con hải điều với bộ mã

trắng tinh bay ngang qua dưới làn mây trong vắt, tung cánh chim trời, lấp sau rặng núi xa xa.

Mặt trời đang lên, hào quang rực rỡ, chiếu xuống mặt nước muôn ánh lung linh. Cảm quang của Nàng bị xao động : màu sắc ngoại cảnh đã tô điểm cho cuộc sống tâm tư muôn vẻ huy-hoàng, Nàng như say sưa giữa khoảng nước non hữu tình này, thì chiếc cần trúc đã rung rung, cái phao động đập, chìm xuống một đầu rồi lại nổi lên. Nàng trở về với thực tại : chiếc phao bỗng vụt biến mất, Nàng giật mạnh tay lên, đầu sợi cước, một con cá Nàng-Đào đang uốn mình chơi vơi trên khoảng không trung xa lạ.

Nàng khẽ đặt chiếc cần câu xuống và Vũ-Nguyên đã chờ sẵn để gỡ cá cho nàng. Anh-Đào lẩn xẩn bên cạnh chõng, khoan khoái về những cảm giác lành mạnh đẹp đẽ vừa qua và vô cùng sung sướng khi đạt được một kết quả không ngờ. Từ trước tới nay, Nàng đi câu với chõng, với bạn là để góp thêm phần « vui vẻ ». Nhiều khi suốt cả buổi sáng, thấy Nàng chẳng câu được một con cá nào, Vũ-Nguyên thường hay tặng Nàng những câu đùa lý thú :

— « Cá nó thấy Em đẹp quá !. Nó mê tới quên cả ăn mồi rồi », hay là :

— Em thì cần gì câu được cá. Thấy người khác được là mình được, mình vui cái vui của thiên hạ mà !

Hùng-Linh đã để cần xuống, chạy lại :

— Hôm nay chị Anh-Đào « cừ » quá xá, lại câu được con cá Nàng-Đào đẹp quá : 2 sọc màu xanh ánh bạc, song song trên chiếc mang ngà màu vàng ; mấy chiếc vảy sắc hồng tươi lẫn màu xanh lá mạ. Nhiều vệt dài liên tiếp ngang dọc dọc ngang hòa hợp đủ màu sắc thiên nhiên, nửa trắng nửa đen, nửa vàng, nửa đỏ, nổi bật lên trên toàn thân màu ô-liu có vẩy điểm vàng.

— Màu sắc đẹp quá các anh nhỉ ! Con cá vàng ở nhà cũng còn thua xa.

Vũ-Nguyên cầm con cá Nàng-Đào trên tay để bỏ vào giỏ, những tia nắng chiếu xuống lấp vảy ngoài làm thay đổi muôn màu óng ánh lung linh. Chàng quay sang phía Anh-Đào :

(Còn nữa)

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

● Vương tình

Xinh đẹp ngày thơ nhiều thiếu-
nữ,

Lòng nghe sao lạ, mặt quen thân,
Tuồng như độ trước — khi
nào ấy —

Có gặp nhau đâu đã một lần ?

Có lẽ khi là khách viễn phương
Nhân cơ rẽ một ngã ba đường ;
Hay chừng dậm gió xang mưa
chướng

Cùng lánh hiên người đôi phút
hương.

Hay buổi trưa nào trở bến sang
Tình cờ chung mạn chuyển đò
ngang,

Tới nơi người đôi vùng mây
trắng,

Kẻ trái lăm xăm hướng bụi vàng...

Rồi đó không hề tưởng nhớ nhau,
Phương trời ai có biết ai đâu !
Đời cầm như nước đôi dòng lạ,
Mây khói mệnh mang sầu lạc sầu...

Nay gặp không ngờ chẳng ước
mong,

Môi e đáng nở gọi tao phùng,
Không vồn-vã lắm, nhưng may
đề

Gây chút tươi êm bớt ngượng
ngùng.

Lặng lẽ nhìn nhau chẳng thoáng
tình,

Người ơi, tôi thấy quá buồn tanh;
Và đây chia cách không đưa tiễn,
Mắt với trông theo nghĩ chẳng
đành !

NGUYỄN-ĐÌNH-THU
(Hương màu)

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

BÀI này rút trong tập
« Hương màu » của
NGUYỄN-ĐÌNH-
THU, một tập thơ chưa hề in và
có lẽ sẽ không bao giờ ra đời, vì
tác-giả không còn nữa ! Theo
nhiều nguồn tin phù hợp với
nhau thì Nguyễn-đình-Thu đã bị
sát hại bởi bọn quá khích sau
ngày tổng khởi nghĩa 1945.

Tôi được đọc bài thơ này
cùng với mấy bài nữa của Nguyễn
đình - Thu từ năm 1942, trong
cuốn « Thi-nhân Việt-Nam » của
Hoài-thanh và Hoài-Chân. Và
tôi có cảm-tình với ông ngay từ
hồi ấy.

Thơ Nguyễn-đình-Thu không
mới lạ, cũng không có gì đặc biệt:
quanh quẩn chỉ là những buồn
thương, nhớ nhung, vương vấn,
oán than quen thuộc của con
người muôn thuở. Nhưng tình-
cảm thật trong sạch, nhạc thơ
êm-ái, lời thơ ngọt-ngào khiến
người đọc thơ có cái thú thanh-
tao như chọt ngửi mùi hương
thoang thoảng của hoa ngọc-lan
hay hoa bưởi trong một chiều hè
êm-ả.

Trong bài thơ trên đây, tác-
giả đã ghi lại những mảnh tình

vụn vặt vương vãi đó đây,
những mối tình nhẹ thoáng
qua mà trên đời bất cứ ai cũng
đều đã trải qua không nhiều thì
ít.

Có khi ta gặp một khuôn mặt
giái-nhân ngơ ngợ như queo,
hình như đã gặp ở đâu rồi,
ngoảnh đi không đành mà hỏi
thì không dám :

Xinh đẹp ngày thơ nhiều thiếu-
nữ,

Lòng nghe sao lạ, mặt quen thân,
Tuồng như độ trước — khi nào
ấy —

Có gặp nhau đâu đã một lần ?

Có khi chỉ là một sự tình cờ
gặp gỡ ở ngã ba đường hoặc
tình cờ cùng trú mưa dưới một
mái hiên nhà hàng phố. Phút giây
gặp gỡ thật là ngắn ngủi nhưng
nhiều khi cũng đủ thì-giờ gây
cảm cho lòng rung động vẫn
vương :

Có lẽ khi là khách viễn phương
Nhân cơ rẽ một ngã ba đường ;
Hay chừng dậm gió xang mưa
chướng

Cùng lánh hiên người đôi phút
hương.

Có khi chỉ là đôi khách sang
ngang tình cờ chung một chuyến
đò, rồi khi đò cặp bến thì mỗi
người mỗi ngã :

Hay buổi trưa nào trở bến sang
Tình cờ chung mạn chuyến đò
ngang,

Tới nơi người đôi vừng mây
trắng,

Kẻ trái lăm-xăm hướng bụi
vàng..

Những mối tình thăm lặng,
thoáng qua ấy nhiều khi thật đẹp,
nhưng rồi người ta cũng quên
đi ! Nhớ làm sao được, khi mà
đời còn trăm nghìn lo âu, vất vả :

Rồi đó không hề tưởng nhớ
nhau,

Phương trời ai có biết ai đâu !

Đời cầm như nước đôi dòng lạ,
Mây khói mênh-mang sâu lạc
sâu...

Những tưởng thế rồi thôi,
không dè một ngày kia bỗng gặp
lại người cũ. Cả hai cùng nhận
ra nhau, cũng muốn hỏi, nhưng
lại cũng ngại ngùng :

Nay gặp không ngờ chẳng ước
mong.

Môi e đáng nở gọi tao phùng,

Không vồn-vã lắm, nhưng may
đề

Gây chút tươi êm bớt ngượng
ngùng.

đành chỉ lặng - lẽ nhìn nhau
như người xa lạ. Giây phút ấy
mới bẽ-bàng, chua chát làm sao!

Lặng-lẽ nhìn nhau chẳng thoáng
tình,

Người ơi, tôi thấy quá buồn tanh;
Và đây chia cách không đưa tiễn,

Mắt với trông theo nghĩ chẳng
đành !

Bài thơ ngâm dứt mà dư âm
còn văng vẳng mãi trong ta như
những mối tình thăm lặng vẫn
vương hoài không dứt.

Lời thơ có chỗ linh - hoạt,
duyên dáng :

Hay chùng dậm gió xang mưa
chướng

Cùng lảnh hiên người đôi phút
hương.

có chỗ lộng-lẫy, gọi hình :

Tới nơi người đôi vừng mây
trắng,

Kẻ trái lăm-xăm hướng bụi
vàng..

hoặc tả sự e-ấp, ngượng ngùng
rất khéo :

Môi e đáng nở gọi tao phùng.
hay gọi được cái buồn trông
rỗng âm-u :

Lặng-lẽ nhìn nhau chẳng thoáng
tình,

Người ơi, tôi thấy quá buồn tanh!
Tóm tại, cái giá-trị của thơ
Nguyễn-dinh-Thư là diễn tả
duyên dáng những tình cảm
thông thường của con người
bằng những lời giản dị ngọt
ngào dễ nghe và dễ mến.

Để thêm minh chứng cho lời
kết luận trên đây, xin mời đọc
giả thưởng thức ít câu thơ nữa
của Nguyễn-dinh-Thư, trích ở
đôi bài thơ khác của ông :

Tôi yêu là bởi tôi yêu,
Cầm tay có hỏi, hỏi nhiều làm chi?

Khi yêu không dẫn đo gì,
Phân-phô chừ biết nói vì có sao!

Hướng hồ yêu tự khi nào,
Hôm qua lòng thấy ngọt ngào

mới hay..
(Đến chiều)

Qua rồi thôn cách bến sương,
Phất phơ áo nhạt mắt đường

lau không.

Vô tình đâu biết trên sông
Có người ngang lái còn trông

đốt mình !
(Sang ngang)

Mênh mông muôn lớp sóng
đồn,
Vè lau trắng gió, bãi cồn khói
sương.

Non nước đây chỗ chia đường,
Trương tư mở lối đoạn trường
cũng đây.

Cách vời trước biết bèo mây,
Chung đôi xưa nở xum vầy làm
chi !

(Tống biệt)
Và đây là lời thơ than của
một cô gái bị tình phụ. Bị tình
phụ mà lời than vẫn dịu dàng
nhỏ nhẹ, dễ thương của những
tâm-hồn trầm-lặng Á - đông :

Nhớ bữa ra đi anh dặn dò
Những là chờ đợi, chớ buồn lo :
« Đừng đau em nhé ! Thư luôn
nhá !

Không có phương trời anh héo
khô!»

Nghe nói, chao ôi! xiết thảm sầu!
Trăm nghìn những muốn chết

theo nhau.

Lệ không cầm nữa, tơ duyên
trông

Vấn vút đôi ta đến bạc đầu...
Chắc hẳn anh chừ đã lừng nhau,

Vui bề gia thất ấm êm sao!
Tình cờ nếu gặp em đâu đó

Không biết lòng anh nghĩ thế nào?
(Thiệt thà)

BÀNG-BÁ-LÂN

NAM-CUNG TRƯỜNG-VẠN

giết

vua

★ THIẾU-SƠN

THUA trận Trường-Câu, Bão-thức-Nha kéo tàn-quân về nước. Tề-hoàn-Công vừa giận vừa buồn. Bão-thức-Nha nói: *“Luận lớn, nhỏ, mạnh, yếu thì Tề với Lỗ ngang nhau. Binh Tề tới tại nước Lỗ mà giao-chiến thì Lỗ là chủ, Tề là khách, sức khách phải mạnh hơn sức chủ cho nhiều thì mới thắng đặng. Nếu sức khách không hơn bao nhiêu thì ắt phải thua... Nay xin cho tôi lấy hiệu lệnh của Chúa-công mà triệu binh Tống giúp sức. Hễ Tề với Tống hiệp lại thì ắt thắng Lỗ”*. Hoàn-

Công bằng lòng. Bão-Thức-Nha liền sai sứ qua Tống viện-binh. Tống mẫn Công vốn là đồng minh của Tề nên sẵn sàng hiệp-binh để đánh Lỗ.

Mẫn-Công có một tướng sức mạnh phi-thường là Nam-Cung Trường-Vạn, bèn cử làm đại tướng cùng với Mãnh-Hoạch làm phó, đem binh đến hội với Tề tại Lang-Thành.

Lỗ-Trang-Công hay tin liền quân Tề Tống kéo tới liền thương nghị với bá quan :

“ Bão-thức-Nha đương lúc giận dữ lại thêm có Tống giúp sức, ta nghe Trường-Vạn sức mạnh vô cùng, nước ta không người địch thủ. Ta biết thế gì mà cự địch ? Công-tử Yến nói: “Đề tôi coi hình thế của địch rồi sẽ lo phương đối phó”.

Công-Tử Yến xem rồi trở về tâu rằng: “ Bão-thức-Nha có lòng sợ Lỗ cho nên sắp đặt quân sĩ chỉnh tề lắm. Còn Nam cung Trường-Vạn ý có sức mạnh vô địch cho nên đề binh lộn xộn chẳng có hàng ngũ chi hết. Nếu ta kéo binh ra cửa Vu-Môn, xuất kỳ bất ý xông tới đánh thành linh thì phá. Tống ắt đặng. Hễ Tống bị thua thì Tề không dám ờ. »

Trang-Công nói : “ Ta e khanh cự không lại Trường-Vạn ? » Công-Tử Yến thưa : “Đề tôi làm thử. »

Công-Tử Yến lấy một trăm tấm da cạp bao trên mình ngựa, nhưn lúc trăng mờ, mở cửa Vu-Môn mà kéo ra, đi gần tới binh Tống mà binh Tống cũng chẳng hay gì hết.

Đến nơi, Công-Tử Yến truyền quân nổi lửa, giục trống, phát cờ, la ó vang dậy mà xông tới. Binh

Tống thấy xa xa có một bầy cạp kéo tới thì run sợ mà chạy tứ-tán.

Nam-Cung Trường-Vạn thấy quân sĩ nà chạy thì cũng giục xe chạy theo.

Binh của Lỗ-Trang-Công áp tới hiệp với binh của Công-tử Yến rượt theo cho tới Thăng-Khâu. Nam-Cung Trường-Vạn nói với Mãnh-Hoạch : “ Bây giờ nếu không tử-chiến, ắt chẳng khỏi bị bắt. » Mãnh-Hoạch bèn quay ngựa lại đánh với Công-Tử Yến. Còn Trường-Vạn thì hơi kích xông vào vòng binh của Lỗ-Hầu, gặp ai đâm nấy, làm cho ai cũng phải kinh-hãi mà không dám lại gần. Lỗ-Trang-Công nói với Chuyên-Tôn-Sanh là một viên mãnh-tướng : “ Người là người mạnh có tiếng, vậy có dám hơn thua với Trường-Vạn một trận chẳng ? » Chuyên-Tôn-Sanh hơi kích lướt tới đánh với Trường-Vạn. Lỗ-Hầu lên xe mà xem, thấy Chuyên-Tôn-Sanh địch không lại Trường-Vạn thì nói với kẻ tả-hữu đưa mũi tên kim-bộc-cơ cho ông rồi ông dùng mũi tên đó mà bắn nhằm vai bên hữu của Trường-Vạn thấu tới xương. Chuyên-tôn-Sanh nhưn lúc Trường-Vạn mắc nhờ mũi tên thì ráng

sức đâm một mũi vào cánh tay bên tả. Trường-Vạn té nhào xuống đất, vừa muốn đứng dậy chầy thì Chuyên-tôn-Sanh liền nhảy xuống xe mà bắt sống, quân sĩ áp tới trói lại. Mãnh-Hoạch thấy chúa-tướng bị bắt thì bỏ xe chạy trốn. Lỗ-Trang-Công trợn thẳng, rung chuông thâu quân.

Chuyên-tôn-Sanh giải Trường-Vạn về dung công. Trường-Vạn tuy bị thương nặng mà vẫn đi đứng như thường, không tỏ vẻ đau-đớn một-nhọc.

Lỗ-trang-Công thương vì sức mạnh nên lấy lễ mà hậu-dãi.

Bão-thúc-Nha hay tin binh Tống đại-bại, biết mình cô-thế nên phải rút binh về. Tề-hoàn-Công càng thêm căm-tức và buồn rầu.



Tề-hoàn-Công cầu hôn với Châu. Qua năm sau Châu-Vương sai sứ qua khiến Lỗ-Trang-Công đứng làm chủ-hôn dặng gả Vương-Cơ về Tề. Từ đó Lỗ hòa-hào với Tề, kết làm anh em và chắm dứt thù xưa, oán cũ.

Kể nước Tống bị lụt, Lỗ-trang-Công sai sứ qua hỏi thăm và cũng nói lại tình giao-hào giữa hai nước.

Tống-mẫu-Công tạ ơn Lỗ và

xin tha Nam-Cung Trường-Vạn về nước.

Trường-Vạn trở về Tống, vào ra mắt Mẫn-Công. Mẫn-Công nói diều rằng : « Ngày trước ta kính người là vì người có sức mạnh. Nay người là một thằng tù bên Lỗ, ta không thèm kính người nữa đâu. » Trường-Vạn hồ thẹn, từ-giã mà về nhà. Quan đại-phu là Cừ-Mục nói riêng với Tống-Công : « Niềm tôi chúa phải lấy lễ mà ở với nhau, chẳng nên nói chơi như vậy. Không kính thì ắt sanh lòng khi dễ. Sanh lòng khi dễ thì làm điều vô-lễ. Hễ có làm điều vô-lễ thì dễ sanh điều bội-nghịch. Xin chúa-công phải từ bỏ mấy điều nói chơi ấy. » Tống-Công nói : « Ta cùng Trường-Vạn diều-cột với nhau đã quen, không hề gì đâu mà phòng ngại ». Cừ-Mục làm thỉnh lui ra.

Một ngày khác Tống-mẫu-Công đương chơi với cung-nhơn nơi Mông trạch lại khiến Nam-Cung Trường-Vạn quăng kích cho vui. Trường-Vạn có tài quăng kích lên trên không, cao vài trượng chờ cho rớt xuống mà bắt, trăm lần không trật một lần. Lần này cũng như mọi lần Cung-nhơn

khen không ngớt miệng mỗi khi Trường-Vạn trở tài.

Tống-mẫu-Công thấy cung-nhơn hoan-hô Trường-Vạn thì đem lòng ghen ghét, bèn khiến nội-thị lấy cờ vây ra mà đánh với Trường-Vạn, lại giao ai thua thì phải uống một đấu rượu. Mẫn-Công cao cờ, Trường-Vạn đánh không lại, bị phạt phải uống hết năm đấu rượu, đã có hơi xoàng xoàng. Mẫn-Công khiến đẹp cờ thì Trường-Vạn nài-nỉ đánh nữa đề gỡ những bàn thua. Mẫn-Công nói : « Thằng tù này đánh nữa thì thua nữa, gỡ gì dặng mà mong gỡ. » Trường-Vạn lòng giận căm căm, làm thỉnh không thèm nói chi hết. Kế có nội-thị tâu rằng : « Châu-Vương sai sứ đến. » Mẫn-Công cho triệu sứ vào mới hay Trang-Vương băng-hà và đã lập vua mới. Mẫn-Công nói : « Nhà Châu đã tôn vua mới, ta phải sai sứ diều-tang và chúc mừng. » Trường-Vạn tâu : « Thừa nay tôi chưa được thấy kinh đô của Thiên-Tử. Xin chúa công cho tôi đi sứ một phen cho biết. » Mẫn-Công cười và nói : « Nước Tống ta chưa phải hết người, lẽ nào lại sai tù đi sứ kia. »

Cung-nhơn đều cười rộ.

Trường-Vạn nổi giận đỏ mặt lại thêm say rượu, chẳng kè phân chúa tôi, bèn mắng lớn : « Vô-đạo hôn-quân, có biết tù hay giết người chăng ? » Mẫn-Công nổi giận mà rằng : « Thằng tù khốn này sao dám vô lễ như vậy kia. » Mẫn-Công giựt cây kích của Trường-Vạn, ý muốn đâm Trường-Vạn cho chết. Trường-Vạn không thèm giành kích, xách bàn cờ vây mà đánh vô đầu Mẫn-Công. Mẫn-Công té nhào xuống đất, Trường-Vạn đè xuống thoi một hồi chết tốt. Cung-nhơn cả sợ vỡ chạy tứ-tán.

Trường-Vạn chưa nguôi giận, xách kích ra đến cửa cung gặp Cừ-Mục. Cừ-Mục hỏi : « Chúa-công ở đâu ? » Trường-Vạn nói : « Hôn-quân ăn nói vô-lễ, tôi đã đánh chết rồi. » Cừ-Mục cười rằng : « Tướng-quân say rồi sao ? » Trường-Vạn đáp : « Ta nói thiệt đấy, không phải say đâu. » Rồi đưa tay dính máu cho Cừ-Mục xem. Cừ-Mục thấy vậy nổi xung và mắng lớn : « Quân-giặc phản nghịch như vậy, Trời nào mà dung nó dặng kia ! »

Cừ-Mục cầm hốt đánh Trường

Vạn - Trường - Vạn - quảng kích xuống đất, một tay thì đỡ một tay đánh Cừ - Mục nhằm giữa đầu bề tan làm nhiều mảnh, có mảnh nhằm cửa đội lại xa hơn ba tấc.

Cừ - Mục thác rồi, Trường - Vạn lượm kích thủng thẳng lên xe không sợ ai hết.

Quan Thái-Tề là Hoa - Đốc nghe chuyện biến ấy, lật đật xách kích lên xe, đem binh dẹp loạn. Đi đến phía Tây Đông-cung, vừa gặp Trường-Vạn. Trường-Vạn không nói chi hết, giục xe xóc tới đăm Hoa-Đốc một kích liền nhào xuống xe, lại đăm luôn một kích nữa đồ ruột chết tươi.

Trường-Vạn tôn em con nhà chú của Mẫn-Công là công-tử Du lên ngôi rồi đuổi hết thầy con cháu Mẫn-Công ra khỏi nước.



Tống-mẫn-Công ở ngôi có mười năm vì lời nói chơi mà bị Trường-Vạn giết như giết gà. Nếu ta đọc tiếp chuyện này ta sẽ thấy Nam-Cung Trường-Vạn đền tội một cách đích-đáng và thảm-khốc vô-cùng.

Nhưng ở đây ta chỉ cần học tập về rai chết của Tống - mẫn - Công để rút tía lấy những kinh-nghệm về cách đối-nhơn xử-thế.

Nói tới lễ-độ người ta thường nghĩ đến lễ-độ của người dưới đối với kẻ bề trên mà ít nghĩ tới lễ-độ của người trên đối với người dưới. Những lời của Cừ-Mục đã nói ra với Mẫn-Công đáng cho ta suy gẫm Niềm, tội chúa phải lấy lễ mà ở với nhau, chẳng nên nói chơi như vậy. Không kính thì ắt sanh lòng khi dễ, sanh lòng khi dễ thì làm điều vô-lễ. Hễ có làm điều vô-lễ thì dễ sanh điều bội-«nghịch. Xin chúa-công phải từ bỏ mấy điều nói chơi ấy ». Mẫn-Công chẳng những không nghe lời Cừ-Mục mà còn nói : «Ta cùng Trường-Vạn điều-cột với nhau đã quen, không hề gì đâu mà phòng ngại». Lời nói trên đây làm cho ta thấy rõ lòng dạ của Mẫn-Công, một ông vua vui tính, bình dân, không câu-nệ nhưng thiếu mực thước. Thật tình ông thương Nam-Cung Trường-Vạn vì sức mạnh của chàng có thể dùng để giữ nước và bảo-vệ nhà vua. Nhưng ngoài ra còn thương về những tánh-tình đặc-biệt như : ngây-thơ, ngang-tàng, có vẻ như man-rợ và lỗ-mãng. Ông xin cho chàng được thả về và, khi đã về, không có một lời trách cứ. Cả đến những cuộc vui trong thâm-cung ông cũng cho chàng tham-

dự. Chắc rằng trước khi Trường-Vạn bị làm tù binh của Lỗ, ông cũng đã quen điều-cột với chàng nên ông mới không phòng ngại điều gì. Nhưng một người không có một tài gì ngoài cái sức mạnh của mình mà lại cứ bị người ta điều-cột nhầy nhụa về sự thất-bại sa-cơ của mình thì người đó như định không thể nhịn lâu được khi hẳn ta chỉ là một kẻ vô-phu man-rợ. Chẳng thà Mẫn-Công cứ lấy quyền-lực của một ông vua mà rầy, mà mắng. Nhưng khi đã bỏ hết pháp-độ mà cho người ta đối diện với mình để đánh cờ, uống rượu chung với bọn mỹ-nữ cung-nhơn thì sự điều-cột của ông quả thiệt là quá suồng-sã, thiếu mực thước đi tới chỗ thất-lễ và vô-lễ. Chính cái thái-độ của ông đã làm cho Nam-Cung Trường-Vạn đương là một kẻ tội tở trung-thành và đặc-lực bỗng biến thành một kẻ phản-nghịch hung-hãn và ghê-gớm vô-cùng. Trường-Vạn không suy-tính, không âm-mưu, không vì tư-lợi, tư-tình mà chỉ vì quá giận mà làm càn, nhưt là lại bị hơi men đốc-thức, chàng chỉ là một nạn-nhơn đáng được hưởng những tình-trạng giảm-thiểu.

Phê-bình chuyện này Đông-Lai

tiên-sinh không có một lời chê-trách Nam-cung Trường-Vạn mà chỉ phê-bình Tống-mẫn-Công quá câu thả trong thuật dùng người.

Tiên sinh nhắc lại cách đối xử với hào-khiet của hai nhân-vật : Công - Tôn Thuật và Hán Cao-Tồ.

Công-Tôn Thuật, ở đời Đông-Hán đã tiếp Mã-Viện một cách rất oai nghiêm. Thuật từ trên ngai xuống giữa hai hàng quân ra đến xe để đón Mã - Viện và muốn phong ngay cho làm đại tướng. Mã-Viện từ chối và sau phê-bình Công - Tôn Thuật là « ếch nằm đáy giếng ».

Hán Cao-Tồ bỏ cả pháp độ và nghi-lễ của Tần làm cho con người được thông thả phóng túng trong cách đối xử với nhau. Chính sự phóng túng đó đã làm cho lắm kẻ bề-tối làm rối trật tự của Triều-đình và chính Cao-Tồ cũng phải bằng lòng cho lập lại triều-nghi.

Đông - Lai tiên-sinh kết luận rằng Công-Tôn Thuật quá câu-nệ nên không thu được anh-hùng và Tống - mẫn - Công đã quá câu - thả nên phải lụy đến thân. Cao - Tồ không câu-nệ và cũng không câu-thả nên đã thành-công. Nhưng sau khi đã thành-

công rồi cũng đành phải lập lại triều-nghi để giữ-gìn trật-tự.

Tuy nhiên, tiên-sinh vẫn chủ-trương rằng không thể chỉ dùng lễ-nghi pháp-độ mà thu-phục được hào-kiệt trong đời.

Ta hãy nghe tiên-sinh nói :

« Anh-hùng là những tay lối-lạc phóng-túng ngoài vòng pháp-độ, nên nhà vua cũng phải đãi kẻ hào-kiệt ở ngoài vòng pháp-độ. Phá tan gián-cách, đập bỏ phiền-phức, choàng vai hay nắm tay cùng nhau kết tình tri-ngộ. Lúc ngồi chon-hồn giận mắng để bề gây kiêu-hãnh của anh-hùng,

khi bóng đèn, cười giỡn vang-dây để cùng tận-hương phút vui, rồi cất tiếng ca hùng-tráng khảng-khái phơi bày ruột gan, làm như thể mới bảo được anh-hùng quên chết theo mình ».

Tiếc thay ! Tống-mãn-Công bỏ pháp-độ mà không làm được như thế. Và Nam-Cung Trường-Vạn cũng chỉ là một kẻ vũ-phu, chứ chưa đáng mặt anh-hùng. Đối với kẻ vũ-phu lại càng cần phải lấy lễ-độ để làm hàng rào ngăn-cách cũng như ta cần phải ngăn-cách với những loài thú dữ.



★ Nội trợ !

1/2 giờ trưa, ông Xoài đi làm việc ở sở về nhà, thấy cơm chưa dọn. Ông lặng-lẽ quay ra đi.

Bà vợ hỏi :

— Mình đi đâu ?

— Đi ăn cơm tiệm.

— Mình chờ em năm phút.

— Năm phút thì mình làm xong cơm hả ?

— Không. Năm phút để em sửa-soạn đi ra tiệm với mình.

Tâm sự một người câm

Thượng đế ! Thượng đế !

Con gục đầu khấu bệ,

Van xin ngài đoái-trởng chút từ tâm..

Kiếp trước làm chi ?

Ừ, gây chuyện lỗi lầm !

Ngài giận dữ bắt bỏ vào hồ-lô nhốt kín.

Đày con sống, coi không gian mù mịt,

Đơn độc trong thế giới : không ngày, không đêm.

Vỡ mộng êm đềm !

Rồi uất-ức con gây thêm tội lỗi.

Giang tay hò-hét, núi ngàn vang dội,

Đạp hồ lô trần trở khắp thiên-cung.

Mọi chút hào-quang, nhưng hoàn-vũ bịt-bùng,

Màu u tối vẫn bao trùm linh thể.

Con mừng tượng : ngài mỉm cười, đình thần ngạo-nghe,

Túc vô vàn, con càng gào hét dương oai

Nhưng lẽ thế... hoàn khởi diêm lạc-loài,

Người mệt lả, con nằm dài khóc ngất.

Tâm - thần thác loạn !

Phá hình-hài đến khâm lịm tàn hơi.

Giọng trở khèn-khàn, eo-éo không lời,

Vì hậu-quả, con đành CÂM với nín.

Thượng đế ! Thượng đế !

Con gục đầu khấu bệ,

Van xin ngài đoái-trởng chút từ tâm...

Chuyện ngàn xưa, xin ngài xóa lỗi lầm,

Con chuộc tội bằng ăn năn, sám-hối.

Tuổi hiện sinh : Con thặng người vô tội,

Am hiểu nhiều lẽ phải trái cần khôn.

Đâu ngu-si ! Đâu dốt nát, đần-đờn !

Nhưng CÂM nín, là người thua tất cả...

Con đau khổ khi phải nhìn thiên hạ :
Đâm chém nhau vì miệng lưỡi hôi tanh ;
Xâu xé nhau vì chút lẽ quyền hành ;
Giàu như thế vẫn còn xu với cái !
Con thương hại, những anh chàng lên mặt,
Vênh-váo hoạt mớ hành lý cón-con
Buồn thánng năm trong CẢM nín mỗi mòn
Biết tất cả, nhưng đành thua tất cả...
Con muốn nói ! ngài ơi ! con muốn nói !
Van xin ngài đoái-tưởng chút từ tâm...

PHƯƠNG - TẤN
(Đà-Nẵng)

★

GẶP GỠ

Gặp nhau một chuyến tàu ra Huế,
Hồn mộng dâng tràn ngập ý thơ.
Bâng khuâng thăm ước rồi đây sẽ...
Tâm-sự với người trong giấc mơ.
Lời nói ban đầu bỡ - ngỡ sao
Người e-thẹn lắm, má hoa đào.
Vui tươi, ta hỏi thăm tay áo
Có được như mình vẫn ước ao ?
Tôi tưởng trong toa chỉ có mình
Và người mơ đẹp mắt long lanh.
Cho nên tôi muốn tàu đi mãi,
Đi mãi muốn đời giấc mộng xanh !...

PHƯƠNG-QUỐC-ANH
(Sinh viên Khoa-học Huế)

Mình ơi !

Em thấy Mình
nhức răng,
em thương quá !



TRÔNG thấy ông Tú ngồi ngã đầu vào thành ghế, hít ha, rên-rỉ, nét mặt nhăn-nhó, một bàn tay áp vào chiếc má sừng-vù, bà Tú đến cạnh ông, dịu-dàng âu-yếm :

— Em thấy mình đau răng, em thương Minh quá.

Bà khê hôn trên má ông và mon-trón mái tóc ông để an-ủi.

— Minh ơi, hay là Minh đi bác-sĩ nhổ răng? Em đi với Minh...

Ông Tú lắc đầu :

— Em lấy cho anh hai viên Néalgyl Bottu...

Bà Tú đi mở tủ lấy hai viên thuốc, và rót một chén nước trà đem đến ông :

— Đây Minh. Néalgyl chỉ uống tạm cho đỡ nhức, chứ Minh phải đến Nha-y để họ nhổ cái răng cho Minh?

— Anh không nhổ răng đâu.

— Minh can - đảm lắm mà, Minh đâu có sợ đau?

Ông Tú lại đưa tay lên ôm cái má, miệng ông đau chỉ há được một nửa. Ông nói khê :

— Anh không sợ đau, nhưng anh ghét mấy người nhổ răng.

— Sao Minh ghét họ?

— Mấy người thợ nhổ răng hay nói gạt. Họ bảo họ nhổ êm lắm, không đau, nhưng họ thò cái kềm vào miệng là mình thấy ê cả trời đất, muốn xỉu luôn!

Bà Tú cười ha-hả...

— Gặp nhiều trường - hợp nguy-hiểm, khó-khăn, sao em thấy Minh điềm-tĩnh thế, không hề bị rúng động, mặt Minh cứ phớt đi, mà nhổ một cái răng Minh lại sợ đau?

— Đau răng là chuyện khác. Hồi xưa, LOUIS XIV, một vị Vua thông minh và oanh-liệt nhất của nước Pháp, cũng thường bị đau răng và mỗi lần đau như thế là ông ôm cái hàm răng mà la trời la đất, không một Thầy - thuốc nào dám đến gần Vua. Năm 1685, hồi ông 47 tuổi, ông đã rụng hết cả hàm răng trên, còn hàm dưới cái nào cũng bị sâu ăn. Một bà vợ đẹp nhất và cứng nhất của ông, là MADAME DE MAINTENON cũng thế, còn trẻ mà đã móm!

Vua CHARLES VII thì chết vì nhổ một cái răng đau. CHARLES LE TÉMÉRAIRE đánh trận ở Nancy (1477) bị té ngựa chết gãy hết cả một hàm răng trên. SAINT LOUIS, lúc chết,

55 tuổi, chỉ còn vòn-vẹn một chiếc răng độc-nhất.

Vua HENRI IV suốt đời chỉ thích ăn thịt gà, mà không bao giờ xỉa răng cho nên hai hàm răng của ông thúi như củi mục. Miệng ông hôi rình. Mới 35 tuổi đã rụng sạch - tron răng. Nhà văn AMBROISE PARÉ, cũng là một Thầy thuốc. viết sách dạy cho người ta cách giữ răng khỏi đau, mà chính răng của ông cái nào cũng bị sâu ăn, khoét thủng hết. Ông có cách chữa đặc-biệt nhất là nấu một cục chỉ đổ vào trám những chỗ sâu ăn. Kết quả là ông có hai hàm răng toàn bằng chì! Thi-sĩ VICTOR HUGO lúc bị đày ra đảo Jersez, có lần nhức răng quá, làm thơ không được mà không có thuốc gì để uống, tức mình ông ra bờ biển uống nước biển. Không ngờ hết đau răng. Sau đó, cứ mỗi lần Thi-sĩ nhức răng là ông ra uống một hùm nước biển, hết nhức.

— Chứ thời trước không có thuốc chữa răng bị sâu ăn, sao Minh?

— Không. Nha-y của Louis XIV, là DUBOIS, cứ mỗi lần Vua đau răng, ông chỉ có một phương-pháp chữa cho hết đau,

là yêu cầu Vua há to cái miệng ra rồi ông nướng một que sắt cháy cho thật đỏ, dí vào chỗ răng đau. Vua chết giắc một lát, nhưng tỉnh dậy hết đau.

Nói đến đây, thấy bà Tú cười, ông Tú cũng muốn cười nhưng đau răng quá chỉ cười được chút chút thôi. Ông bị đau hai cái răng cắm trong cùi, ở bên phải. Má phía đó sưng lên, sưng cả quai-hàm, thành ra cái miệng ông há lớn ra không được. Hai bữa rồi, ông không ăn được cơm, đành phải uống nước súp, hoặc húp cháo.

Bà Tú vừa nghe chồng nói chuyện, vừa nấu một son nước sôi :

— Để em đắp nước nóng trên má cho Minh đỡ đau nhé!

— Ừ. Anh thích thế hơn là đi nhổ răng.

Ông Tú lại vớng nằm. Bà Tú đem cái son nước sôi để trên bàn nhỏ bên cạnh, và một khăn vải thưa. Bà nhúng khăn vào nước nóng, lấy ra thổi cho nguội bớt, rồi áp nhẹ-nhẹ lên cái má sưng của ông. Ông nhăn mặt, hít-ha, nhưng thấy dễ chịu. Bà vừa săn-sóc vừa hỏi :

— Thế chứ hồi trước không có Nha-y và không có thuốc

chữa bịch đau răng sao Minh nhỉ?

Ông Tú há miệng ra không được, nhưng cũng rần nói cho bà Tú nghe :

— Kể ra thì 2.900 năm trước đây, nghĩa là hơn một nghìn năm trước Jésus Christ, đã có một vị lương - y tài-giỏi, người La-mã, tên là ESCULAPIUS, Hy-Lạp gọi là Asclépios, nay ta gọi là Esculape, ông này chính là Tổ-sư của nghề Thầy thuốc hiện nay. Esculapius đã dạy nghề nhổ răng. Nhưng ông bảo : chỉ khi nào cái răng lung-lay sắp rụng, thì hãy nhổ. Nhà ông có một cái kềm bằng chì, mấy ông già bà già có cái răng nào sắp rụng, đến ông, ông biểu há miệng ra, ông đút hai lưỡi kềm vào kẹp lấy cái răng, lắc qua lắc lại bốn năm lần, người đau răng chỉ kịp hét lên một tiếng « ối giời ôi ! » là cụ Esculapius nhổ xong cái răng ! Nước mắt nước mũi chảy ra lòng thông, ông già, hay bà già, cảm ơn cụ lương-y rồi cầm cái răng mẻ đem về cất trong tủ để làm kỷ-niệm. Còn ai có răng lung-lay mà không muốn nhổ, thì cụ Esculapius lấy một sợi chỉ bằng vàng cột nó vào với

cái răng bên cạnh. Về sau, các đệ-tử của cụ, như ERASISTRATE, HIPPOCRATE, đều dùng phương pháp ấy cả. Đó là cách chữa răng hồi một nghìn năm trước Jésus Christ..

Vào khoảng 500 năm trước J.C, người La-mã và Hy-Lạp đã biết cách trồng răng giả bằng xương, hoặc bằng ngà, thay cho răng thiệt. Rồi dần dần răng-giả thành ra một phong-trào rất thịnh hành, nhất là trong giới phụ-nữ. Các thi-sĩ hài-hước có danh-tiếng nhất thời bấy giờ bắt đầu làm thơ chế riếu « phong-trào bịt răng giả », như hai nhà thơ Hy - Lạp ARISTOPHANE (445 - 386 trước J. C.) MÉ-NANDRE, (342 - 292 trước J. C.), nhà thơ La - Tinh PLAUTE (251-184 trước J.C.) Phong-trào phụ-nữ bịt răng giả ở La-mã, Hy Lạp, bị châm-biếm hồi 400 năm trước J.C., cũng như phong - trào đeo vú giả bị chế-nhạo 1950 năm sau J.C. ở Việt-nam, chứ không khác mấy. Những nạn-nhân đầu-tiên bị dư-luận châm-biếm, là các cô vũ-nữ, chính các cô này đã đi tiên-phong mang vú-giả để cho công-chúng chế-nhạo, kể cả công-chúng phụ-

nữ. Nhưng các cô dẫm lên trên dư-luận, chịu tiếng cười mỉa-mai, để rồi dần dần các giới phụ-nữ trung-lưu, thượng-lưu, cũng bắt chước theo các cô. Rốt cuộc phong-trào đeo vú-giả tràn-lan đến cả các cấp bình dân, lao-dộng. Ngày nay đeo xu-chiêng (1) đã thành ra thông-lệ của đời mới, đến nỗi các trẻ em 12, 13 tuổi cũng theo đòi độn ngực như người lớn vậy. 400 năm trước J.C., ở xã hội Hy-lạp La mã cũng thế. Đầu tiên là một thiếu số « nô-tỳ » bịt răng giả bằng xương, bị công-chúng chế - nhạo, khinh-khi, nhưng dần dần các bà các cô quý-phái, thấy đẹp, bắt chước làm răng-giả. Do đó thành ra phong-trào. 100 năm sau J.C., phong trào đeo hàm răng giả ở Tây-phương vẫn còn bị chế-riếu, mặt-sát.

Chứng-cớ là Thi-sĩ La-tinh MARTIALIS (41-104 sau J. C.) tặng cho một bà quả-phụ, già mà giàu-có, muốn yêu ông và muốn kết-duyên với ông, một bài thơ trong đó có hai câu ngạo bà như sau đây :

«Đem ngũ người cỡi áo quần, bỏ
trên giường,
Cỡi cả hàm răng giả bằng xương !
Năm 1530, nhà Văn

ERASME có xuất bản một quyển sách dạy phép xã-giao, nhan đề là *Civilité*. Trong sách, ông khuyên người trí-thức nên giữ-gìn cái miệng và hai bộ răng cho sạch-sẽ. Ông bảo nên lấy muối và phèn-chua đánh răng. Hoặc cũng nên rửa răng bằng nước đá, (nước tiểu) ! Nhà văn DIODORE cũng nói rằng người xứ Espagne có tục-lệ mỗi buổi sáng thức dậy, đi đá, đưa ngón tay hứng nước đá để chà lên răng cho sạch răng !

Bà Tú cười ngật-ngheo :

— Cái vệ-sinh gì mà kỳ-cục thế hả Minh ? Ai lại lấy nước đá làm thuốc đánh răng ?

— Em nên biết rằng nước đá chứa nhiều chất muối *sels ammoniacaux*, tẩy sạch các bợn nhờn-nhớt. Chính Y-sĩ CHARLES DE LORME, thế-kỷ XVII, chuyên môn rửa cặp mắt của ông mỗi buổi sáng với nước đá. Anh hồi nhỏ, ngủ dậy nhiều khi mắt có ghèn đóng kín-mít, Mẹ cũng biểu anh lấy nước đá rửa sạch

(1) Xu-chiêng, phiên - âm một nửa chữ Pháp *soutien-gorge*.

hết ghèn. Về phương-pháp đó chắc là Y-học Đông-Tây giống nhau. Theo y-khoa cách đây 300 năm, không những nước đá, mà còn có một môn thuốc đánh răng nữa cũng được các nhà y-học công-nhận thật tốt, là *cút mèo*.

— Cút con mèo, hả Minh ?

— Ừ. Y - sĩ B. MARTIN trong một quyển sách nhan đề là « *Dissertation sur les Dents* » (Luận về Răng) đã chứng minh rằng *Cút Mèo* là một vị thuốc rất thần-hiệu chữa bệnh răng bị sâu ăn. Hai Bác-sĩ trường Đại-học Y - khoa Paris thế kỷ XVII cũng công-nhận phương - pháp Cút Mèo là hay tuyệt. (Hay hồi thế kỷ XVII !)

Nhà văn MONTAIGNE có chép trong quyển « *Nhật-ký* », của ông rằng ngày Thứ Hai 4 tháng 9 năm 1581 ông đi du-lịch sang Italie đến thành-phố Pise, bỗng nhiên ặng bị đau răng, nhức dữ. Đợi suốt đêm không ngủ được. Sáng sớm hôm sau ông đi hỏi bác-sĩ, thầy thuốc cho ông ngậm một cục nhựa gọi là *matic*, nhưng không khỏi gì hết. Đêm thứ hai ông nằm trong phòng rên-la quá, thì có một thiếu-nữ

rất đẹp ở phòng bên cạnh chạy qua coi chuyện chi. Khi cô biết ông đau răng, cô vội-vàng chữa cho ông, y như em chữa cho anh bây giờ đây.

— Đáp nước nóng ?

— Ừ. Và nhờ bàn tay thần-diệu của mỹ-nhân, nhà văn hết nhức răng.

— Còn bây giờ, em đáp nước nóng cho Minh, Minh có thấy bớt không ?

— Em hẳn là đẹp hơn giai-nhân Ý, bàn tay của em xinh-xắn hơn, lẽ nào nước nóng của em lại không thần-diệu hơn sao ?

Bà Tú sung sướng được ông Tú khen nịnh. Bà cúi xuống khe hôn chồng. Ông Tú nói tiếp :

— Đáp nước nóng chỉ là bớt đau thôi. Hồi xưa người ta cũng đã nghĩ ra nhiều thứ thuốc khác để chữa bệnh đau răng. Đại-khai, trong một quyển sách của một chàng bịp-bợm, thế kỷ XVI, có nói :

« Anh hái hai đóa hoa hồng đỏ, nấu với đấm độ một ngày một đêm cho thật rục. Rồi anh lấy ra phơi khô, giã thành bột, xát vào răng, là sâu răng sẽ chết

hết. » Một quyển sách thứ hai lại bày :

« Anh bắt những con trùn, bỏ vào nước sôi, rồi lấy ra phơi khô, đằm thành bột; nhét bột ấy vào chỗ răng đau, rồi lấy sáp trét lên, răng đau sẽ rụng ».

Những phương pháp đó không khác gì lời quảng cáo của mấy anh bán thuốc sơn-dông ở xứ ta, rêu rao một thứ nước « khoa học » nào đó, nấu sôi rồi xông hơi vào miệng, tự nhiên các cơn sâu răng rớt hết xuống nước. Vì thế nên bên Tây-phương có câu tục-ngữ : « *Nói láo như lão nhổ răng* ». (*Menteur comme un arracheur de dents*).

Trong một quyển sách cũ, hồi thế kỷ XVII. có thuật chuyện buồn cười sau đây : một chàng văn-sĩ nghèo, viết các loại tiểu-thuyết ba xu và không có tiếng tăm, tên là SIBUS. Chàng hà-tiện lắm. Không có tiền mua bút, chàng để móng tay mọc dài rồi chàng vót nhọn thành ngòi bút. Chàng cạy lọ nghệ ở nhà bếp, hoà với nước lã thành mực. Chàng đục một lỗ xuyên qua vách tường của phòng chàng, kê bàn viết nơi lỗ ấy để ban đêm

nhờ được chút ánh đèn của nhà hàng xóm dội qua. Một hôm hết tiền ăn, Sibus đi tìm anh chàng nhổ răng, tên là Cormier, ngồi ngáp ruồi nơi đầu cầu Pont - Neuf, vì anh ta chờ cả buổi không có ai đến mượn nhổ răng. Văn-sĩ Sibus đề-nghị với chàng nha-y : « Tôi bằng lòng để anh nhổ hai cái răng của tôi trước mặt cộng-chúng, và tôi tuyên bố rằng anh nhổ êm lắm, không đau tí nào cả. Thế là tôi quảng-cáo hộ cho anh, anh trả tôi mỗi cái răng 5 xu, hai cái răng 10 xu » Chàng nhổ răng bằng lòng, và đồng-ý rằng sau khi nhổ răng chàng sẽ trả tiền cho văn-sĩ. Điều đình xong, Cormier đứng lên hô hào các người qua đường : « Mọi đô, mọi-dô ! Nhổ răng ! Nhổ răng ! Thừa quý bà, quý cô, quý ông, tôi nhổ êm lắm, êm lắm, cam-doan không đau đớn tí nào cả ! Mọi-dô ! Mọi-dô ! » Chàng ta cầm cái kềm múa-máy, kêu gào, lôi-hút được một số khán-giá khá đông đứng coi. Tức thì văn-sĩ Sibus làm bộ đứng lẫn-lộn trong đám đông người, can đảm nhào vô : « Tôi có hai cái răng bị sâu ăn, nhức quá, chú nhổ giùm đi ! » Cộng-chúng chen vào đông nghẹt,

xem chàng Cormier nhỏ răng. Chàng rút hai chiếc kềm và, miệng Sibus, lại còn vênh vào khoe-khoan với khán-giả :

— Quý cô, quý bà, quý ông hãy xem đây nhé. Tôi sắp nhổ hai cái răng cho cái ông này, mà không đau-đớn gì cả ! Tôi nhổ đây này ...

Nói xong, chàng kẹp cái kềm vào răng Sibus, ấn mạnh xuống và xoay qua xoay lại hai ba lần như mở cái bù-lon bị rỉ. Nhưng răng của Sibus còn cứng chắc, chứ không bị sâu ăn, và Sibus đau điếng cả người, quên mất hợp-đồng ký-kết ban nãy, chàng hét lên dữ tợn, lắc qua lắc lại cái đầu, chảy nước mắt nước mũi, miệng đầy cả máu-me, làm cho đám đông khán giả ai nấy cũng kinh hồn hoảng vía. Chú nhỏ răng đành phải nhổ một cái thôi. Nhưng Sibus sực nhớ hợp-đồng, vội-vàng lau nước mắt, nhổ ra một đồng máu, vừa đưa tay lên ôm cái má, vừa tuyên bố : « Chú này nhổ răng êm lắm, không đau ! » Khán giả cười rộ lên... Sau khi công chúng giải tán, văn-sĩ Sibus đòi tiền, chú thợ nhổ răng trợn mắt bảo : « Anh vừa phải tuyên-truyền, để cho ai

này cũng ngán hết, không còn ai dám đem răng đến cho tôi nhổ nữa, anh còn đòi tiền à ? »

Sibus uất - tức chỉ chửi thề người thợ nhổ răng tàn-nhãn, và phải mang cái má sưng một tháng sau mới xẹp.

— Chuyện tức cười quá, Minh há !

— Còn nói về hàm răng giả, hồi xưa làm bằng xương, bằng ngà, ngày nay bằng vàng, bằng bạc. Riêng anh, anh nhớ một chuyện buồn cười về hàm răng giả của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng. Năm 1936, có dịp ghé Huế, anh có đến hầu thăm cụ Huỳnh tại tòa báo *Tiếng Dân*, ở đường Đông-Ba. Cụ tiếp anh ở trên lầu, nơi bàn giấy của cụ. Lúc đầu anh không để ý đến cái miệng của cụ, chỉ thấy cụ nói chuyện và cười có duyên lắm. Bỗng dưng, cụ đang nói, anh thấy một vật gì vàng-ánh từ trong miệng cụ rớt xuống bàn kêu cái «đóp !» Anh dụi mình, thì ra hàm răng giả của cụ. Cụ diêm-nhiên lượm nó lên cắm lại vào miệng. Té ra cụ đã rụng hết cả hàm răng, phải đeo răng giả. Rồi cứ chốc chốc, cụ đang nói thì hàm răng giả rớt xuống bàn

kêu cái «đóp !» Ba lần như thế, anh tức cười quá mà không dám cười. Đến lần thứ tư, cụ đang than-phiên về thanh-niên ngoài Bắc, cụ bảo : « Một số thanh-niên Bắc-Hà lo ăn chơi với nhảy đầm. Cứ như rứa đó là rớt xuống hố ! » Cụ vừa nói xong câu «rớt xuống hố», thì hàm răng giả của cụ cũng rớt cái đóp xuống ngay mặt bàn. Anh nín thình, không dám cười, nhưng về nhà trọ nói chuyện lại cho mấy người bạn nghe, cả tụi cười rùm lên..

Bà Tú cũng cười. Nhưng bà ngó ông Tú :

— Mình ơi, không biết có phải em cũng đau răng không, mà sao từ nãy giờ nghe mình nói toàn chuyện đau răng em thấy như ê-ê & trông chợn rưng. Minh à.

— Nếu có răng đau, em đưa cái kềm đây anh nhỏ giùm cho, em lăm, cam đoan không đau-đớn một tý-ìy nào đâu !

— Thôi, cảm ơn Minh.

Diệu - Huyền

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Đạt hiệu cho:
SÂN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỠI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie **TANA**
42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

Phân phối lại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tại Đại lý
và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
4 - Đường THUAN-KIEU CHOLON

H A I CHIẾC CHUÔNG ĐỒNG

D U khách đến thăm danh lam thắng tích của đất Hà-Tiên đều không quên được «Chùa hang».

Chùa hang có hòn «Phụ-Tử» nghiêng mình soi bóng nước giữa cảnh trời bao la, có hàng dừa xanh chạy ven bờ cát trắng ngạo nghễ vươn mình vượt đỉnh núi. Nơi đây có đôi chuông đồng và một mẫu chuyện.

Khoảng năm 1947 trở đi, nơi vùng quê xa xôi hẻo lánh này thuộc vùng Việt-Cộng kiểm soát, tuy là chùa chiềng nhưng cũng không tránh được nạn cướp phá. Một đêm nọ có ba tên Việt-Cộng võ trang bằng súng trường vào chùa xin hòa-thượng cái

chuông đồng, chiếc chuông độc nhất của chùa dùng để công phu và cũng là còn sót lại sau bao lần cướp phá của chúng. Biết rằng không cho cũng mất mà còn bị hại là đành khác, hòa-thượng đành ngậm ngùi dâng chiếc chuông đồng. Chúng ì-ạch khiêng xuống chiếc xuống đậu dưới mé biển, trời lặng sóng êm, họ âm-thầm chèo ra khơi và đi về phía biên giới Việt-Miên, vì Hà-Tiên thuộc vùng chiếm đóng của quân-đội Pháp, chúng không thể đi gần bờ được, vả lại biển lặng sóng êm mà lo gì. Khi ra khỏi bờ độ ba bốn ngàn thước, chúng loay hoay thế nào mà chìm lìm chiếc xuống, bị bóm một lúc lâu đề lặn mò

★ PHONG-VÕ (Hà-tiên)

HAI CHIẾC CHUÔNG ĐỒNG

các súng ở dưới nước, chiếc chuông đồng đã chìm sâu tận đáy bể, bọn chúng đành tiu ngiu trở về sau một hồi đồ lỗi cho nhau.

Thời gian qua bao lần thay đổi. Chùa Hang vẫn không có chiếc chuông đồng để công phu, hòa thượng treo giá 2000\$ để ai tìm ra được chiếc chuông ấy. Dân chài dọc theo ven biển gia công tìm kiếm nhưng vô hiệu, người ta yên trí rằng cái chuông đã theo dòng nước cuốn ra xa mất rồi, hòa thượng cùng bọn đạo danh tạo cái chuông mới nhỏ hơn.

Câu chuyện chiếc chuông đồng ở chùa Hang bị chìm giữa biển theo thời gian đã lu mờ về dĩ vãng, thì một hôm người ta tìm ra cái chuông ấy do hai đứa trẻ chài lưới phát giác gần hòn ngoài khơi ngay cửa chùa Hang trông ra. Hằng ngày theo con nước ròng, chúng chèo xuống đi chài, hôm nọ nước kém quá hai anh em phải lặn ra theo con nước để kiếm cá, sau nhiều lần bỏ chài, chúng đã có một số cá khá nhiều, chẳng em bảo anh nó :

— Mình về đi anh, cá nhiều rồi.

— Khoan đã, để tao vãi một chài nữa hãy về.

Sau tiếng nói, thằng anh tung

ra một chài cuối cùng, khi kéo lên chài bị mắc gốc, em nó nhảy lặn xuống để gỡ, lúc trời dẫu, nó nói với anh :

— Không phải gốc anh ơi ! Cái gì lớn gần bằng cái khạp da bò.

— Đầu đề tao xuống coi.

Nói xong nó kéo chài vào ghe và nhảy tùm xuống, nước bắn lên tung tóe, theo tay chỉ của em, nó lặn một lúc khá lâu rồi nổi lên bảo em :

— Mày ơi ! Cái chuông.

— Thiệt hả anh.

— Ừ, tao coi kỹ lắm.

— Nếu vậy cái chuông này ở trong chùa bị mất chứ gì.

— Không chừng phải à mầy.

— Thôi anh lên ghe đi, mình về chùa cho hay dặn người ta ra đem về.

— Ừ phải rồi.

Nó vội leo vào ghe lấy một cây chèo cầm xuống làm dấu và chèo vào gần bãi cát cột xuống cần thân, chúng chạy bộ về chùa báo tin cho hoà thượng.

Nước vẫn ròng phơi bãi cát trắng ra xa tít, khi hoà thượng và dân làng ra đến nơi, thằng bé lấy làm ngạc nhiên vì lúc nãy nước ngập đầu nó mà giờ đây cạn xuống

còn quá gối. Mọi người hò hực mang cái chuông lên bãi chùi rửa, trong khi ấy, một chiếc xe vận tải của đồn binh gần đấy nghe tin chạy đến nơi mang hộ cái chuông về chùa. Trên đường về, ai nấy đều vui vẻ, các ông bỏ lão bảo nhau :

— Hồi nào tới giờ, ở đây nước chưa có ròng quá như lần này.

— Chắc ông bà cho mình lại cái chuông mới ròng đủ vậy chứ gì.

Bỗng một tiếng thét lên.

— Bác tài ơi ! chạy mau, nước lớn rồi.

Mọi người quay lại. Ồ lạ chưa

mí nước bò theo vết bánh xe lăn trên bãi cát. Anh tài xế vội nhấn ga vọt nhanh, dân làng sợ hãi bấu víu vào thành xe cho khỏi ngã, một số người trai tráng chạy bộ đuổi theo thật là một cảnh nhộn nhịp. Đến bờ, mọi người nhìn lại, sóng vỗ ào ào theo ven bãi cát trắng như vui mừng chào đón mọi người đã thành công. Từ xưa đến giờ chưa có lần nào nước kém một cách lạ lùng như thế.

Ngày nay, du khách đến viếng cảnh chùa Hang, không khỏi ngạc nhiên với sự việc đã xảy ra, mà người dân ở đây được mục-kích lần này là một.

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187

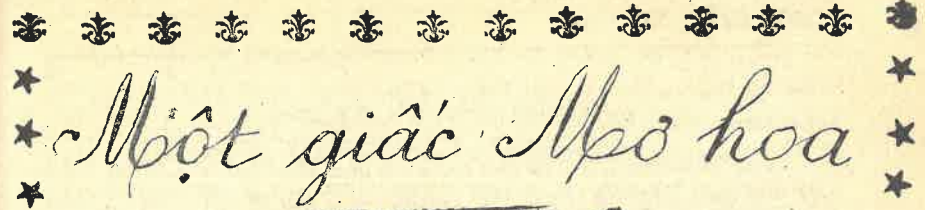


PHẠM - VĂN - LANG

Giám-Định Trắc-định-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



Một giấc Mơ hoa



(Xem P. T. từ số 55)

★ Ngày 30 — 8 giờ đêm Giã nhời, hay không giã nhời ? Một tấm thiệp Bonne Année của anh Hải mà cũng thành một vấn đề ! Không ngờ cuộc đời rắc rối đến thế ! Mình cứ nghĩ là đời giản-đị chứ ! Chết thật ! Hồng còn ngây thơ quá. Hồng mới có 16 tuổi mà đã thấy lắm chuyện phiền-phức, lớn tuổi nữa không biết còn phiền phức đến đâu ? Mà chả phải một vấn đề, mấy vấn-đề chứ lị ! Không giã nhời thì bất lịch-sự, và sợ Hải giận... Nhớ anh ấy giận có sao không ? Giã nhời thì... thì biết viết những gì đây ? Đêm nay, nhất định Hồng phải giải quyết. Khổ nỗi là việc này bí-mật, việc riêng của Hồng, không thể hỏi ai được. Hồng phải tự ý lo-liệu một mình...

Nhớ 2 câu thơ của cụ Nguyễn Du trong quyển « Đoạn - trường Tân-Thanh » :

Liều mình nhắm mắt dựa chân.

Thử xem con Tào xoay vần thế nào.

Lần đầu tiên, Hồng là một thiếu-nữ dám liều-lĩnh « viết thư » lên lút cho một... chàng trai ! Viết rồi gửi đi... gửi đi rồi... sao?... Rồi chàng nhận được..., Chàng nhận được rồi sao? Chàng nghĩ thế nào về Hồng? Hồng đứng đắn? Hồng lãng mạn? Hồng trẻ con?... Eo ôi, mù-mịt tầm-tầm! Nghĩ đến ngày mai... chả biết có tươi sáng hay không, nhưng Hồng cứ sợ sợ !.....

● **8 giờ 30 phút.** Cứ viết... để đáp lại cảm-tình của anh ấy... Nếu không viết, chắc là Hải giận. Hồng không có quyền làm cho Hải giận, vì Hải rất tử-tế với Hồng cơ mà. Viết thì viết thẳng vào trang Nhật-ký này trước đã, vừa cũng như viết nháp, tha hồ bôi bỏ, thêm bớt, rồi hằng viết lại sạch sẽ dàng hoàng...

Saigon, ngày 30-1-1956

Mến gửi anh Hải,

Mến có vẻ thân mật quá nhỉ. Anh ấy viết cho Hồng như thế vì anh ấy là con gái. Hồng là con gái, viết như thế sợ... anh ấy cười chết. Hay là : anh Hải thân mến... ờ, lại quá sỗ-săng. Mến còn không dám viết, nữa là thân mến... Hay là thân gửi anh Hải... thân gửi, Chả biết có được không? Hồng với anh ấy mới gặp nhau một lần đầu tiên mà đã gọi là thân ư? Hay là : Kính gửi anh Hải... Kính thì lại chả thân mật tí nào. Có vẻ cồ-kính quá, xa-xôi quá... Hồng với anh Hải, gần thì chưa hẳn là gần, mà xa thì cũng chả phải xa... Không gần mà không xa, vừa vừa thôi. Hay là.. Ừ nhỉ, hết danh từ để xưng-hô rồi thì dùng chữ thân gửi là ngậy-thơ hơn cả, hợp lý nhất. Thân là quen với nhau thì là thân chứ có tội-lệ gì đâu.

Thân ái kia, mới là ghé. Chắc Hồng chả bao giờ dám dùng hai chữ kèm với nhau ấy với dân-ông con gái. Hồng gửi anh Hải chỉ dùng một chữ « thân » thôi.

Thân gửi anh Hải...

Thân gửi anh Hải... Vàng, thân gửi anh Hải... Rồi sao nữa chứ? Viết gì nữa đây chứ? Bi!... Bi!... Beng!...

(9 giờ 0 phút đúng)

● **9 giờ 28 phút.**

May hết chỗ nói ! Tự-nhiên lại sức nhớ tấm carte postale này đây, chụp một phong cảnh bên nước Nhật có khóm hoa anh-đào, ngọn núi Phú-sĩ, và một cô thiếu-nữ phủ-tang mặc kimono rực-rỡ sắc màu, che ô đi dưới trời mưa tuyết. Tấm carte này của con Loan cho Hồng năm ngoái, Hồng thích nhất, Hồng cất trong quyển Album, còn mới tinh. Đẹp tuyệt. Lấy tặng lại anh Hải, là đúng lắm. Khỏi còn thắc mắc nữa.

Anh ấy viết cho Hồng : «Mến tặng Duyên-Hồng, là hình ảnh diễm tuyệt...»

Hồng phải viết tặng lại :

«Thân tặng anh Hải là hình ảnh.... Ờ, sao mà ngốc thế nhỉ ! Cứ copie theo người ta ! Không nhớ hôm nọ trong lớp con Ánh với con Cẩm làm bài luận Việt-văn trùng nhau bị cô giáo cho mỗi đứa ăn một hột vịt dầy à ? Hồng phải tự-ý viết một câu gì cho có ý-nghĩa mới được chứ.

Suy-nghĩ kỹ lại, đừng viết chữ «Thân» nữa là hơn. Nhớ ai trông thấy thì khốn. Hồng đâu phải là một thiếu-nữ lãng-mạn. Hồng sợ lắm. Hồng còn bé mà. Đời rất phiền-phức, nhớ xảy ra chuyện gì Thầy Me biết được, bị mắng chết. Thôi. Đề :

Tặng anh Hải

Chả «thân» và «mến» gì tất cả ! Bao giờ «thân» thì hằng hay. Bây giờ mới biết nhau sơ-sơ thôi, Hải là anh của Thanh, thì Hồng cũng đối với Hải như người anh vậy thôi.

Tặng anh Hải.

Người anh đáng kính của Duyên Hồng.

Thế là ngoan.

Hồng ngoan lắm, Hồng à. Hồng phải khen Hồng thế mới được, chứ chả cộ ai khen Hồng cả.

Me ơi. Me ! Đêm nay con lên Me, con viết hai giòng chữ kia trên tấm carte postale để sáng mai con gửi cho người anh của Mỹ-Thanh, ngộ nhớ Me trông thấy, Me có khen là con gái của Me ngoan không ? Hay là Me mắng con ? Dù sao, đây là lần đầu tiên Duyên-Hồng ngậy-thơ của Me liều-lĩnh gửi một carte postale

tặng một người con gái, Hồng cũng bận-khoản, hồi-hộp, lo-sợ lắm. Mẹ tha lỗi cho con nhé.

(10 giờ 15 phút)

★ Ngày 31 — 8 giờ tối

Hôm nay viết ít thôi. Còn phải học bài.

Ghi vào đây cho nhớ, sáng hôm nay hồi giờ chơi, đưa bao thư cho Mỹ-Thanh, Hồng thẹn quá đi mất, không còn tự nhiên như ngày thường. Buổi sáng Hồng lách mặt không cho Thanh thấy.

Cũng nên ghi vào đây một ý-nghĩ mới nảy ra lần đầu tiên trong óc, lúc ngồi trong lớp, giờ vật-lý: Tại sao cô giáo B.M. chưa có chồng? Tại sao chị Mai, chị Vân, cũng chưa có chồng?

★ Ngày 1 tháng 2 — 8 giờ tối

Mấy con nhỏ nào ở lớp đệ Thất, mới chạc 13, 14 tuổi, mà chuyên môn đi học mang giày cao gót, và độn ngực như người nhón? Chả biết các bà ấy học-hành như thế nào?

★ Ngày 4 tháng 2 — 8 giờ tối

Mấy hôm nay, chả có chuyện gì biên vào nhật-ký. Chỉ có chuyện tấm carte postale của Hồng nhờ Mỹ-Thanh trao về anh Hải, nhưng không hiểu sao Hồng cứ tránh Mỹ-Thanh, không dám gặp. Sự thật thì Hồng hồi-hộp chờ tin anh ấy, ở nhà đã định vào trường tìm hỏi Thanh, nhưng vào đến trường lại thẹn, cứ trốn tránh. Chính Hồng cũng chả hiểu Hồng tý nào cả: sao lại có sự mâu thuẫn như thế? Hồng « mắc cỡ » là « mắc-cỡ » với anh Hải kia, chứ Mỹ-Thanh là bạn gái của Hồng, sao Hồng y như thể là « sợ » Thanh thế?

★ Ngày 5 tháng 2

Thanh đón Hồng nơi cửa trường, Hồng chẳng còn chạy trốn đàng nào được nữa.

Thanh nắm tay Hồng có vẻ thân-mật bảo:

— Chiều thứ Bảy chị Hồng đi xem xi-nê với em nhé?

— Tuồng gì? Hay không?

— Tuồng gì, em quên mất rồi. Nhưng anh Hải em bảo hay lắm.

— Anh ấy xem rồi hả?

— Chưa. Mấy người bạn của anh Hải xem rồi, bảo hay. Anh Hải bảo em mời Hồng đi với em...

— Có anh Hải đi nữa hả?

— ... Có.

— Hồng sợ Thầy Mẹ không cho đi. Từ trước, Hồng đi xem ciné thì đi với chị Mai chị Vân, hay là đi với Thầy Mẹ của Hồng. Không bao giờ Hồng đi một mình.

— Hồng đi với Thanh cơ mà.

— Sợ Mẹ Hồng không cho...

Thanh chả nói gì về tấm carte postale, Hồng cũng chả hỏi.

★ Ngày 8 tháng 2, 9 giờ

Trưa nay Hồng đọc báo thấy rạp ciné T. C. quảng cáo sắp chớp tuồng « Nam Nữ Y-học bưu-giám » nhưng sao người ta lại cấm các thiếu niên thiếu nữ DƯỚI 18 TUỔI không được xem? Hồng vào hỏi Mẹ, Mẹ bảo:

— Con chưa đúng tuổi, không xem những tuồng ấy được.

— Sao thế, hả Mẹ?

— Những chuyện phim ấy chỉ người nhón xem được, con còn nhỏ tuổi, không nên xem.

Mẹ cứ giả nhời quanh quẩn « nhỏ tuổi » « nhỏ tuổi » « xem được », « không xem được » thế thôi.

Mẹ chẳng giảng ra sao cả. Hồng hỏi chị Vân, chị ấy bảo:

— Chưa đến 18 tuổi, thì chưa được xem chứ sao.

Hồng tức quá đi mất, hỏi luôn chị Mai. Chị Mai gắt lên:

— Người ta cấm trẻ con dưới 18 tuổi, mà mới có 16 tuổi, hỏi vớ-vẩn, được tích sự gì mà hỏi mãi thế? Không lo học, cứ muốn đi xem xi-nê!

Cả nhà đều bí mật, như thể đồng-muru giấu-diếm bé Hồng này một điều gì quan trọng lắm. Nhưng bé Hồng này, có phải là còn bé nữa không? Nó bé, sao có một chàng trai học Đại-học Văn-khoa đã tặng carte Bonne Année cho nó? Nó bé sao chàng khen nó là hình-ảnh diễm-tuyệt của mùa xuân? Nó bé sao hôm Tết chàng mời nó uống rượu? Không, Duyên Hồng không bé nữa đâu ạ.

Hồng buồn quá. Cả nhà, ai cũng đều người nhón cả. Chỉ có Hồng là bé thôi. Hồng thấy cô-độc lắm. Hồng đứng gần bàn chị Vân, gần bàn chị Mai rồi, sao bảo Hồng còn bé? Tức quá.

★ Ngày 9, 1 giờ

Trưa nay, cơm xong, Thầy ngồi soạn 5 quyển Album cũ. Thờ ắp Thầy ngồi một mình, Hồng lại gần hỏi :

— Thầy à, sao con thấy trong báo người ta quảng cáo chớp tuồng « Nam-Nữ Y-Học » mà lại cấm thiếu nữ dưới 18 tuổi ?

— Ừ, thì người ta cấm thiếu nữ dưới 18 tuổi.

— Tại sao thế, hả thầy ?

— Con không hiểu à ?

— Thưa Thầy, con chả hiểu tại sao cả. Thế con mới hỏi Thầy để Thầy giảng cho con hiểu.

— Tại vì phim ấy... nói về chuyện Nam-nữ..., những chuyện... thuộc về vấn đề... mà... mà... những thiếu-niên thiếu-nữ dưới 18 tuổi... chưa... có đủ trí óc nhận-xét đúng đắn... Người ta sợ... ảnh hưởng không tốt, cho nên người ta cấm.

— Thế ra ai trên 18 tuổi mới có trí-óc nhận xét đúng đắn phải không, Thầy ?

— 18 tuổi là tuổi trưởng-thành, tuổi người nhớn.

— Thế con chưa nhớn sao ?

— Con đã nhớn, . . . nhưng chưa nhớn hẳn. Con nhớn, mà tuổi con còn bé.

— Nhưng, thưa Thầy, vấn-đề nam-nữ y-học có gì đâu mà tuổi như con chưa nhận xét được ? Trong trường học những môn Lý-Hóa, Toán, khó khó là... mà con còn hiểu được, nữa là vấn-đề ciné về nam-nữ y-học có gì đâu mà cấm con xem ?

— Vài ba năm nữa, con xem được.

— Vài ba năm nữa, ai người ta chớp lại cái phim ấy nữa mà con xem ? Con tưởng vấn-đề Nam-nữ, thì con là phải nữ đây, sao không được xem ? Đáng nhẽ cái phim Nam-Nữ y-học thì phải cho con trai con gái đi xem chứ.

Thầy cười với một nụ cười hiền lành rất đáng yêu kính :

— Nhưng chính phủ cấm, chứ Thầy có cấm đâu.

— Thế thì Thầy cho con đi xem nhé, Thầy nhé ?

— Thầy cho con đi với Mẹ, với hai chị của con, nhưng đến đấy người ta không cho con vào xem thì thôi.

— Thế thôi, con chả đi đâu.

Hồng nói với Thầy thế nhưng Hồng nhất-định đi xem. Mẹ và chị Vân, chị Mai không cho Hồng đi, thì Hồng sẽ đi với... với Thanh và anh Hải... Ờ, nhưng mà Thanh cũng chưa được 18 tuổi... Chả nhẽ Hồng đi với anh Hải ?... Nếu Hồng buồn, Hồng thấy cô-đơn quá, thì anh Hải mời đi, Hồng đi. Hồng đi xem ciné, chứ có làm gì tội lỗi mà Hồng sợ ?

TRUYỆN DÀI NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN 2 KỶ ĐẲNG HẾT



ma
không
chồng

★ TRẦN CHU

Ai cũng đã có đọc qua một lần tác phẩm « LA DAME AUX CAMÉLIAS » của ALEXANDRE DUMAS Fils. Ngay cả ở Việt-Nam, bộ truyện bất hủ ấy cũng đã được dịch thành « Trà Hoa Nữ » và phóng tác thành tuồng hát rỗi. Nhưng đó là một tiểu thuyết do ALEXANDRE DUMAS viết, với nữ nhân-vật chính là MARGUERITE GAUTIER, một « nàng danh kỹ yêu hoa Trà ». Sự thật, nàng danh-kỹ ấy chính tên là ALPHONSINE PLESSIS, và cuộc đời « Đạm-Tiên » của nàng tuy không là một mẫu mực đáng theo hay đáng tránh, nhưng nó đã gây cảm hứng cho biết bao nhiêu nghệ sĩ văn nhân ! Bài dưới đây không phải là cuốn tiểu thuyết của A. DUMAS fils rút ngắn, mà chính là cuộc đời thật của nàng kỹ nữ ALPHONSINE PLESSIS., viết theo nhà văn Maurice Pat...

AGÉNOR de Guiche đã giới-thiệu nàng với cái thế-giới lịch sự và hào hoa phong nhã ở Paris hồi tiền bán thế-kỷ 19. Có lẽ chỉ một mình Agénor là có thể làm việc ấy được, và rồi Marie Duplessis đã ngự trị ở đấy ngay, nhờ nét kiêu-diễm duyên dáng của nàng. Người ta thấy rằng nàng không những làm cho người ta ngây ngất mà thôi, thêm vào đó, nàng còn có vẻ siêu quần, có vẻ khinh đời nhưng không ngạo mạn, cao điệu, xa vời, lơ dềnh hay là có vẻ đàng trí nhưng không ưu sầu lãnh đạm. Vẻ lơ dềnh, điệu buồn rầu của nàng dù có giả vờ hay không, cũng tương phản với đôi mắt nhưng sâu thẳm, và màu đỏ của đôi môi quyến-rũ kêu gọi. Một hàng rào người có thị hiếu bao quanh nàng để ngắm-nghía nàng ; đó là những người sống trong thế giới huyền ảo, luôn luôn nô đùa và luôn luôn tụ tập trong những tiệm café ven đại lộ vào những buổi chiều hoặc đắm mình vào rạp hát trong những buổi tối và tại những nơi « khoái lạc » trước khi uống rượu Champagne tại quán café Anglais lúc mặt trời vừa lặn hồng.

Edouard de Perregaux tán-gia bại-sản vì nàng

Mùa hè năm 1842 trở về với những ngày đầu rất là mát dịu. Marie lúc bấy giờ chưa đầy 19 tuổi. Cũng không bao giờ nàng đẹp bằng lúc này, cũng không bao giờ nàng được tiếp rước niềm nở bằng lúc này. Bọn vương-tôn công-tử thường mách cho nàng bờ biển Bade là một nơi nghỉ hè tuyệt-diệu. Nàng quyết định đến đó nghỉ và nàng khởi hành vào ngày 15 tháng 7 mùa hè ấy.

Alfred Asseline có nói với chúng tôi rằng tất cả đều chói ngời bởi vẻ lộng lẫy của người con gái diên-cường ấy. Nàng chỉ mơ tưởng đến khiêu vũ, dạ hội, rạp hát, và những chiếc áo Satin trắng tinh. Nàng là một người kỳ diệu, đáng khâm phục và rất xứng đáng với cái diễm phúc do sắc đẹp của nàng và do sự duyên dáng của tâm hồn nàng.

Nàng con gái xứ Normandie được huấn luyện bởi Agénor de Guiche và đã đọc sách rất nhiều : nàng có thể kể lại có mạch lạc các cuốn truyện tình-sử nổi danh, như « Nouvelle-Héloïse » của Jean-Jacques Rousseau, hay cuốn

« Manon Lescaut » của tu sĩ Prévost, mà nàng đã cho là các cuốn sách nàng ưa thích nhất và nàng đã lấy làm các sách gối đầu giường của nàng. Nàng cũng chơi dương cầm rất thạo, tiếng dương cầm hòa nhịp với những bản tình ca đã làm ghen tức nàng Georgina Smolen.

Nàng thích nằm dài trên divan với dáng điệu lả lướt một cách thông minh và dịu dàng, trong khi đó, hai bàn chân đưa qua đưa lại chiếc dây mule thêu bằng kim tuyến, và nàng triền miên nghĩ đến những cuộc phiêu lưu thơ mộng đến những nơi thắng cảnh, những công viên có cây cao bóng mát, trong đó, những chàng công tử bảnh trai kiêu hãnh cặp trong tay mình những nàng kỳ nữ uyển chuyển thướt tha...

Bade quyến-rũ nàng như một thành phố mộng tưởng mà ở đó, tất cả những điều nguyện ước của nàng có thể được thỏa mãn : những chàng trai lịch sự, áo quần bảnh bao, thú quay cuồng trong dạ vũ, rạp hát và sòng bạc. Sắc đẹp, tâm hồn và tài năng của tất cả các thành phố khắp Âu-châu đều quy tụ về đó. Cái thị

trấn huyền ảo nơi Forêt Noire, trong những xứ mơ màng có tiếng suối reo lá-chả trong những thung lũng nhỏ hẹp, ở đó, mỗi khi người ta đi dạo, người ta tìm gặp những xóm nhà thích hợp cho bọn người tài tử giang hồ, những xóm nhà cung cấp cho họ café, quán nhậu, những sòng bạc sang trọng, mà ở đó, cái « thời trang Paris » đã đem lại cho những thành phố rộng lớn cái tinh tú giàu có, văn minh.

Dường như chiều nào Marie cũng ngồi trước một tấm thảm xanh. Phía sau nàng, có một chàng trai trạc độ 30 tuổi, với dáng điệu một công chức sang trọng, hào hoa phong nhã, đứng nhìn chăm chú theo những cử chỉ của nàng một cách say mê nhưng có vẻ hơi vô duyên : đó chính là người bảo trợ mới của nàng, bá tước Edouard de Perregaux, người đã dâng cho nàng cả một trái tim và cả một gia sản trong khi đi dạo chơi về miền Chantilly trong mùa xuân vừa rồi.

Một thời gian trước đây, bá tước Edouard đã dự trận chiến tranh ở Châu Phi, và ông đã bị thủ lĩnh kháng chiến quân Abd-

el-Kader đánh bại. Ông trở về Pháp và mãi đến bây giờ ông vẫn chỉ được biết tiếng ở trong giới đàn bà, và tổ tiên ông được may mắn lại là những người công chức chói rạng trong Hoàng gia hoặc là những chủ ngân hàng kết sù trong thời Phục hưng ở Pháp.

Rồi nhiều bạn trai đã dẫn Edouard đến nhà Marie. Chàng đã chói mắt vì nàng. Cái sắc đẹp nhàn nhạt, cái vẻ say đắm của nàng làm cho chàng bấn loạn tâm thần. Rồi chàng ta la-cà nơi nhà nàng, sống trong cảnh hoa đẹp kẹo ngon, nghe hát bản *Danube Bleu*, quay cuồng theo điệu *Valse* của Weber : cảnh tượng thật là tình tứ thân mật, tạo cho chàng một dịp tốt để ngỏ ý yêu đương...

Đôi khi chàng nửa như hỏi han nửa đùa cợt :

— Thân em như tấm lụa đào.

Còn nguyên hay đã xé vào tay ai ?

Nàng sẽ mím môi rồi cười lên nắc nẻ :

— Và nếu em bảo với anh rằng tấm lụa đào kia vẫn còn nguyên vẹn thì sao ?

— Ô ! Thế thì tốt biết chừng nào !

— Tại sao thế, anh ?

— Tại vì... tại vì anh... anh yêu em, Marie à.

Và chàng yêu nàng say sưa, với một mối tình hiền dịu tuyệt vời. Người ta thấy họ cặp tay nhau ở khắp mọi nơi, trong những cuộc đi dạo, trong rạp hát, ở Bougival hay ở Saint Germain.

Một buổi sáng ở Bougival, dưới bầu trời tháng tư mát dịu, đôi uyên ương tìm thấy ở cuối một đại lộ đông người có một ngôi nhà nhỏ nhắn, xinh xắn, và trong một khu vườn rộng, một vườn nho nguyên vẹn mới lên phủ kín cả những bức tường. Ngay đó, có một tấm bảng : Vườn cho thuê.

Họ vào thăm khu vườn ấy. Khu vườn tươi mát làm sao ! Ngôi nhà mới, đẹp để lại đầy đủ tiện nghi, làm cho chàng và nàng rất thích thú. Chàng thuê ngay khu vườn ấy. Marie cảm ơn chàng bằng một chiếc hôn.

Họ sống ở đấy những ngày thần tiên thơ mộng. Buổi sáng, vào khoảng 10 giờ, khi người con gái giữ nhà đến mở các cửa sổ ra, Marie tựa cửa, lắng nghe tiếng

chim sẽ chim-chíp trong bụi cây hay tiếng líu-lo của mấy con cà-cường...

Và như là vận đỏ cũng tới cho cặp nhân tình, nên Marie được 50.000 francs trong một cuộc đánh bạc ở Bade. Còn ở Paris, Edouard lại tiêu xài cho nàng mà không kể đếm đến. Chàng luôn luôn đưa nàng đi dạ hội khiêu vũ, vào nhà hàng sang trọng và sắm những đồ chơi đắt tiền...

Chàng đứng sau nàng, chống chiếc can có nướm bít vàng, và cầm một nắm hồng ngọc nơi tay, hãnh diện chứng tỏ rằng nàng là của riêng chàng, của một mình chàng mà thôi. Trong những cửa hàng sang trọng chừng nào thì Perregaux lại phải đứng lâu chừng ấy, vì Marie thích ở trong ấy lựa chọn lâu hơn. Nàng lựa kiêu nón đắt tiền nhất theo lời bà chủ Planat :

— Như gương mặt của cô, phải có kiêu nón cho tiên nữ như thế này...

Hoặc trong cửa hàng của Gon, người bán da thú thịnh hành, nơi có những vết ngọc phản chiếu trên những bộ lông chuột hương hay rái cá mà hương vị hăng hăng từ từ tỏa ra trong màu hồ phách...

Nàng thích luồn tay vào những tấm da láng bóng, thích ngửi mùi hương nặng nặng của những con vật thơm tho...

Và rồi những tấm hóa đơn chồng chất lên. Hàng tháng, Perregaux phải chi phí cho nàng cả đến 20.000 francs và gia sản của chàng suy sụp một cách nhanh chóng. Chàng từ bỏ ngôi nhà ở Bougival và trả các khoản tiền thiếu trong một kỳ hạn. Marie vượt ve chàng với hai bàn tay dịu dàng hơn bao giờ :

— Anh yêu em, nhưng anh có yêu em đủ để cưới em làm vợ ?

Perregaux không trả lời nàng. Nàng lập lại nhiều lần, và nhấn mạnh :

— Em sẽ sung sướng biết bao nhiều nếu được làm nàng bá tước của anh !...

Perregaux nhắm mắt lại, nghĩ đến cái vực thăm, đến giòng họ Perregaux, đến những tập tục từ xưa của một gia đình không bao giờ nghịch lệ :

— Vâng, anh sẽ cưới em làm vợ, nếu chính em muốn điều đó.

Và như nàng còn nghi ngờ, Perregaux lấy danh dự hứa với nàng...

Buổi chiều hôm ấy nàng lại càng hiền dịu hơn, thỏ thẻ với chàng về những bức thư tình thăm thiết, về quyền lực của chàng bá-tước đáng yêu...

Bấy giờ nàng đã tập thói quen biên thư cho chàng hằng ngày. Tiếng rằng thư tình nhưng mỗi bức thư ngắn ngủi đều diễn tả một ước vọng: ước vọng thương yêu chàng thăm thiết trong những buổi hoàng hôn, nhưng thường thường thì ước vọng một chỗ ngồi đặc biệt trong rạp hát. Đôi khi nàng từ chối việc sắp đặt một cuộc gặp gỡ với chàng, nhưng đề đền bù lại, nàng hứa sẽ ăn cơm với chàng vào chiều hôm sau. Nàng viết: «Em hôn cặp mắt xanh của anh một triệu lần. Em thuộc về anh, em là của riêng một mình anh».

Marie không phải là của riêng một mình chàng, điều ấy chắc hẳn lắm rồi, nhưng vì chàng cũng có tính ghen, nên nàng làm cho chàng tin tưởng. Chàng đi theo nàng khắp mọi nơi, và gây lộn với bất cứ người đàn ông nào khi họ nhìn nàng quá gần.

Tuy nhiên, không có gì làm cho chàng chán nản. Đôi khi chàng trở về khoan-khoái, thấy những

món quà lạ lùng như những đồng tiền vàng thời Louis XIII. Nàng giả vờ lơ đãng nhặt lấy và hít mạnh hương thơm của bình hoa, làm như là đối với nàng, chỉ có hoa thơm mới là đáng quý.

Tại quán Café de Paris, đôi nhân tình này có một cái bàn riêng. Trên cái ghế dài phủ nhung đỏ, Perregaux ngạo-nghe ngồi ngắm những người khách ra vào.

Cảnh tượng ấy và những lời khiêu trách nàng lại tăng bội, khi nàng có ý định đi qua Ý-đại-Lợi, nhưng nàng chỉ đi có một mình. Perregaux không chịu để cho nàng rời khỏi mình nên ngỏ ý muốn đi theo. Chàng nói:

—Tôi sẽ theo kịp em ở Venise, và chúng ta sẽ cùng đến Lido.

Nàng khăng khăng từ-chối... Một hôm, nàng bảo chàng:

—Tôi ghét anh lắm rồi.

Edouard bùng mặt khóc, Chao ôi! Bá-tước ta đâu có hãnh-diện bằng Agénor de Guiche. Nàng khinh bỉ chàng, nhưng vì thương hại, nán ở lại.

Bấy giờ Edouard vui vẻ, phô trương tài năng của chàng bằng cách ném tiền qua cửa sổ. Nàng mua sắm, chàng xia tiền và cứ

thế, gia sản chàng suy sụp dần dần. Rồi các chủ nợ đến... Nàng thúc dục chàng trả lời về những vấn đề tiền bạc. Chàng đột nhiên nghĩ đến chuyện mất nàng và mang nợ đầy mình...

GIẤC MỘNG HAI CHIỀU

Khi hai người yêu nhau, bảo rằng người này yêu người kia nhiều hơn hay người kia là người yêu nhiều nhất, là một điều rất khó nói. Và lại, Ái tình đâu có phải là một ngọn lửa mãi mãi không tàn! Đó là một ngọn lửa nổ lẹt-đẹt và bùng cháy lên, rồi lại âm-ý dưới đồng tro, rồi lại bùng cháy lên từng cơn, từng cơn như cái dây xích, nhiều lúc rung rinh, như những bến tàu êm-dịu, những lúc lặng gió tạm thời và những giấc mơ...

Cuộc đời có dẹt bằng những sợi len tuyệt hảo, cũng không phải luôn luôn đơn thuần hòa hợp. Kia xem bốn mùa: thu tàn, đông vàng, xuân sang... rồi đó hoa hường kia sớm lại nở đề tối tàn. Cuộc đời biến đổi, kỳ quặc, may rủi, sáng ra tối về. Cũng theo cách thức ấy mà có điều chắc chắn rằng cặp tình nhân Marie Edouard yêu

n nhau nhưng không cùng nhìn về một hướng hay nói cho đúng ra, hai người không cùng yêu nhau một mối tình.

Trong thời gian yêu nhau, Marie có gửi cho Edouard tám bức thư chân-thật, hay đúng hơn, tám cái thiệp không đề ngày tháng mà lối xưng hô cũng lẫn lộn nhau: cái thì «ông tôi», cái thì «anh em». Chúng tôi còn lại tám bức thư ấy, tám bức thư viết ra rất ít nhưng cũng nói lên rất nhiều, nhưng nhờ đó mà chúng ta có thể đoán biết được mối tình của họ như thế nào: lịch thiệp và thân thiết, hay thay đổi, chịu chuộng, đòi hỏi và phản nản... Nhưng với chính những hình ảnh ấy, người ta sẽ đoán được những mối tình như thế nào, nếu người ta sẽ đoán được những bức thư vụng trộm kẻ trên đề họa hình nó ra. Đại khái có một cái như thế này:

« Đây là những mệnh lệnh của tôi: chiều nay, tại hàng ghế thượng hạng số 2 trong rạp hát Vandeville. Anh hãy đến trong lúc đổi tрупп lần thứ ba ».

(Còn nữa)

HỖ TÍN

Được thiệp của bạn TỐ-THÙY-YÊN con trai của ông bà Đình-vân-Tám, Gia-định, cho biết ngày 18 tháng 6-1961, làm lễ thành hôn với cô HUỖNH-DIỆU-BÍCH, con gái của ông bà Huỳnh-vân-Thơm, Gia-định, chúng tôi xin thành thật mừng bạn và thân mến chúc đôi vợ chồng mới được vun tròn hạnh phúc.

N. V.

THƠ LÊN RUỘT

★ DIỆU-HUYỀN

Tôi thơ-thần hôm qua
Trên đường Ca-ti-na.
Bỗng một chiếc xe nhà
Trông hào-nháng xa-hoa,
Chạy thật nhanh như gió,
Lái xe là một Bà,
Và có một con chó
Ngồi nhóc mở dùm ra.
Chiếc xe vụt chạy qua,
Đỗ trước một căn phố,
Bà chủ mở cửa ra,
Vào một tiệm Chà-và,
Để con chó ngồi đó.
Tôi đi ngang con chó
Trông thấy tôi, nó ngó
Với cặp mắt điều-toa.
Tôi hỏi : « Kia con Chó,
Sao mầy cứ ngó ta ? »
Con chó hếch cái mõ
Và thò ra hai vó :
— « Tôi ngồi giữ xe bà,
Rồi chốc nữa bà ra,
Bà cho tôi nhiều quà.
Nào những bánh trứng gà
Nào những sô-cô-la !
Bà mơn-trón xuyết-xoa
Bà vuốt-ve hề-hà
Bà ngon-ngọt đậm-đa,
Tôi trung-thành thiết-tha

Vui đời sống xa-hoa,
Quần-quít bên chũn bà,
Hành-diện với người ta ! »
Tôi cười bảo : « Thế a ! »

Hình như khoái ý Chó,
Chó cười « Hó ! Hó ! Hó ! »
Đuôi ngoác lại ngoác qua,
Hai mắt nhìn tho-lô.
Rồi nó lại hỏi xỏ :
— « Giữa Sài-gòn nguy-nga,
Đường Tự-Do ngọc-ngà,
Người tự-do xa-hoa,
Đời tự-do bê-tha,
Sao người cứ đi bộ,
Không ngồi xe hề-hà ?
Tôi đây là loài Chó
Mà còn được chủ nhà
Cho đi đây đi đó,
Xe Huê-kỳ thả ga.
Đường văn-minh tiền bộ
Chó còn ngồi xe cộ,
Sao người vẫn lê.la
Như một con ma-xô
Đi trong bãi tha-ma ?
Sao không mang bộ giớ
Lên ngồi xe như tôi
Vênh-vang với người ta ? »

Tôi cười bảo : « Thế a ? »

Diệu-Huyền

MỒ HÔI NƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 59)

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC : *Ánh gặp cô Hoa, cũng một bạn học cũ, hiện làm thợ đóng sách ở một nhà in. Hoa giới-thiệu với ông Quản-lý nhà in, Ánh được nhận vào làm việc.*

Buổi tối về, Ánh đi học đánh máy chữ. Được ít lâu, Thầy Tư Quản lý nhà in gọi Ánh lên làm thư ký đánh máy thay thế cho cô Năm xin nghỉ việc. Tình cờ gặp lại ông giáo sư Ngọc Minh đến thuê in sách.

BÌNH keo cô lấy trên bàn giấy của anh tôi, hà cô Ánh?

— Dạ thưa thầy Tư, tôi mua ngoài tiệm.

Thầy Tư dụi giọng nhe răng cười:

— Ừ, thứ này xài tốt lắm, cô à.

Nói thế rồi thầy đi luôn, biệt có hỏi là cô lấy tiền ở đâu mà mua lọ keo tốt ấy.

Hai anh em thầy Tư hồi trước học hành không ra gì. Con trai bà chủ tiệm cầm-đồ hồi thời Pháp thuộc, bà cắt cổ mổ họng đám người nghèo-túng đem cầm cố tài-sản, để cho bà làm giàu. Bà cho hai cậu con trai đi học. Thầy Ba đỗ bằng tiểu học rồi, nhưng chơi-

bời lêu-lông, lấy ba bốn người vợ toàn là gái điếm cả. Còn thầy Tư thì chưa được cái bằng tiểu học nữa, nhưng bị mẹ bắt ở nhà để chép sổ-sách tiệm cầm đồ và làm biên-lai cho những người đem đến thế áo-quần, đồng-hồ, xe máy, chậu đồng, mâm thau, đủ thứ. Các cô các bà thua tứ-sắc, hay cần tiền buôn bán thì đem đến cầm vòng vàng, xuyên, nhẫn, cà-rá, hột-xoàn, đáng giá 50 đồng hồi thời đó thì chỉ cầm được 5 đồng, rồi quá hạn không có tiền chuộc về là mất tiêu! Nhờ ở gần bà mẹ làm nghề ấy nên thầy Tư tập được cái tánh đặc-biệt, là keo bần. Sau thầy lấy con-ở, một con ở dốt-nát bần-thỉu, dự-đổ ở dưới Sa-đéc đem về.

Thầy nói với chúng bạn là lấy con-ở như thế khỏi tốn tiền cưới. Nhưng con-đầy-tớ đó có chữa, rồi có quân-sư bày vẽ cho nó, nó vùi tiền thầy. Thầy đánh đập tàn nhẫn, cho nó một số tiền rồi đuổi nó đi. Thầy lấy con ở khác cũng thế. Bây giờ thầy có bốn vợ, đều là bốn con-ở cùng một điệu như thế cả. Một hôm bốn đứa ở cũ toa-rập với nhau kéo nhau ra kiện Thầy ở Cò Bót, lại gặp ông Biện Chà đã ghét sẵn thầy Tư từ lâu

rồi cũng vì vụ tiền-nong biên-lai sao đó, nên ông bắt thầy Tư phải lấy cả 4 đứa ở và cấp dưỡng cho họ. Tại vậy mà bây giờ thầy Tư có bốn vợ. Từ đấy, thầy không dám nuôi đầy-tớ nữa và cũng không dám kiếm vợ khác nữa.

Đối với cô thư-ký Lê-thị-Ánh, thầy mê sắc đẹp của cô, thèm muốn cô lắm. Nhưng biết Ánh có sức học giỏi hơn thầy, và thấy Ánh lúc nào cũng có bộ mặt nghiêm nghị, thầy dâm ra... nề cô. Thỉnh thoảng nói đùa vài câu, bị Ánh làm nghiêm không trả lời, thầy mắc-cở không dám hó-hé. Nhưng mặc dầu thầy Tư Quản-lý chưa chiếm được tình yêu của cô Thư-ký, thầy vẫn muốn có cô giúp việc ở Văn-phòng, vì Ánh làm việc đặc lực, Ánh có nhiều khả năng và nhiều đức tính tốt, nhất là cô làm việc rất chuyên cần, tận tụy, hơn cô Năm nhiều.

Nói thế, chứ trong thâm tâm thầy vẫn muốn «lấy» cô Ánh lắm. Thầy định dần-dà thân-mật với cô, quyến rũ cô, rồi chờ một cơ hội thuận tiện nào đó, thầy sẽ... thầy sẽ... Nhưng đó là ý nghĩ thâm kín của thầy Tư, thầy có dám thổ-lộ cho ai biết đâu.

Ánh bây giờ đã nghiêm-niên thành cô Thư ký ở văn-phòng. Ai đã biết rõ đoạn đời dĩ-vãng của cô, ai đã thấy đũa đày-tớ cũ của cô Minh-Tú, mới trước đây vài ba năm hãy còn đi gánh nước thuê, còn xách giỏ đi chợ, chân không mang guốc, tay xách hủ mắm, tay cầm cái chổi cau, đầu đội nón rách, mình mặc áo bà-ba vá vai, quần vá ống, trông bộ tịch nghèo nàn ai cũng khinh rẻ, mà bây giờ lại thấy cô ngồi làm việc trong một văn-phòng với chiếc áo dài trắng thướt-tha yêu kiều, hai bàn tay nõn-nà nhắn phớt qua dju - dhang mềm-mại trên bàn máy chữ có vẻ điệu-hiền, duyên dáng, thì ai cũng khâm-phục ý-chí tự lập, nhẫn-nại và chuyên-cần của cô, thành-công với mồ-hôi nước mắt.

Người ngạc nhiên nhất là ông Giáo - sư Ngọc - Minh, anh có Minh-Tú. Té ra ở đời thường có những việc ngẫu-nhiên rất lạ-lùng khó hiểu. Đời sống của mỗi người y như là một pho tiểu-thuyết, do bàn tay Định-mệnh đã bố trí, sắp-đặt sẵn-sàng từ hồi nào, mà mỗi người chúng ta là một vai chính. Biết bao nhiêu sự-khien xảy ra cho chúng ta mà chính ta là người ngạc-nhiên trước hết. Mỗi việc gì của chúng

ta làm, mỗi hành động, cử chỉ của chúng ta, hình như quả thật có một Số-kiếp huyền - vi đã sắp xếp trước đầu vào đó hết! Nếu không, thì tại sao Ánh đã từ-giã nhà cô Minh-Tú và xách gói quần áo rách ra đi đến bây giờ gần hai năm rồi, còn ông Giáo Ngọc-Minh đã dọn nhà ở riêng tận miệt Thị-Nghè, thế mà ngẫu-nhiên ông đến đây, để ngẫu-nhiên gặp lại Ánh, đưa ở cũ mà ông đã tha-thiết yêu thương? Ông Ngọc-Minh đâu có ngờ là bây giờ Ánh làm nữ Thư-ký ở một nhà in đồ-sộ như thế này, ông có ngờ đâu cô thư-ký đang ngồi đánh máy kia, là Lê thị Ánh? Có phải Ánh thật không? Hay là ai..., chớ có lẽ nào? Nhưng ai mà giống Ánh y như hệt thế kia?

Ông Ngọc-Minh vừa bước vào cửa Văn-phòng nhà in, tay xách một cặp da, vừa trông thấy thiếu nữ ngồi đánh máy ở bàn giấy trước mặt ông, ông sửng-sốt đứng yên, dăm-dăm nhìn cô. Nhưng cô vẫn chăm-chỉ đánh máy một bức thư dài, không ngược mắt lên, không trông thấy ông. Về mặt Ánh điềm-nhiên, diễm lệ, đẹp hơn Ánh hồi nào, nhưng vẫn đượm nét buồn duyên-

dáng, một sàu-mơ huyền-ảo xa-xăm.

Một phút ông do-dự. Không lẽ ông quay trở ra? Mà cứ vào, thì... nổi lòng hồi hộp, xúc-động liên miên, ông biết nói sao với Ánh? Tình-cờ gặp lại Ánh, trong một tình thế khác hẳn trước kia, ông mừng rỡ vô cùng, mà ông cũng bỡ ngỡ vô cùng.

Trong văn phòng chỉ có một mình cô thư ký ngồi đánh máy, cô không để ý đến ai cả, theo thói quen của cô như thế, trừ khi có ai đến gần hỏi cô việc gì cô mới ngưng việc để trả lời, dju dhang nhã nhặn. Ông giáo Ngọc-Minh đứng cách xa, lặng lẽ không lên tiếng. Ông toan đến gần chào Ánh ngay, và hỏi chuyện Ánh, nhưng ông sợ nhớ có ai trông thấy và nghi-ngờ ông với Ánh chăng?

Thầy Tư quản-ly, từ dưới xưởng máy đi lên. Trông thấy khách, thầy vồn-vã bước ra chào:

— Thưa ông hỏi có việc chi?

Ông giáo Ngọc - Minh mỉm cười đáp:

— Tôi có một quyển sách, muốn nhờ quý-quán in giùm.

Được một khách hàng mới, thầy Tư mừng rỡ đón mời:

— Dạ, dạ. Dạ mời ông vào...

Thầy Tư đưa khách đến thẳng bàn giấy của thầy và mời khách ngồi. Bàn giấy của thầy Tư kê xéo nơi góc tường. Ghế của khách đặt trước bàn, vì thế khách ngồi đối diện ngay với bàn cô thư ký cách xa chừng năm bước.

Ông Ngọc-Minh mở cặp da lấy ra một tập bản-thảo đánh máy sạch sẽ, cỡ giấy pelure, dày cũng độ một ram giấy. Ông đưa thầy Tư coi và bảo:

— Tôi muốn in 3000 cuốn, giấy thường, bìa cứng, xin ông tính cho biết giá in bao nhiêu?

— Dạ.

Cô Ánh đang lui-cui đánh máy, nghe tiếng nói hơi quen-quen cô ngược mắt lên ngó. Bỗng nhiên đôi má cô đỏ bừng, cô thẹn-thùng cúi mặt xuống liền. Cô nhận thấy ông Ngọc-Minh. Nhưng ông Ngọc - Minh không ngó cô. Ông đang chăm chú đàm thoại với ông quản-ly nhà in về ấn-phí quyền bản thảo dày 500 trang của ông.

Ánh rất đổi ngạc nhiên. Có

hết sức trấn tĩnh nhưng không sao giấu nổi bản-khoản lộ ra trên nét mặt kiêu-diễm của cô, đang diễm nhiên vô tư tự, bỗng bối rối, thẹn-thùng. Cô đã đánh máy gần cả một trang thư dài không sao, thế mà bây giờ cuối bức thư cô lại vấp phải hai lần hai lỗi lớn : chữ Z cô đánh lộn ra chữ R, chữ expression cô bỏ sót mất một chữ S. Ánh ngưng đánh mở ô-kéo tìm miếng tẩy nhưng lục soạn các đồ vật và giấy tờ bỏ lẫn lộn trong hộc, kiếm mãi không ra. Ánh sực nhớ hôm qua thầy Tư bảo cô đưa miếng tẩy cho thầy mượn, mà thầy chưa trả lại. Ánh bực mình lắm. Đứng dậy đến bàn thầy Tư đề hỏi miếng tẩy, thì cô mắc cỡ vì có ông Ngọc-Minh ngồi đấy. Cũng tại gặp ông Ngọc-Minh một cách bất ngờ và quá đột ngột nên cô mới bối rối đánh máy làm mất hai chữ. Cô dặng nôn nao trong lòng, bản khoản trong trí, lại kiếm không ra cục tẩy nữa, khiến cho cô càng bối rối, bản khoản... Cô toan rút tờ giấy ra, đặt tờ giấy khác vào để đánh máy lại, nhưng bức thư dài quá đánh lại thật mất công và sợ thầy Tư hỏi... Cô không quên lúc này thầy Tư có dặn cô : « Thư này gấp, nghe cô Ánh ! »

Cô thầm mong ông Ngọc-Minh ngồi nói chuyện lâu lâu với thầy Tư để cô có thì giờ đánh lại thư khác. Dè đâu, thầy Tư, quay qua hỏi cô :

— Xong bức thư đó, cô đánh cho tôi bản tính giá in này gấp.

— Dạ.

Trong lúc Ánh còn ngó thầy Tư, Ánh cảm thấy ông Ngọc - Minh chăm chăm nhìn cô. Cô không dám ngó ông. Nhưng thầy Tư vừa cúi xuống tờ giấy tính giá tiền thì tự nhiên cặp mắt cô vô tình chạm phải đôi mắt của ông Ngọc Minh. Một luồng điện này ra giữa bốn con người im-lìm xao-xuyến. Làn mi của Ánh chớp chớp như một rèm thưa rung động dịu-dàng... Ánh cúi mặt xuống, rạo-rực vô cùng.

Thầy Tư cầm đưa qua cô tờ giấy tính giá tiền :

— Cô đánh ngay rồi đưa qua tôi ký.

— Dạ.

Ánh đánh bốn phút xong, đứng dậy cầm bản khai giá đến bàn giấy ông quản lý. Sẵn dịp, cô hỏi luôn cục tẩy.

Một lúc sau, cô đang chăm chú vào công việc thì ông Ngọc Minh đứng dậy ra về. Lúc ông đi ngang

gần bàn cô, cô nghe tiếng nói dịu dàng của ông :

— Chào cô.

Ánh lễ phép đáp :

— Dạ.

Ông Ngọc Minh đi ra khỏi cửa rồi, thầy Tư đề tập bản thảo, trên bàn Ánh, vừa bảo :

— Cô coi theo kiểu-mẫu hợp đồng in sách, đánh một bản hợp đồng với ông này, theo đúng các điều-kiện như các hợp đồng kia, còn giá in thì theo bản khai giá lúc này. Phải làm xong hôm nay để sáng mai ông ấy tới chòng tiền đặt cọc và ký hợp đồng luôn thề. Có tên và địa chỉ của tác giả trên danh-thiếp tôi ghim vào bìa đấy.

— Dạ.

Nói xong, thầy Tư đi xuống xưởng máy.

Ánh xem danh-thiếp rồi tờ-mò lật trang bìa.

Tên quyền sách là :

« Đi tới một xã-hội vô giai-cấp »

Tác giả NGỌC-MINH

Lật qua trang sau. Ánh đọc mấy lời tựa :

Gửi Ánh,

Cô gái nghèo đi ở mướn,

Nếu Ánh được sanh - trưởng trong một gia đình giàu sang, thì

em đã là một nàng tiên được bao nhiêu đàn ông say mê, và em sẽ là vợ một ông Bộ Trưởng, một ông Đại Sứ, một nhà Triệu-phú, một Bác-sĩ, một Kỹ-sư, một Luật-sư, hoặc một nhân vật thượng-lưu khác trong xã-hội, và em sẽ được bao nhiêu người, đàn ông lẫn đàn bà, cúi đầu dạ dạ, dù là em xấu xí, hoặc dốt nát, ngu đần, lẳng-lơ, mất nết.

Nhưng Ánh chỉ là con gái một gia-đình lao-công nghèo khổ ! Cho nên em phải đi ở mướn, làm thuê, và ai cũng khinh rẻ em dù em có đủ công dung ngôn hạnh hơn con nhà khuê các, dù em có tài năng trí đức hơn muôn ngàn thiếu-nữ thượng lưu ăn không ngồi rồi.

Vì vậy, tôi viết quyền sách này, để tặng Ánh, và tặng hết thầy các cô Ánh khác, nạn nhân của xã hội bất công, tham tàn, ích-kỷ.

Và đây, tôi xin đề nghị với hết thầy mọi người một xã hội hơn đạo hơn, nghĩa là văn-minh hơn, hợp với lẽ Trời và thuận với lòng người. Một xã hội không có phân chia giàu nghèo, không có đấu tranh giai-cấp, mà một cô gái nghèo như Ánh, nhưng thông minh và dịu-hiền, có tài năng, trí-đức, không còn đi ở mướn làm thuê nữa.

N.M.

(Còn nữa)

SÁCH BÁO MỚI

★ ĐI HOANG

Thơ của HOANG-YÊN-TRANG, ở Sóc-Trăng.

Ấn-loát đẹp, tại nhà in Thanh - Quang, Ba - Xuyên. 30 bài thơ, mà phần nhiều theo thể « tự-do ».

Xin trích một bài nhan đề « cảnh đẹp ban đêm » :

Người vũ-nữ đi nhanh vào nhà
Rửa lớp phấn son
Hôn vào đầu vào má đứa con
Cởi vội lớp vú giả
Đút vào miệng con bầu sữa lép khò
Đứa trẻ bám vào như đĩa dôi
Trời đêm rung rung
Đồng hồ buông hai tiếng

Bản đặc biệt, trên giấy blanc fin, không hề giá bán.

★ KIM-VÂN-KIỀU

Đại-toàn chú-tích dẫn giải đính-chính, của ông UNG DỰ.

Trong bài tựa, tác-giả nói vì sao có quyển sách này : « Những bản của các bậc tiền bối hành thể vẫn nhiều, nhưng chỗ thì chú thích ra vẻ sơ lược, chỗ thì dẫn-giải có bề xuyên tạc, chưa kể đôi chỗ sai lầm đáng tiếc. Nơi nên lưu-ý hơn nữa, là chưa có ai chú-giải rành-mạch ra Hán-văn cả, vì vậy mà quyển KIM - VÂN - KIỀU ĐẠI TOÀN CHÚ-TÍCH DẪN-GIẢI ĐÍNH-CHÍNH này ra đời. Chủ ý của thuật giả là giúp ích cho độc-giả, khi gặp những từ-chương tao-nhã, điển-tích thâm-thúy, hoặc những ý-nghĩa thắc-mắc, tu-tướng kín-đáo, muốn nghiên-cứu phân-tích khỏi mất thì giờ... »

Công-trình chú-thích rất công-phu và tỉ-mỉ.

Xuất-bản ở Huế — Dày 304 trang — giá 120\$.

★ TỰ-ĐIỆN THÀNH-NGŨ ĐIỆN-TÍCH

của Ông DIÊN-HƯƠNG.

Soạn-thảo quyển sách này tác-giả đã tham-khảo các tài-liệu sách báo về lịch-sử, văn-học và cổ-tích, của Trung-Hoa và Việt-nam. Có thể giúp ích nhiều cho học-sinh và những người muốn tìm hiểu tài-liệu văn-hóa Hoa-Việt.

Nhà sách Khai-Trí, 62 Đại-lộ Lê-Lợi, xuất-bản, dày 503 trang — Giá 100\$.



Minh-xác về một vài chi tiết trong bài của Phở Thông số 59 nói về

Ô. BÙI-TIÊN-MAI (Thừa Mai)

• Đền tội trước bàn thờ Nguyễn-thái-Học •

Chúng tôi vừa nhận được bức thư của ông Bùi-yên-Phú, con trai của ông Bùi-tiên-Mai, minh-xác lại một vài tài-liệu do một bạn đọc-giả, ông Trương-thọ-Phú, đã đăng trong Phở-Thông số 59. Chúng tôi xin vui lòng đăng nguyên-văn bức thư sau đây :

TOÀN SOẠN PHỒ-THÔNG



Saigon, 16-6-1961

Kính gửi

Ông Nguyễn-Vỹ

Giám đốc Tạp Chí Phở-Thông

Saigon.

Thưa Ông,

Trước hết tôi xin tự giới thiệu cùng ông, tôi là một độc giả của Tạp chí Phở-Thông, đã từng ngưỡng mộ ông với « Trường Thơ Bạch Nga », với tờ Dân-Ta đứng đắn, giá trị. Hôm nay viết bức thư này, mong được ông cho đăng đề minh-xác lại một đôi tài-liệu trong bài của ông Trương-thọ-Phú đăng trên Phở-Thông số 59.

Tôi không hiểu ông Phú lấy tài liệu ở đâu để viết thành bài này? Trước hết, người mà ông Phú nhắc đến không có tên là Bùi Tiên Mai mà là Bùi Tiên Mai. Về tiêu-sử của ông Bùi-tiên-Mai, ông Trương-thọ-Phú cũng rất hàm hồ khi viết ra : « Quan bố chánh Bùi ở một dinh thự đồ sộ tại Thủ Trì... », « Bình thổ huyết y mặc đã từ lâu... », « Thần dược kéo dài kiếp sống của y từ 25 năm nay là « cô ba Nha Phiến »... », « Y bị tuyệt tự... », « Quái thai làm cho cả nhà y thất vọng... »

Ông Trương-thọ-Phú làm cho tôi kinh ngạc vô cùng. Kinh ngạc vì một sự quyết-đoán sai lạc. Trước đây, trong một tờ báo khác, ông Đạt-Sơn cũng đã có nhắc đến ông Bùi-tiên-Mai với nhiều sai lầm, nhưng ông Sơn cũng như nhiều người khác chưa hề nói đến những điểm quái gở mà Trương-thọ-Phú nêu dẹt. Vì, thưa ông Giám đốc, kể viết những giòng này đề gởi đến ông, lại là *1 con trai trong số 3 con trai của ông Mai hiện ở miền Nam tự do này*. Như vậy, Trương-thọ-Phú lấy tài liệu ở đâu để cho rằng ông Mai bị tuyệt tự ? Và nữa : Quái thai không hề được sinh ra ở gia đình Bùi-tiên-Mai !

(Nhân tiện, tôi cũng xin nói thêm : Tôi không hề bực bội vô lý khi nghe ông Phú nhắc đến và mặt sát thân phụ tôi. Nhưng nhắc đến với những sự sai lầm thì quả không thể cho qua. Những sự phản bội về chính trị đã được thanh toán. Nếu có nhắc lại, không nên vin vào nó để mặt sát một kẻ đã khuất (có thể là đã đền tội !)

— Ông Mai không có một dinh thự nào ở Thư-Trì cả, mà chỉ có tư dinh ở Đức-Hiệp mà thôi.

— Ông Mai không hề mắc chứng thổ huyết và nghiện thuốc phiện.

Chắc hẳn ông Phú không biết là gia đình ông Mai hiện ở Saigon, nên yên trí những sai lầm của mình sẽ được công luận cho là đúng. Và do đó, nhiều người sẽ ngỡ là ông Trương-thọ-Phú ắt phải là tay quan trọng của V.N.Q.D.Đ. hồi xưa, để nuôi tham vọng chẳng ? Có lẽ ông Trương-thọ-Phú là một nhân vật của V.N.Q.D.Đ ; nhưng xin hỏi vào thời ông Mai, ông Phú làm gì, ở đâu mà biết về ông Mai quá nhiều, biết cả đến lúc ông Mai *bản khoán lo sợ bị bắt cóc với nét mặt thiếu nã*. Vì theo tôi, đó phải là sự thực, vì không thể "tiêu thuyết hóa" tài liệu lịch sử được.

Trân trọng cảm ơn ông Giám-đốc.

Kính thư
BÙI-YÊN-PHÚ

★ Sinh-ngữ

(Của bạn Nguyễn thành Nhơn — 4615 Lê Lai, Vũng Tàu)

... Chúng tôi là những học-sinh ban Tú-tài sắp bước chân vào Đại-học, bỏ-ngữ như lũ chim non. Thấy cái lạ, cái mới của nước

người, chúng tôi rất chuộng, thấy người tiến, chúng tôi rất thích. Nhưng với số ngoại-ngữ quá ít-oi, nếu muốn bằng người cũng không bằng được vì chúng tôi không hiểu được sách-báo viết bằng ngoại-ngữ. Tệ hơn nữa, gặp người ngoại-quốc, chúng tôi không dám nói chuyện câu nào. Mới đây, chúng tôi dạo bờ biển Vũng Tàu, gặp một người Pháp. Bạo gan lắm mới dám nói chuyện với ông ấy một lúc rồi cuối cùng chúng tôi cũng "nghe" trước vài câu hỏi của ông và không biết trả lời ra sao ? Ở trường, chúng tôi được khen là giỏi tiếng Pháp và môn Pháp-văn là sinh-ngữ thứ nhất của chúng tôi. Tất cả chúng tôi bảy người đều "nghe" như vậy ! Tại sao ? Chúng tôi học 5 năm Tiểu học, 7 năm Trung-học mà TIẾNG PHÁP KHÔNG THÔNG, TIẾNG ANH KHÔNG HIỂU ! và chúng tôi tin chắc rằng hầu hết các bạn học sinh Việt-Nam học cùng chương trình với chúng tôi đều như thế cả. Học-sinh chúng tôi dở ngoại-ngữ có phải lỗi tại chúng tôi không, hay tại những người có trách nhiệm giáo-hoá chúng tôi, không dạy cho đúng mức ? Hồ thẹn và chua-xót hơn, chúng tôi nghe một số người lớp trước nói với chúng tôi. « Về ngoại-ngữ, học sinh Tú Tài bây giờ. Không bằng học sinh Tiểu học hồi xưa !

Sau mười hai năm học tập, đỗ được bằng Tú tài Việt, chúng tôi đau đớn đứng trước một sự thực đau lòng : chúng tôi quá dở ngoại-ngữ !

Thấy đề-nghị học nhiều giờ ngoại ngữ, chúng tôi đã nghe có người bảo : « cho học sinh học ngoại ngữ sớm tức là nhồi sọ chúng nó ! ». Chúng tôi, là học-sinh, xin thưa : Không phải như vậy, mà là trái lại. Chính sự thiếu căn-bản ngoại ngữ từ lớp dưới để khi lên lớp trên lại học tắt, học quá mức, đó mới là nhồi-sọ chúng tôi.

Học ngoại-ngữ sớm chẳng những có lợi cho học sinh ban Trung học phải ra đời để tìm kế sinh-nhai, tiếp-xúc với đời, với người ngoại quốc, mà còn có lợi cho những học sinh lên Đại-học nữa. Có một số vốn ngoại ngữ, lên Đại học, chúng tôi không còn phải bỏ-ngữ về các bài giảng, không còn gặp phải cảnh « giảng-sư thuyết — bằng tiếng Pháp — suốt 2 tiếng đồng hồ mà sinh viên chỉ ghi được nửa trang giấy » như chúng tôi đã từng nghe các anh bạn sinh-viên nói lại ! Thú thực nghe việc ấy chúng tôi giật mình, lo sợ !

Vì nhận thấy học ngoại-ngữ với số giờ đầy đủ khả dĩ là một

việc cấp bách cho chính chúng tôi và cho đàn em chúng tôi sau này, chúng tôi xin vô phép nhắc lại lời kêu gọi thiết-tha của tạp-chí *Phò Thông* từ ba năm nay.

Thay lời một nhóm học sinh nghỉ hè ở Vũng-Tàu.

NGUYỄN-THÀNH-NHƠN

* Cống-Quỳnh.

(của cô Nguyễn-thị Út-Oanh, Kiến-hòa)

Trong « *Phò-Thông* » số 57, chị trả lời cho ông Duy-Hồ, Cao-bá-Nhạ Saigon, về *Cống-Quỳnh* : « *Cống-Quỳnh không phải là một nhân vật lịch sử, cũng không phải là một nhà văn, nhà thơ. Ông chỉ là một người học giỏi, có tiếng về một vài câu đối châm biếm...* »

Chị ạ, em lấy làm thắc-mắc lắm. Vì nếu *Cống-Quỳnh* không phải là một nhân-vật có công trạng gì trong lịch sử và trong văn học thì tại sao lại được chánh phủ chọn làm tên đường để đặt cho 1 con đường ở Thủ đô ? Và lại, Việt-Nam không thiếu chi các danh nhân chưa được đặt tên đường như Khái-Hưng, Hoàng-Đạo chẳng hạn, họ cũng là những nhà văn tên tuổi đấy chứ, sao không có diễm phúc bằng cái tên « *Cống-Quỳnh* » không có tên trong Việt-Sử mà cũng chẳng phải là một nhà văn hay nhà thơ gì !

Em mong được đọc ý kiến của chị trên mặt báo *Phò-Thông*.

● **LỜI TÒA SOẠN.**— *Chúng tôi mong Hội-đồng Đô-thành Sài-gòn cho biết ý kiến, vì đặt tên các đường phố Thủ-đô, là công việc của Hội-đồng ấy.*

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Vì kỳ này có NHIỀU BÀI DÀI QUÁ, không còn chỗ cho mục « *Đáp bạn bốn phương* », vậy xin tạm gát lại một kỳ, kỳ tới sẽ xin trả lời tất cả các thư đã nhận được từ ngày 15-5 đến 15-6.

Xin quý bạn đọc thông-cảm. Đa tạ.

Đính chánh. — P. T. số 59, trang 122, (Đáp bạn...) Từ mẫu Hy-lạp *Alpha*, như thế này : α, anh em ăn-công sắp lộn thành ra α. Xin quý bạn sửa lại giùm. Đa tạ.

THUỐC MUỐI SUI TÂM

VECENO

Chuyên trị:
BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA
VĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CƠ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

ĐỜI THỨC GIẢ

Tập Thơ của cụ UNG-BÌNH Thúc-Giạ-Thị

Tập thơ tiêu-biểu cho một thế-hệ qua

Tập thơ tượng-trưng, cho một triều-đại cũ.

Là mối tình-thần nối liền cho hai thế-hệ liên-tục nhau, nhờ đây mà dòng Thơ không gián-đoạn.

Đây không chỉ là những áng thơ mà còn là những bản di-chức, còn là những lời gợi-gẫm cho thế-hệ hiện-thời.

Bóng ngày đẹp nhất vào lúc chiều tà, tập thơ ĐỜI THỨC GIẢ hiện ra giữa đời là một bóng quái rực-rỡ buổi hoàng-hôn của Trời Thơ cũ,

Sách do nhà Xuất Bản BỐN PHƯƠNG và nhà in THU LAM ÁN THU QUÁN trình bày trang trọng thanh-nhã cùng loạt với tập thơ Mưa Gió Sông Tương.

Sách phát hành tại : YIEM YIEM THU TRANG

113-115 Đường Nguyễn Thái Học — Sài-gòn